

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Hoàng Thị Hường
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Thị Mai Linh

HẢI PHÒNG - 2015

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT
LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH TRUNG HẠNH**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Hoàng Thị Hường
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Thị Mai Linh

HẢI PHÒNG - 2015

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Hoàng Thị Hường
Mã SV: 1112401106
Lớp : QT1504K
Ngành: Kế toán – Kiểm toán
Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH
Trung Hạnh

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ)
 - Hệ thống hóa lý luận chung về tổ chức kế toán nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ.
 - Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Trung Hạnh.
 - Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Trung Hạnh.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Sử dụng số liệu kế toán của Công ty TNHH Trung Hạnh năm 2014

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp

Công ty TNHH Trung Hạnh

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Thị Mai Linh

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Trung Hạnh

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm 2015

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2015

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hoàng Thị Hường

ThS.Nguyễn Thị Mai Linh

Hải phòng, ngày....tháng....năm 2015

Hiệu trưởng

GS.TS.NGUYỄN Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT TÓM TẮT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Nghiêm túc, có ý thức tốt trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp;
- Chăm chỉ, chịu khó sưu tầm số liệu phục vụ cho bài viết;
- Luôn thực hiện tốt mọi yêu cầu được giáo viên hướng dẫn giao.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T.T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

Kết cấu của khóa luận được tác giả sắp xếp tương đối hợp lý, khoa học bao gồm 3 chương:

Chương 1, tác giả đã hệ thống hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Chương 2, sau khi giới thiệu khái quát về công ty, tác giả đã đi sâu phân tích thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Trung Hạnh với số liệu minh họa cụ thể (tháng 12 năm 2014). Số liệu minh họa giữa chứng từ và các sổ kế toán hợp lý, logic.

Chương 3, sau khi đánh giá được những ưu, nhược điểm của công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Trung Hạnh, tác giả đã đưa ra được một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty. Các giải pháp đưa ra có tính khả thi và tương đối phù hợp với tình hình thực tế tại công ty.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

Bằng số:

Bằng chữ:

Hải Phòng, ngày 05 tháng 07 năm 2015

Cán bộ hướng dẫn

Ths. Nguyễn Thị Mai Linh

MỤC LỤC

DANH MỤC SƠ ĐỒ

DANH MỤC BẢNG BIỂU

LỜI NÓI ĐẦU

CHƯƠNG 1 : NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ 1

1.1.Những vấn đề chung về kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp vừa và nhỏ..... 1

1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp vừa và nhỏ. 1

1.1.2. Khái niệm và đặc điểm của nguyên vật liệu trong doanh nghiệp vừa và nhỏ..... 2

1.1.2.1. Khái niệm. 2

1.1.2.2. Đặc điểm. 2

1.1.3. Yêu cầu quản lý và nhiệm vụ kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp vừa và nhỏ. 3

1.1.3.1. Yêu cầu quản lý..... 3

1.1.3.2. Nhiệm vụ kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp vừa và nhỏ. 3

1.1.4. Phân loại và tính giá nguyên vật liệu trong doanh nghiệp vừa và nhỏ. 4

1.1.4.1. Phân loại nguyên vật liệu. 4

1.1.4.2. Tính giá nguyên vật liệu..... 5

1.2. Tổ chức kế toán chi tiết nguyên vật liệu trong doanh nghiệp vừa và nhỏ. 9

1.2.1. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song. 9

1.2.2. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển. 10

1.2.3. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ số dư. 11

1.3. Tổ chức kế toán tổng hợp nguyên vật liệu trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.12

1.3.1. Kế toán nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên. 12

1.3.2. Kế toán nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ. 16

1.4. Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho. 18

1.5. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ kế toán vào công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp vừa và nhỏ..... 21

| | |
|--|-----------|
| 1.5.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung. | 21 |
| 1.5.1.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung..... | 21 |
| 1.5.1.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung..... | 21 |
| 1.5.2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái. | 22 |
| 1.5.2.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái..... | 22 |
| 1.5.2.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái..... | 22 |
| 1.5.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ. | 24 |
| 1.5.3.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ..... | 24 |
| 1.5.3.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ. | 25 |
| 1.5.4. Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ. | 26 |
| 1.5.4.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ. | 26 |
| 1.5.4.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ. | 26 |
| 1.5.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính..... | 28 |
| 1.5.5.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính. | 28 |
| 1.5.5.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính..... | 28 |
| CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TRUNG HẠNH..... | 30 |
| 2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH Trung Hạnh. | 30 |
| 2.1.1. Lịch sử hình thành, phát triển và đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH Trung Hạnh. | 30 |
| 2.1.2. Đặc điểm của bộ máy quản lý tại Công ty TNHH Trung Hạnh. | 31 |
| 2.1.3. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH Trung Hạnh..... | 32 |
| 2.1.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán của công ty..... | 32 |
| 2.1.3.2. Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty. | 33 |
| 2.1.3.3. Tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán áp dụng tại công ty. | 34 |
| 2.1.3.4. Tổ chức hệ thống sổ kế toán tại công ty. | 34 |
| 2.1.3.5. Tổ chức hệ thống Báo cáo tài chính..... | 36 |
| 2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Trung Hạnh..... | 36 |
| 2.2.1. Đặc điểm, phân loại và tính giá nguyên vật liệu tại công ty..... | 36 |
| 2.2.1.1. Đặc điểm và phân loại nguyên vật liệu. | 36 |

| | |
|---|-----------|
| 2.2.1.2. Tính giá nguyên vật liệu tại công ty..... | 36 |
| 2.2.2. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại công ty..... | 38 |
| 2.2.3. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại công ty TNHH Trung Hạnh..... | 55 |
| 2.2.3.1. Chứng từ kế toán sử dụng. | 55 |
| 2.2.3.2. Tài khoản kế toán sử dụng. | 55 |
| 2.2.3.3. Quy trình hạch toán. | 56 |
| 2.2.3.4. Ví dụ minh họa. | 56 |
| CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH TRUNG HẠNH | 70 |
| 3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Trung Hạnh..... | 70 |
| 3.1.1. Ưu điểm. | 70 |
| 3.1.2. Hạn chế..... | 72 |
| 3.2. Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Trung Hạnh. | 73 |
| 3.2.1. Hoàn thiện về việc lập sổ danh điểm vật tư. | 74 |
| 3.2.2. Hoàn thiện việc hiện đại hóa công tác kế toán..... | 78 |
| 3.2.3. Hoàn thiện công tác luân chuyển chứng từ..... | 83 |
| 3.2.3 Hoàn thiện việc kiểm nghiệm chất lượng nguyên vật liệu nhập kho..... | 83 |
| 3.2.5. Hoàn thiện về việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. | 85 |
| 3.2.6. Một số giải pháp khác. | 88 |
| 3.2.6.1. Quản lý và sử dụng vật tư. | 88 |
| 3.2.6.2. Bộ máy kế toán..... | 89 |
| KẾT LUẬN | 91 |
| DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO..... | 92 |

DANH MỤC SƠ ĐỒ

| | |
|--|----|
| Sơ đồ 1.1: Quy trình hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song..... | 10 |
| Sơ đồ 1.2: Quy trình hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển..... | 11 |
| Sơ đồ 1.3: Quy trình hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ sổ dư..... | 13 |
| Sơ đồ 1.4: Phương pháp kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên..... | 17 |
| Sơ đồ 1.5: Phương pháp kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ..... | 20 |
| Sơ đồ 1.6: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung | 24 |
| Sơ đồ 1.7: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái..... | 26 |
| Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ..... | 28 |
| Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ | 29 |
| Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính | 31 |
| Sơ đồ 2.1: Sơ đồ bộ máy tổ chức quản lý của Công ty TNHH Trung Hạnh | 33 |
| Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH Trung Hạnh..... | 35 |
| Sơ đồ 2.3: Quy trình hạch toán kế toán theo hình thức Nhật ký chung tại Công ty TNHH Trung Hạnh | 37 |
| Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song tại Công ty TNHH Trung Hạnh | 41 |
| Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán kế toán theo hình thức Nhật ký chung tại Công ty TNHH Trung Hạnh | 58 |

DANH MỤC BẢNG BIỂU

| | |
|---|----|
| Biểu số 2.1: HÓA ĐƠN GTGT..... | 43 |
| Biểu số 2.2: PHIẾU NHẬP KHO | 45 |
| Biểu số 2.3: PHIẾU YÊU CẦU CẤP VẬT TƯ | 46 |
| Biểu số 2.4: PHIẾU XUẤT KHO | 47 |
| Biểu số 2.5: THẺ KHO | 48 |
| Biểu số 2.6: SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA) | 49 |
| Biểu số 2.7: HÓA ĐƠN GTGT..... | 52 |
| Biểu số 2.8: PHIẾU NHẬP KHO | 53 |
| Biểu số 2.9: PHIẾU YÊU CẦU CẤP VẬT TƯ | 54 |
| Biểu số 2.10: PHIẾU XUẤT KHO | 55 |
| Biểu số 2.11: THẺ KHO | 56 |
| Biểu số 2.12: SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA) | 57 |
| Biểu số 2.13: BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)..... | 58 |
| Biểu số 2.14: HÓA ĐƠN GTGT..... | 59 |
| Biểu số 2.15: PHIẾU NHẬP KHO | 60 |
| Biểu số 2.16: PHIẾU YÊU CẦU CẤP VẬT TƯ | 61 |
| Biểu số 2.17: PHIẾU XUẤT KHO | 62 |
| Biểu số 2.18: HÓA ĐƠN GTGT..... | 63 |
| Biểu số 2.19: PHIẾU CHI..... | 64 |
| Biểu số 2.20: PHIẾU NHẬP KHO | 65 |
| Biểu số 2.21: PHIẾU YÊU CẦU CẤP VẬT TƯ | 66 |
| Biểu số 2.22: PHIẾU XUẤT KHO | 67 |
| Biểu số 2.23: SỔ NHẬT KÝ CHUNG | 68 |
| Biểu số 2.24: SỔ CÁI..... | 69 |
| Biểu số 2.25: BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)..... | 70 |
| Biểu số 3.1: SỔ DANH DIỆM VẬT TƯ..... | 85 |
| Biểu số 3.2: SỔ GIAO NHẬN CHỨNG TỪ..... | 92 |
| Biểu số 3.3: BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM | 93 |
| Biểu số 3.4: BẢNG KÊ DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ HÀNG TỒN KHO..... | 96 |

LỜI MỞ ĐẦU

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, xu thế cạnh tranh là tất yếu. Bất kỳ một doanh nghiệp nào cũng cần quan tâm đến nhu cầu thị trường đang cần sản phẩm gì? Vì vậy các doanh nghiệp cần quan tâm và phấn đấu sản xuất sản phẩm để thỏa mãn nhu cầu thị trường và sản phẩm đó phải có chất lượng cao nhất với giá thành thấp để thu lợi nhuận nhiều nhất.

Tại công ty TNHH Trung Hạnh chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá trị công trình. Vì vậy việc tổ chức tốt công tác kế toán nói chung và công tác kế toán nguyên vật liệu nói riêng có ý nghĩa quan trọng trong việc tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm.

Quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp sẽ bị gián đoạn và không thể thực hiện được nếu thiếu nguyên vật liệu vì trong các nguồn lực của doanh nghiệp nguyên vật liệu là yếu tố đầu vào cơ bản của sản xuất cấu thành nên công trình xây dựng. Sự ổn định về yếu tố đầu vào là một yêu cầu tất yếu để đảm bảo cho sự hoạt động liên tục trong thời buổi kinh tế thị trường.

Là một sinh viên thực tập với những kiến thức đã được trang bị trong những năm học ở trường và kết quả tìm hiểu thực tế trong thời gian thực tập ở Công ty TNHH Trung Hạnh em đã đi sâu nghiên cứu đề tài: *“Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Trung Hạnh”*.

Kết cấu của đề tài ngoài phần mở đầu và kết luận gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Trung Hạnh.

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Trung Hạnh.

Trong quá trình tìm hiểu và viết bài còn nhiều thiếu sót em mong được sự góp ý của các thầy cô giáo để em có thể hoàn thiện bài viết của mình hơn. Em xin chân thành cảm ơn ThS. Nguyễn Thị Mai Linh đã hướng dẫn, cảm ơn ban lãnh đạo cùng tập thể nhân viên Công ty TNHH Trung Hạnh đã giúp đỡ và tạo điều kiện cho em hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp này.

CHƯƠNG 1 : NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

1.1.Những vấn đề chung về kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Nguyên vật liệu là một trong những nhân tố cấu thành nên sản phẩm, sau quá trình sản xuất kinh doanh giá trị của nó chuyển dịch hết vào giá trị sản phẩm. Do đó nguyên vật liệu có vai trò quan trọng trong sản xuất kinh doanh. Đối với những doanh nghiệp xây dựng, thông thường chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng rất lớn khoảng từ 70% giá trị công trình. Một hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp không thể thực hiện được nếu thiếu một trong ba yếu tố: lao động, tư liệu lao động, và đối tượng lao động. Trong đó con người với tư cách là chủ thể lao động sử dụng tư liệu lao động và đối tượng lao động để tạo ra của cải vật chất. Để hoạt động sản xuất kinh doanh có thể diễn ra thì phải có nguyên vật liệu, vậy nên quản lý nguyên vật liệu là nhân tố quan trọng của các doanh nghiệp. Tuy nhiên ở mỗi doanh nghiệp khác nhau thì lại có phạm vi, mức độ, phương pháp quản lý khác nhau. Khi kinh tế ngày càng phát triển thì các phương pháp quản lý cũng trở nên hoàn thiện hơn vì vậy các doanh nghiệp phải áp dụng phương pháp quản lý phù hợp với công tác sản xuất của mình nhằm hiệu quả tối ưu nhất.

Kế toán là công cụ phục vụ cho việc quản lý nguyên vật liệu. Nó góp phần kiểm soát, tránh thất thoát, lãng phí nguyên vật liệu ở tất cả các khâu dự trữ, sử dụng, thu hồi... ngoài ra còn đảm bảo cung cấp đầy đủ kịp thời, đồng bộ các nguyên vật liệu cần thiết cho sản xuất. Kế toán nguyên vật liệu giúp cho lãnh đạo doanh nghiệp nắm được tình hình vật tư để chỉ đạo tiến độ sản xuất. Hạch toán nguyên vật liệu phải đảm bảo chính xác, kịp thời và đầy đủ tình hình thu mua, nhập xuất dự trữ vật liệu. Tính chính xác của hạch toán kế toán nguyên vật liệu ảnh hưởng đến tính chính xác của giá thành sản phẩm.

Vì vậy cần thiết phải tổ chức hạch toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp và có làm tốt điều này mới tạo tiền đề cho việc thực hiện mục tiêu lợi nhuận.

1.1.2. Khái niệm và đặc điểm của nguyên vật liệu trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

1.1.2.1. Khái niệm.

Theo chuẩn mực số 02 – Hàng tồn kho (Ban hành theo QĐ 149/2001/QĐ – BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001) hàng tồn kho là những tài sản:

- Được giữ để bán trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường
- Đang trong quá trình sản xuất kinh doanh dở dang
- Nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ được sử dụng trong quá trình sản xuất kinh doanh hoặc cung cấp dịch vụ.

Như vậy nguyên vật liệu là một bộ phận của hàng tồn kho, là một trong những yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất kinh doanh, tham gia thường xuyên và trực tiếp vào quá trình sản xuất sản phẩm, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng của sản phẩm được sản xuất và được thể hiện dưới dạng vật hóa như: hạt nhựa trong doanh nghiệp sản xuất đồ nhựa, vải trong doanh nghiệp may mặc, sắt thép trong doanh nghiệp cơ khí...

1.1.2.2. Đặc điểm.

Khi tham gia vào quá trình sản xuất nguyên vật liệu có những đặc điểm sau:

Về mặt hiện vật: Vật liệu chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất kinh doanh nhất định và khi tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh, dưới tác động của sức lao động và máy móc thiết bị chúng bị tiêu hao toàn bộ hoặc bị thay đổi hình thái vật chất ban đầu để tạo ra hình thái vật chất của sản phẩm. Do vậy, nguyên vật liệu được coi là cơ sở vật chất, là yếu tố không thể thiếu được của bất cứ quá trình sản xuất nào, đặc biệt là đối với quá trình hình thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất.

Về mặt giá trị: Khi tham gia vào quá trình sản xuất, vật liệu chuyển dịch một lần toàn bộ giá trị của chúng vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ và hình thành nên chi phí nguyên vật liệu trực tiếp. Đây cũng là một đặc điểm dùng để nhận biết nguyên vật liệu với các tư liệu lao động khác. Chi phí về các loại vật liệu thường chiếm tỷ trọng lớn trong toàn bộ chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất.

Mặt khác, xét về mặt vốn thì vật liệu là thành phần quan trọng của vốn lưu động trong doanh nghiệp, đặc biệt là vốn dự trữ. Để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn cần phải tăng tốc độ luân chuyển của vốn lưu động và điều đó không thể tách rời việc dự trữ và sử dụng vật liệu một cách hợp lý.

1.1.3. Yêu cầu quản lý và nhiệm vụ kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

1.1.3.1. Yêu cầu quản lý.

Xuất phát từ vị trí, đặc điểm của vật liệu trong quá trình sản xuất kinh doanh. Để quá trình sản xuất kinh doanh diễn ra một cách liên tục thì phải đảm bảo cung cấp nguyên vật liệu kịp thời về mặt số lượng, chất lượng cũng như chủng loại vật liệu do nhu cầu sản xuất ngày càng phát triển đòi hỏi vật liệu ngày càng nhiều để đáp ứng cho nhu cầu sản xuất sản phẩm và kinh doanh có lãi là mục tiêu mà các doanh nghiệp hướng tới. Vì vậy, quản lý tốt ở khâu thu mua, dự trữ và sử dụng nguyên vật liệu là điều kiện cần thiết để đảm bảo chất lượng sản phẩm, tiết kiệm chi phí, giá thành giảm, tăng lợi nhuận của doanh nghiệp.

Nguyên vật liệu là tài sản dự trữ cho sản xuất thường xuyên biến động. Do vậy, các doanh nghiệp cần giám sát chặt chẽ quá trình thu mua, bảo quản và sử dụng vật liệu một cách có hiệu quả.

* **Trong khâu thu mua:** Đảm bảo cung cấp đầy đủ kịp thời nguyên vật liệu cho sản xuất sản phẩm về mặt số lượng, chủng loại, chất lượng, giá cả hợp lý phản ánh đầy đủ chính xác giá thực tế của vật liệu.

* **Trong khâu dự trữ và bảo quản:** Doanh nghiệp phải tổ chức hệ thống kho tàng hợp lý, đúng chế độ bảo quản với từng loại vật liệu để tránh hư hỏng, thất thoát, mất phẩm chất ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.

* **Trong khâu sử dụng:** Sử dụng vật liệu theo đúng định mức tiêu hao, đúng chủng loại vật liệu, nhằm phát huy hiệu quả sử dụng vật liệu, nâng cao chất lượng sản phẩm, chi phí vật liệu trong giá thành sản phẩm vì vậy đòi hỏi tổ chức tốt ghi chép, theo dõi phản ánh tình hình xuất vật liệu. Tính toán phân bổ chính xác cho từng đối tượng sử dụng theo phương pháp thích hợp, cung cấp số liệu kịp thời chính xác cho công tác tính giá thành sản phẩm. Đồng thời thường xuyên hoặc định kỳ phân tích tình hình thu mua, bảo quản dự trữ và sử dụng vật liệu, trên cơ sở đề ra những biện pháp cần thiết cho việc quản lý ở từng khâu, nhằm giảm mức tiêu hao vật liệu trong sản xuất sản phẩm, là cơ sở để tăng thêm sản phẩm cho xã hội.

1.1.3.2. Nhiệm vụ kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Để đáp ứng yêu cầu quản lý kế toán trong doanh nghiệp cần thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh chính xác kịp thời và kiểm tra chặt chẽ tình hình cung cấp nguyên vật liệu trên các mặt: số lượng, chất lượng, chủng loại và thời gian cung cấp.

- Tính toán và phân bổ chính xác kịp thời giá trị nguyên vật liệu xuất dùng cho các đối tượng khác nhau, kiểm tra chặt chẽ việc thực hiện định mức tiêu hao vật tư, phát hiện và ngăn chặn kịp thời những trường hợp sử dụng vật tư sai mục đích, lãng phí.

- Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện định mức dự trữ vật tư, phát hiện kịp thời các loại ứ đọng kém phẩm chất, chưa cần dùng và có biện pháp giải phóng để thu hồi vốn nhanh chóng hạn chế các thiệt hại.

- Thực hiện việc kiểm kê nguyên vật liệu theo yêu cầu quản lý, lập các báo cáo về tình hình sử dụng nguyên vật liệu, tham gia công tác phân tích việc thực hiện kế hoạch thu mua, dự trữ, sử dụng nguyên vật liệu.

1.1.4. Phân loại và tính giá nguyên vật liệu trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

1.1.4.1. Phân loại nguyên vật liệu.

Trong các doanh nghiệp vật liệu rất đa dạng và phong phú, mỗi loại có một vai trò công dụng và tính năng lý hóa khác nhau. Vì vậy, để quản lý vật liệu một cách hiệu quả, các doanh nghiệp tiến hành phân loại vật liệu. Tùy theo yêu cầu quản lý vật liệu mà từng doanh nghiệp thực hiện phân loại theo cách khác nhau:

➤ ***Phân loại theo vai trò và công dụng chủ yếu của nguyên vật liệu.***

- *Nguyên vật liệu chính*: Là đối tượng chủ yếu cấu thành nên thực thể của sản phẩm.

- *Nguyên vật liệu phụ*: là những loại nguyên vật liệu có tác dụng phục vụ trong quá trình sản xuất, được sử dụng kết hợp với nguyên vật liệu chính làm tăng chất lượng, mẫu mã của sản phẩm hoặc được sử dụng để đảm bảo cho công cụ lao động hoạt động bình thường hoặc dùng để phục vụ nhu cầu kỹ thuật, nhu cầu quản lý.

- *Nhiên liệu*: là những thứ tiêu dùng cho sản xuất năng lượng như than, dầu mỏ..., nhiên liệu thực chất là vật liệu phụ được tách ra thành một nhóm riêng do vai trò quan trọng của nó nhằm mục đích quản lý và hạch toán thuận tiện hơn.

- *Phụ tùng thay thế*: Là những vật tư dùng để thay thế, sửa chữa máy móc thiết bị sản xuất, phương tiện vận tải, công cụ, dụng cụ sản xuất.

- *Thiết bị và vật liệu xây dựng cơ bản*: Là những loại vật liệu và thiết bị được sử dụng cho công việc xây dựng cơ bản. Đối với thiết bị xây dựng cơ bản

bao gồm cả thiết bị cần lắp, không cần lắp, công cụ, khí cụ, và kết cấu dùng để lắp đặt công trình xây dựng cơ bản.

- *Vật liệu khác*: Bao gồm những loại vật liệu chưa được sắp xếp vào các loại trên, những phế liệu được loại ra từ quá trình sản xuất, hoặc thu hồi từ thanh lý tài sản.

➤ ***Phân loại theo nguồn hình thành***

- *Nguyên vật liệu mua ngoài*: Là loại nguyên vật liệu doanh nghiệp không tự sản xuất ra được mà do mua từ thị trường trong nước hoặc nhập khẩu.

- *Nguyên vật liệu tự chế biến, thuê gia công*: Là nguyên vật liệu doanh nghiệp tự tạo ra để phục vụ cho nhu cầu sản xuất.

- *Nguyên vật liệu hình thành từ nguồn gốc khác*: Là loại vật liệu nhận tặng thưởng, nhận viện trợ của các tổ chức, cá nhân, phế liệu thu hồi từ tài sản cố định, góp vốn kinh doanh...

➤ ***Phân loại theo mục đích sử dụng***

- *Nguyên vật liệu sử dụng cho mục đích sản xuất*: Là nguyên vật liệu trực tiếp phục vụ cho quá trình sản xuất chế tạo sản phẩm.

- *Nguyên vật liệu sử dụng cho mục đích khác*: Như nguyên vật liệu sản xuất chung, cho quản lý doanh nghiệp, nguyên vật liệu đem góp vốn.

1.1.4.2. Tính giá nguyên vật liệu.

➤ ***Tính giá thực tế nguyên vật liệu nhập kho***

Tính giá nguyên vật liệu là một công tác quan trọng trong việc tổ chức hạch toán nguyên liệu. Tính giá thành nguyên vật liệu là công việc dùng thước đo tiền tệ để biểu hiện giá trị của nguyên vật liệu theo những quy tắc nhất định. Hạch toán nguyên vật liệu ở các doanh nghiệp được tính theo giá trị thực tế.

Nguyên tắc tính giá nguyên vật liệu: Áp dụng Điều 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 về hàng tồn kho được ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ – BTC ngày 31/12/2001 của Bộ Tài Chính: “Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn đơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được”. Trong đó:

- *Giá gốc hàng tồn kho* bao gồm: Chi phí thu mua chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện có.

- *Giá trị thuần có thể thực hiện được*: Là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng. Như vậy phù hợp với

chuẩn mực kế toán hàng tồn kho trong công tác hạch toán nguyên vật liệu ở các doanh nghiệp, nguyên vật liệu được tính theo giá thực tế.

Tính giá nguyên vật liệu nhập kho tuân thủ theo nguyên tắc giá gốc. Nguyên vật liệu nhập kho trong kỳ của doanh nghiệp bao gồm rất nhiều nguồn nhập khác nhau. Tùy theo từng nguồn nhập mà giá trị thực tế của nguyên vật liệu nhập kho được xác định khác nhau.

** Đối với nguyên vật liệu mua ngoài:*

$$\begin{array}{ccccccccc} \text{Giá thực} & & \text{Giá mua} & & \text{Chi phí} & & \text{Các khoản} & & \text{CKTM,} \\ \text{tế NVL} & = & \text{ghi trên} & + & \text{thu mua} & + & \text{thuế không} & - & \text{Giảm giá} \\ \text{nhập kho} & & \text{hóa đơn} & & \text{thực tế} & & \text{được hoàn lại} & & \text{hàng mua} \end{array}$$

Nếu nguyên vật liệu được mua từ nước ngoài, thì thuế nhập khẩu được tính vào giá nhập kho. Khoản thuế GTGT phải nộp khi mua nguyên vật liệu cũng được tính vào giá trị nhập nếu doanh nghiệp không thuộc diện nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

** Đối với nguyên vật liệu thuê ngoài gia công chế biến:*

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thực tế của} & & \text{Giá thực tế} & & \text{Chi phí} & & \text{Chi phí vận} \\ \text{NVL thuê} & = & \text{của NVL xuất} & + & \text{thuê ngoài} & + & \text{chuyển, bốc} \\ \text{ngoài gia công} & & \text{thuê ngoài gia} & & \text{gia công} & & \text{xếp, bảo quản} \\ \text{chế biến} & & \text{công chế biến} & & \text{chế biến} & & \text{(nếu có)} \end{array}$$

** Đối với nguyên vật liệu tự chế:*

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thực tế của} & & \text{Giá thành sản} & & \text{Chi phí vận} \\ \text{NVL tự chế} & = & \text{xuất NVL} & + & \text{chuyển, bốc xếp,} \\ & & & & \text{bảo quản (nếu có)} \end{array}$$

** Đối với nguyên vật liệu được cấp*

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thực tế của} & & \text{Giá theo} & & \text{Chi phí vận} \\ \text{NVL được cấp} & = & \text{biên bản} & + & \text{chuyển, bốc xếp,} \\ & & \text{giao nhận} & & \text{bảo quản (nếu có)} \end{array}$$

** Đối với nguyên vật liệu nhận vốn góp liên doanh:*

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thực tế của} & & \text{Giá trị vốn} & & \text{Chi phí vận} \\ \text{NVL nhận vốn} & = & \text{góp do HĐLD} & + & \text{chuyển, bốc xếp,} \\ \text{góp liên doanh} & & \text{đánh giá} & & \text{bảo quản (nếu có)} \end{array}$$

** Đối với nguyên vật liệu được biếu tặng, viện trợ:*

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thực tế của} & & \text{Giá trị trường} & & \text{Chi phí vận} \\ \text{NVL được biếu} & = & \text{tại thời điểm} & + & \text{chuyển, bốc xếp,} \\ \text{tặng, viện trợ} & & \text{nhận} & & \text{bảo quản (nếu có)} \end{array}$$

** Đối với phế liệu thu hồi từ sản xuất:*

$$\text{Giá thực tế của phế liệu thu hồi} = \text{Giá có thể sử dụng lại hoặc có thể bán}$$

➤ **Tính giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho**

Việc lựa chọn phương pháp tính giá trị thực tế nguyên vật liệu xuất kho phải căn cứ vào đặc điểm của từng doanh nghiệp về số lượng danh điểm, số lần nhập – xuất nguyên vật liệu, trình độ nhân viên kế toán, thủ kho, điều kiện kho tàng của doanh nghiệp, theo điều 13 chuẩn mực số 02 có 4 phương pháp tính giá xuất kho:

- Phương pháp giá thực tế đích danh.
- Phương pháp bình quân gia quyền.
- Phương pháp nhập trước xuất trước.
- Phương pháp nhập sau xuất trước.

*** Phương pháp giá thực tế đích danh:**

Theo phương pháp này, vật tư xuất thuộc lô nào theo giá trị nào thì được tính theo đơn giá đó. Phương pháp này thường được áp dụng cho những doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc một hàng ổn định được nhận diện.

Phương pháp này có ưu điểm là xác định được chính xác giá vật tư xuất ra, làm cho chi phí hiện tại phù hợp với doanh thu hiện tại. Nhưng trong trường hợp đơn vị có nhiều mặt hàng nhập xuất thường xuyên thì khó theo dõi và công việc của kế toán chi tiết vật liệu sẽ phức tạp.

*** Phương pháp bình quân gia quyền:**

Theo phương pháp này, trị giá xuất của vật liệu bằng số lượng vật liệu xuất nhân với đơn giá bình quân. Đơn giá bình quân có thể xác định theo 1 trong 2 phương pháp sau:

- ✓ *Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ*

$$\text{Đơn giá bình quân cả kỳ dự trữ} = \frac{\text{Trị giá NVL tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá NVL nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng NVL tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng NVL nhập trong kỳ}}$$

Phương pháp này thích hợp với những doanh nghiệp có nhiều danh điểm vật tư và số lần nhập, xuất của mỗi danh điểm nhiều. Phương pháp này có ưu điểm là đơn giản dễ làm, giảm nhẹ được việc hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, không phụ thuộc vào số lần nhập xuất của từng danh điểm vật tư. Nhưng bên

cạnh đó còn có nhược điểm là dồn công việc tính giá nguyên vật liệu xuất kho vào kỳ cuối hạch toán nên ảnh hưởng tiến độ của các khâu kế toán khác.

✓ *Phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn (bình quân sau mỗi lần nhập)*

Theo phương pháp này, sau mỗi lần nhập nguyên vật liệu, kế toán tính đơn giá bình quân sau đó căn cứ vào đơn giá bình quân và số lượng vật liệu xuất để tính trị giá vật liệu xuất.

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập } j = \frac{\text{Trị giá NVL tồn trước lần nhập } j + \text{Trị giá NVL nhập lần } j}{\text{Số lượng NVL tồn trước lần nhập } j + \text{Số lượng NVL nhập lần } j}$$

Phương pháp này nên áp dụng ở những doanh nghiệp có ít danh điểm vật tư và số lần nhập của mỗi loại không nhiều. Phương pháp này có ưu điểm là cho giá nguyên vật liệu xuất kho chính xác, phản ánh kịp thời sự biến động của giá cả, công việc tính giá được tính toán đều đặn. Tuy nhiên phương pháp này có nhược điểm là công việc tính toán tương đối nhiều và phức tạp.

*** Phương pháp Nhập trước – Xuất trước (FIFO)**

Phương pháp này được thực hiện như sau: Lô nguyên vật liệu nào nhập kho trước sẽ được dùng trước. Hàng tồn kho cuối kỳ là hàng mới nhất. Do vậy, giá thành xuất dùng được tính hết theo giá thực tế của lần nhập trước, xong mới đến lần nhập sau. Nếu giá cả có xu hướng tăng lên thì giá tồn kho cao, hàng xuất thấp, chi phí kinh doanh giảm, lợi nhuận tăng và ngược lại.

Phương pháp có ưu điểm là cho phép kế toán có thể tính toán giá nguyên vật liệu xuất kho kịp thời. Phương pháp này cho ước tính hợp lý về giá nguyên vật liệu cuối kỳ. Nhưng các chi phí phát sinh hiện hành không phù hợp với doanh thu phát sinh hiện hành.

*** Phương pháp Nhập sau – Xuất trước (LIFO)**

Phương pháp nhập sau – xuất trước áp dụng dựa vào giả định là nguyên vật liệu được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và nguyên vật liệu còn lại cuối kỳ là nguyên vật liệu được mua hoặc sản xuất trước đó.

Theo phương pháp này thì giá trị nguyên vật liệu xuất kho được tính bằng giá trị của lô nguyên vật liệu nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của nguyên vật liệu tồn kho được tính theo giá trị của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc đầu kỳ còn tồn kho.

Phương pháp này cũng được áp dụng đối với doanh nghiệp ít danh điểm vật tư và số lần nhập kho của mỗi danh điểm không nhiều. Phương pháp này thích hợp trong thời kỳ giảm phát.

Phương pháp này có ưu điểm là đảm bảo nguyên tắc doanh thu hiện tại phù hợp với chi phí hiện tại. Chi phí của doanh nghiệp phản ứng kịp thời với giá cả thị trường của nguyên vật liệu. Làm cho thu nhập và chi phí của doanh nghiệp có lợi về thuế nếu giá cả vật tư có xu thế giảm, khi đó giá xuất sẽ lớn, chi phí lớn dẫn đến lợi nhuận nhỏ và tránh được thuế. Nhưng bên cạnh đó phương pháp này làm cho thu nhập thuần của doanh nghiệp giảm trong kỳ lạm phát và giá trị nguyên vật liệu có thể bị đánh giá giảm trên bảng cân đối kế toán so với giá trị thực của nó.

1.2. Tổ chức kế toán chi tiết nguyên vật liệu trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Kế toán nguyên vật liệu là việc theo dõi, ghi chép sự biến động nhập, xuất, tồn kho của từng thiết bị nguyên vật liệu sử dụng trong quá trình sản xuất kinh doanh nhằm cung cấp thông tin chi tiết để quản lý từng danh điểm vật tư. Trong thực tế công tác kế toán hiện nay ở nước ta nói chung và các doanh nghiệp công nghiệp nói riêng đang áp dụng một trong ba phương pháp hạch toán chi tiết nguyên vật liệu sau: Phương pháp thẻ song song, phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển, phương pháp sổ sổ dư.

1.2.1. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song.

- *Tại kho:* Thủ kho sử dụng thẻ kho để ghi chép tình hình nhập, xuất, tồn kho của từng thứ vật liệu ở từng kho theo chỉ tiêu số lượng.

Hàng ngày thủ kho căn cứ vào các phiếu nhập, xuất kho để ghi vào các thẻ kho, cuối ngày tính số tồn kho được ghi trên thẻ kho và gửi phiếu nhập, xuất kho cho kế toán. Thẻ kho được sử dụng để theo dõi, ghi chép số hiện có và tình hình biến động của từng vật liệu theo từng kho về số lượng.

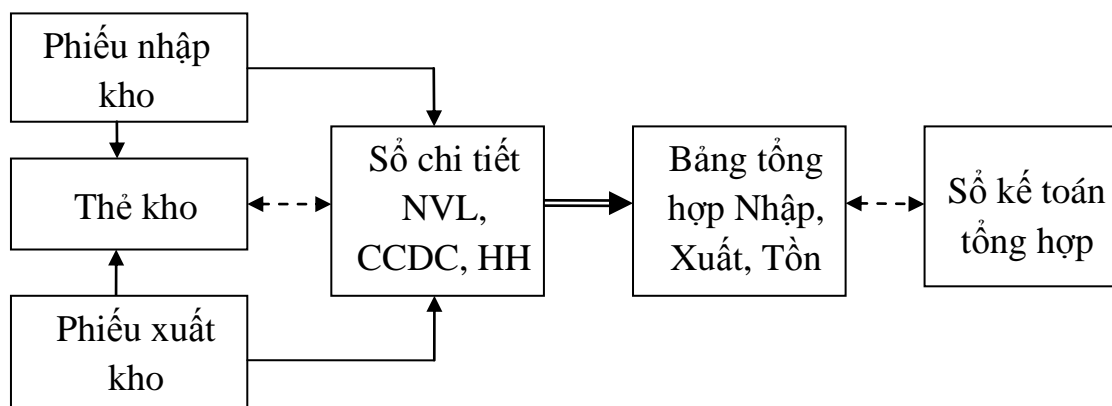
- *Tại phòng kế toán:* Kế toán mở sổ hoặc thẻ chi tiết vật liệu ghi chép sự biến động nhập xuất tồn kho của từng loại vật liệu cả về hiện vật và giá trị. Hàng ngày hoặc định kỳ sau khi nhận các chứng từ nhập, xuất kho vật liệu do thủ kho chuyển lên, kế toán kiểm tra và ghi vào sổ chi tiết hàng hóa vật tư theo từng loại mặt hàng về số lượng, giá trị tiền.

Cuối kỳ kế toán tiến hành cộng sổ và tính ra số tồn kho cho từng loại vật liệu, đồng thời tiến hành đối chiếu số liệu trên sổ kế toán chi tiết vật liệu với thẻ kho tương ứng. Căn cứ vào các sổ chi tiết vật liệu kế toán lấy số liệu để ghi vào

bảng tổng hợp nhập xuất tồn vật liệu. Để thực hiện đối chiếu giữa kế toán tổng hợp và chi tiết, kế toán phải căn cứ vào sổ kế toán chi tiết để lập bảng tổng hợp nhập xuất tồn kho của từng vật liệu. Số liệu của bảng này được đối chiếu với số liệu của phần kế toán tổng hợp.

- + Ưu điểm: Việc ghi chép đơn giản, dễ kiểm tra đối chiếu số lượng
- + Nhược điểm: Việc ghi chép giữa thủ kho và kế toán còn trùng lặp về chỉ tiêu số lượng. Hơn nữa, việc kiểm tra đối chiếu tiến hành vào cuối tháng làm hạn chế chức năng kiểm tra kịp thời của kế toán.
- + Phạm vi áp dụng: Phương pháp này áp dụng thích hợp trong các doanh nghiệp ít chủng loại vật liệu, số lượng các nghiệp vụ nhập xuất ít, không thường xuyên và trình độ chuyên môn của cán bộ kế toán còn hạn chế.

Sơ đồ 1.1: Quy trình hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song



Ghi chú:

Ghi cuối ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ : \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

1.2.2. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.

- *Tại kho:* Thủ kho sử dụng thẻ kho để ghi chép tương tự như phương pháp thẻ song song.

- *Tại phòng kế toán:* Kế toán mở sổ đối chiếu luân chuyển nguyên vật liệu theo từng kho. Cuối tháng trên cơ sở phân loại chứng từ nhập – xuất nguyên vật liệu theo từng danh điểm và theo từng kho, kế toán lập Bảng kê nhập vật liệu, Bảng kê xuất vật liệu và dựa vào bảng kê này để ghi vào Sổ đối chiếu luân chuyển. Khi nhận được Thẻ kho, kế toán tiến hành đối chiếu tổng lượng nhập – xuất của từng thẻ kho với Sổ đối chiếu luân chuyển. Đồng thời từ Sổ đối chiếu

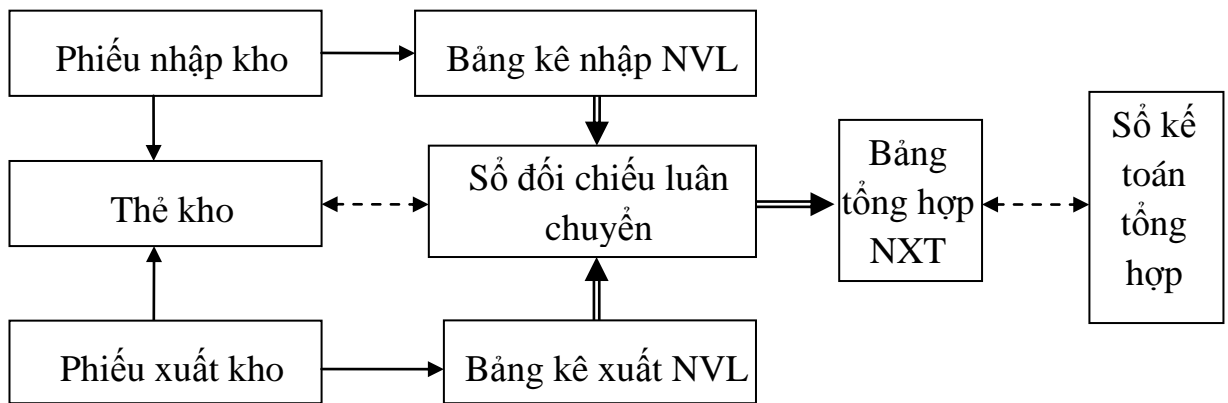
lưu chuyển lập Bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn vật liệu để đối chiếu với số liệu trong Sổ kế toán tổng hợp.

+ Ưu điểm: Phương pháp này dễ làm, do chỉ ghi một lần vào cuối tháng nên giảm bớt được khối lượng công việc ghi chép cho kế toán.

+ Nhược điểm: Việc ghi chép còn trùng lặp giữa kho và phòng kế toán về chỉ tiêu hiện vật, việc kiểm tra đối chiếu giữa thủ kho và phòng kế toán cũng tiến hành vào cuối tháng nên hạn chế tác dụng kiểm tra.

+ Phạm vi áp dụng: Phương pháp này thích hợp trong các doanh nghiệp có khối lượng nghiệp vụ nhập xuất không nhiều, không bố trí riêng nhân viên kế toán chi tiết vật liệu nên không có điều kiện ghi chép theo dõi hàng ngày.

Sơ đồ 1.2: Quy trình hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu lưu chuyển



Ghi chú:

Ghi cuối ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

1.2.3. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ số dư.

- *Tại kho:* Thủ kho vẫn sử dụng Thẻ kho để ghi chép tình hình nhập xuất tồn. Cuối tháng, thủ kho còn phải ghi số lượng tồn kho trên Thẻ kho vào Sổ số dư.

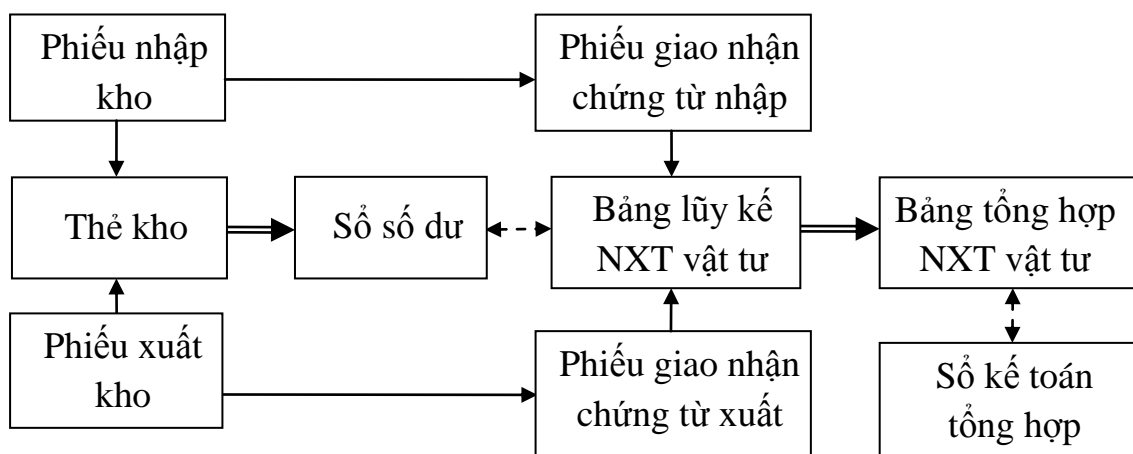
- *Tại phòng kế toán:* Định kỳ 5 đến 10 ngày, kế toán nhận chứng từ do thủ kho chuyển đến (kèm theo Phiếu giao nhận chứng từ). Căn cứ vào đó, kế toán lập Bảng lũy kế nhập xuất tồn. Từ Bảng lũy kế nhập xuất tồn, kế toán lập Bảng tổng hợp nhập xuất tồn vật liệu để đối chiếu với sổ kế toán tổng hợp.

+ Ưu điểm: Hiệu suất công tác cao, tránh được sự ghi chép trùng lặp giữa thủ kho và phòng kế toán, giảm bớt khối lượng ghi chép kế toán, việc kiểm tra ghi chép của thủ kho được tiến hành thường xuyên, đảm bảo số liệu kế toán được chính xác và kịp thời.

+ Nhược điểm: Do kế toán chỉ theo dõi về mặt giá trị nên muốn biết số hiện có và tình và tình hình tăng giảm của từng vật liệu về mặt số lượng, nhiều khi phải xem số lượng trên thẻ kho. Hơn nữa việc kiểm tra, phát hiện sai sót nhầm lẫn giữa thủ kho và phòng kế toán gặp khó khăn.

+ Phạm vi áp dụng: Phương pháp này thích hợp trong các doanh nghiệp sản xuất có khối lượng các nghiệp vụ nhập – xuất nhiều, thường xuyên, nhiều chủng loại vật liệu và với điều kiện doanh nghiệp sử dụng giá hạch toán để hạch toán nhập xuất, trình độ chuyên môn của cán bộ kế toán là tương đối cao.

Sơ đồ 1.3: Quy trình hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ số dư



Ghi chú:

Ghi cuối ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ : \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

1.3. Tổ chức kế toán tổng hợp nguyên vật liệu trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

1.3.1. Kế toán nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp theo dõi và phản ánh tình hình hiện có, sự biến động tăng giảm về nguyên vật liệu một cách thường xuyên liên tục trên các tài khoản kế toán. Vì vậy, giá trị nguyên vật liệu trên sổ kế toán có thể được xác định ở bất kỳ thời điểm nào trong kỳ kế toán. Cuối kỳ kế toán, căn cứ vào số liệu kiểm kê thực tế, kế toán nguyên vật liệu so sánh và đối chiếu với số liệu nguyên vật liệu trên sổ kế toán. Nếu có chênh lệch phải tìm nguyên nhân và có giải pháp xử lý kịp thời.

Phương pháp kê khai thường xuyên áp dụng cho các đơn vị sản xuất, xây lắp... và các đơn vị thường xuyên kinh doanh các mặt hàng có giá trị lớn như máy móc, thiết bị, ...

+ Ưu điểm: Phương pháp này có độ chính xác cao và cung cấp thông tin về hàng tồn kho một cách kịp thời, tại bất kỳ thời điểm nào kế toán cũng có thể xác định được lượng nhập, xuất, tồn kho từng loại hàng tồn kho.

+ Nhược điểm: Phương pháp này tốn nhiều công tính toán.

❖ **Chứng từ sử dụng**

- Phiếu nhập kho
- Phiếu xuất kho
- Hóa đơn GTGT
- Biên bản kiểm nghiệm vật tư
- Phiếu đề nghị xuất vật tư
-

❖ **Tài khoản sử dụng**

+ Để ghi chép vật tư theo phương pháp kê khai thường, kế toán sử dụng Tài khoản 152 “Nguyên vật liệu”, Tài khoản 151 “Hàng mua đang đi đường”, Tài khoản 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”

✓ *Tài khoản 152 “Nguyên vật liệu”*

Tài khoản này dùng để theo dõi giá trị hiện có, biến động tăng giảm của các loại nguyên vật liệu theo giá thực tế.

Kết cấu tài khoản:

Bên Nợ:

- Giá thực tế của nguyên vật liệu nhập kho do mua ngoài, tự chế, thuê ngoài gia công chế biến, nhận góp vốn liên doanh, được cấp hoặc nhập từ nguồn khác.

- Trị giá nguyên vật liệu thừa phát hiện khi kiểm kê.

Bên Có:

- Giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho dùng cho sản xuất, xuất bán, thuê ngoài gia công chế biến hoặc góp vốn liên doanh.

- Trị giá nguyên vật liệu được giảm giá, chiết khấu thương mại hoặc trả lại người bán.

- Trị giá nguyên vật liệu thiếu hụt phát hiện khi kiểm kê.

Số dư bên Nợ:

- Giá thực tế nguyên vật liệu tồn kho.

✓ *Tài khoản 151 “Hàng mua đang đi đường”*

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị các loại nguyên vật liệu mà doanh nghiệp đã mua, đã chấp nhận *thanh toán với người bán nhưng cuối kỳ chưa về nhập kho*.

Kết cấu tài khoản:

Bên Nợ:

- Phản ánh giá trị vật tư, hàng hóa đang đi trên đường.

Bên Có:

- Phản ánh trị giá hàng hóa, vật tư đã nhập kho hoặc đã giao thẳng cho khách hàng.

Số dư bên Nợ:

- Phản ánh trị giá hàng hóa vật tư đã mua nhưng còn đi trên đường.

Ngoài ra, hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên còn sử dụng một số tài khoản liên quan khác như tài khoản 111, 112, 133, 141, 331, 515....

✓ *Tài khoản 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”*

Tài khoản dùng để tổng hợp chi phí sản xuất, phục vụ cho việc tính giá thành sản phẩm.

Kết cấu tài khoản

Bên Nợ:

- Các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung phát sinh trong kỳ liên quan đến sản xuất và chi phí thực hiện dịch vụ.

Bên Có:

- Giá thành sản xuất sản phẩm xây lắp hoàn thành bàn giao từng phần, hoặc toàn bộ tiêu thụ trong kỳ; hoặc giá thành sản phẩm xây lắp hoàn thành chờ tiêu thụ.

- Trị giá phế liệu thu hồi, trị giá nguyên vật liệu, hàng hóa gia công xong nhập lại kho;

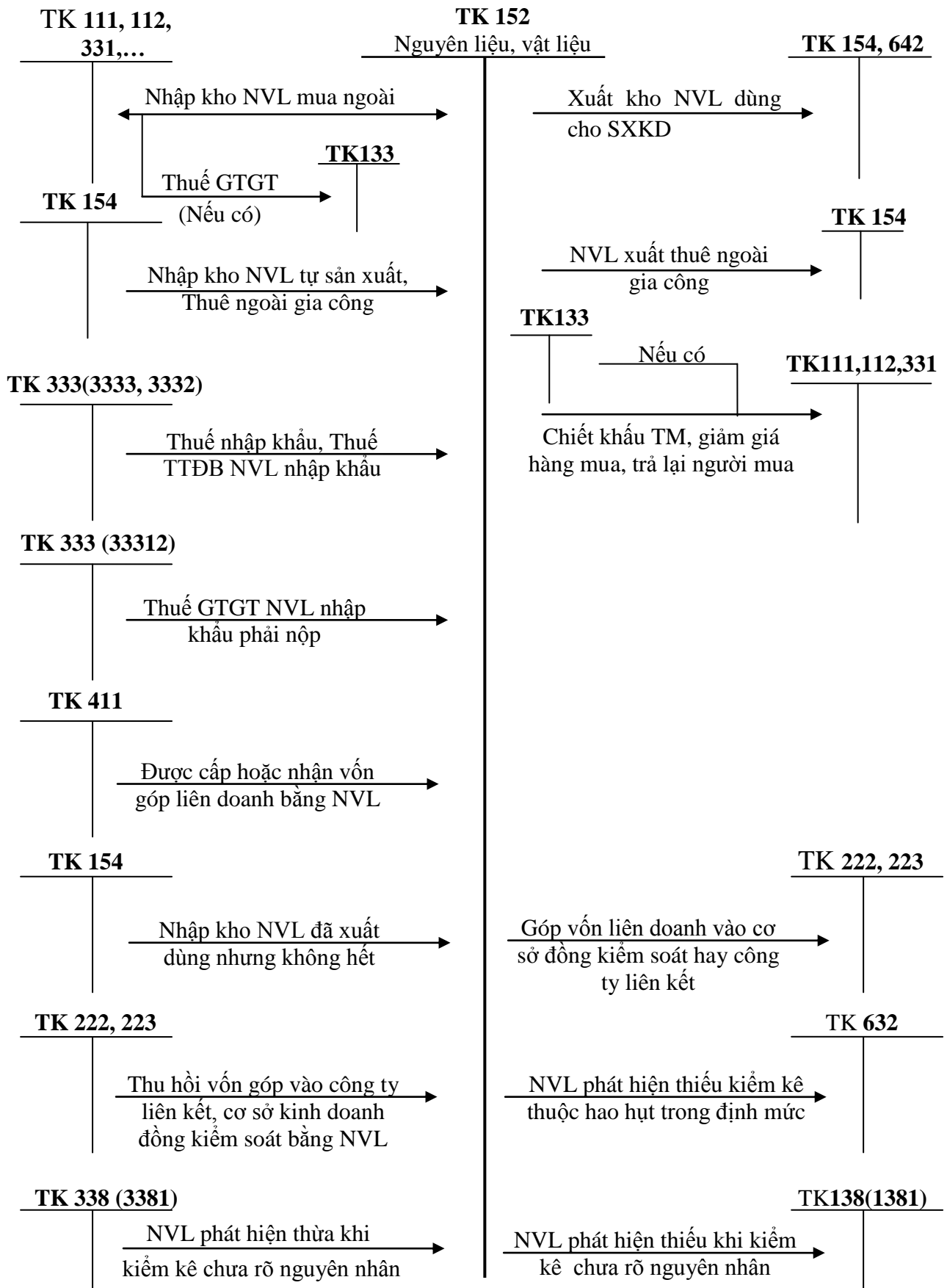
Số dư bên Nợ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh còn dở dang đầu hoặc cuối kỳ.

❖ **Phương pháp hạch toán.**

Phương pháp hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên được thể hiện qua sơ đồ 1.4 như sau:

Sơ đồ 1.4: Phương pháp kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên



1.3.2. Kế toán nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp hạch toán căn cứ vào kết quả kiểm kê để phản ánh giá trị tồn kho cuối kỳ của vật tư, hàng hóa trên sổ kế toán tổng hợp. Từ đó tính ra giá trị vật tư, hàng hóa xuất kho trong kỳ theo công thức:

$$\text{Trị giá NVL xuất kho} = \text{Trị giá NVL tồn kho} + \text{Trị giá NVL nhập trong kỳ} - \text{Trị giá NVL tồn cuối kỳ}$$

Theo phương pháp kiểm kê định kỳ, mọi biến động của vật tư, hàng hóa nhập kho, xuất kho không theo dõi, phản ánh trên các tài khoản kế toán tồn kho mà được theo dõi trên tài khoản 611 “Mua hàng”.

Như vậy khi áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ, tài khoản kế toán phản ánh nguyên vật liệu chỉ sử dụng ở đầu kỳ kế toán để kết chuyển số dư đầu kỳ và cuối kỳ kế toán để phản ánh giá trị thực tế nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ.

❖ Chứng từ sử dụng

- Phiếu nhập kho
- Phiếu xuất kho
- Hóa đơn GTGT
- Biên bản kiểm nghiệm vật tư
- Phiếu đề nghị xuất vật tư
-

❖ Tài khoản sử dụng

Để ghi chép vật tư theo phương pháp kiểm kê định kỳ, kế toán sử dụng Tài khoản 611 “Mua hàng”, Tài khoản 152 “Nguyên vật liệu”, Tài khoản 151 “Hàng mua đang đi đường”

✓ *Tài khoản 611 “Mua hàng”*

Tài khoản này dùng để phản ánh giá thực tế của số vật liệu mua vào, xuất trong kỳ

Bên Nợ:

- Kết chuyển giá gốc hàng hóa, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tồn kho đầu kỳ (Theo kết quả kiểm kê).

- Giá gốc hàng hóa, nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ mua vào trong kỳ, hàng hóa đã bán bị trả lại,...

Bên Có:

- Kết chuyển giá gốc hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho cuối kỳ (Theo kết quả kiểm kê);
- Giá gốc hàng hóa, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất sử dụng trong kỳ, hoặc giá gốc hàng hóa xuất bán (Chưa được xác định là đã bán trong kỳ);
- Giá gốc nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ hàng hóa mua vào trả lại cho người bán, hoặc được giảm giá.

Tài khoản 611 không có số dư cuối kỳ, chi tiết thành 2 tài khoản cấp 2:

- + Tài khoản 6111 – “Mua nguyên vật liệu”
- + Tài khoản 6112 – “Mua hàng hóa”

✓ *Tài khoản 152 “Nguyên vật liệu”*

Tài khoản này dùng để phản ánh giá thực tế nguyên vật liệu tồn kho, chi tiết cho từng loại.

Bên Nợ:

- Kết chuyển giá trị thực tế của nguyên vật liệu tồn kho đầu kỳ

Bên Có:

- Kết chuyển giá trị thực tế của nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ.

Số dư bên Nợ:

- Trị giá thực tế của nguyên vật liệu tồn kho đầu hoặc cuối kỳ.

✓ *Tài khoản 151 “Hàng mua đang đi đường”:*

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị các loại nguyên vật liệu mà doanh nghiệp đã mua, đã chấp nhận thanh toán với người bán nhưng cuối kỳ chưa về nhập kho

Bên Nợ:

- Kết chuyển giá trị thực tế của hàng hóa, vật tư đang đi đường cuối kỳ.

Bên Có:

- Kết chuyển giá trị thực tế của hàng hóa, vật tư đang đi đường đầu kỳ.

Số dư bên Nợ:

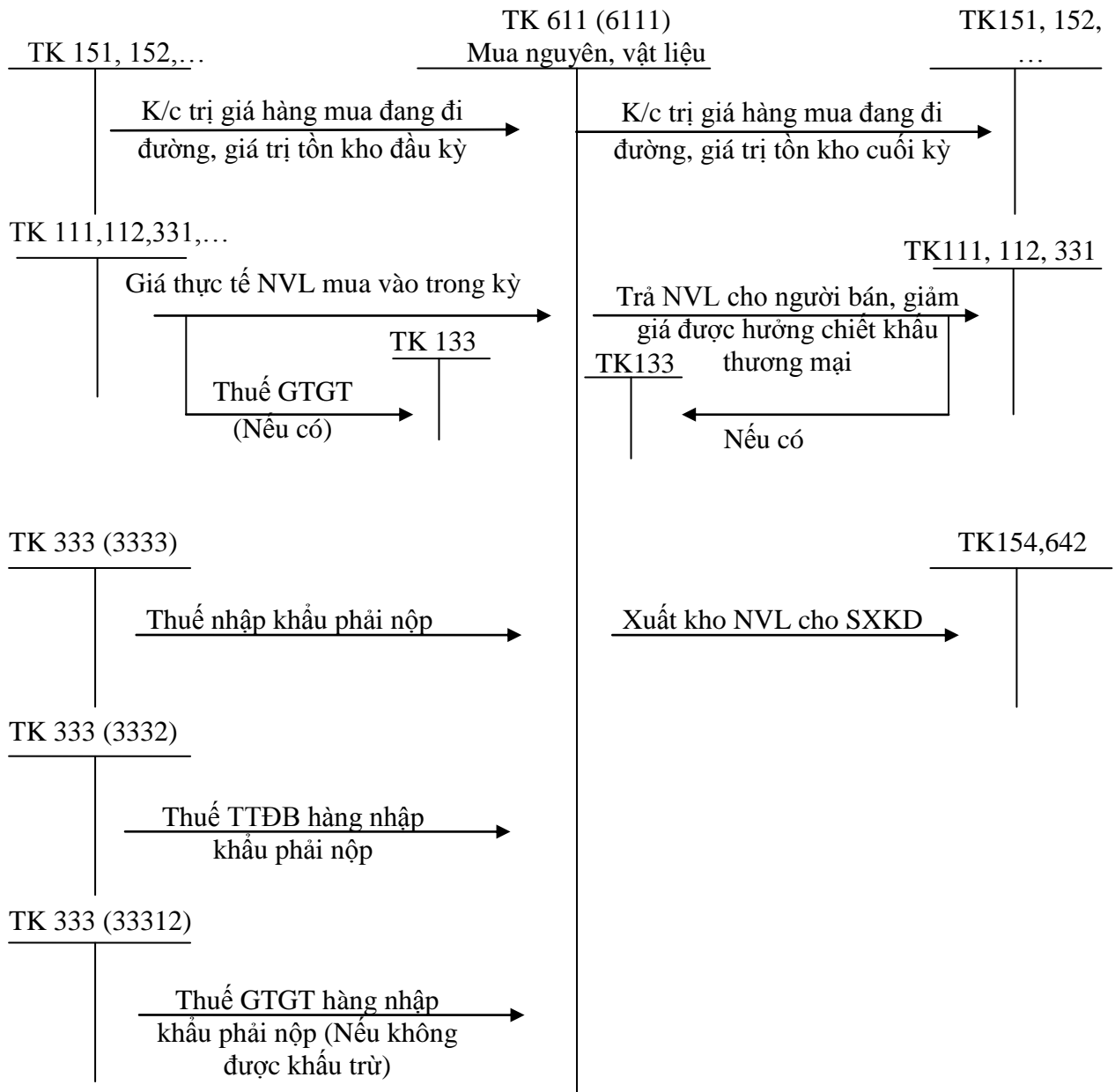
- Trị giá thực tế hàng hóa, vật tư đã mua nhưng còn đang đi đường (chưa về nhập kho đơn vị).

Ngoài ra, trong quá trình hạch toán kế toán còn sử dụng một số TK khác liên quan như: 133, 331, 111, 112.....

❖ **Phương pháp hạch toán.**

Phương pháp hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ được thể hiện qua sơ đồ 1.5 như sau:

Sơ đồ 1.5: Phương pháp kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ



1.4. Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được quy định trong chuẩn mực kế toán số 02 về hàng tồn kho như sau:

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho không được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung

cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Việc ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho phải dựa trên bằng chứng đáng tin cậy thu thập tại thời điểm ước tính. Việc ước tính này phải tính đến sự biến động của giá cả hoặc chi phí trực tiếp liên quan đến các sự kiện diễn ra sau ngày kết thúc năm tài chính, mà các sự kiện này được xác nhận với các điều kiện có thời điểm ước tính. Ngoài ra khi ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được phải tính đến mục đích của việc dự trữ hàng tồn kho.

Nguyên vật liệu dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất sản phẩm không được đánh giá thấp hơn giá gốc, nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm. Khi có sự giảm giá của nguyên vật liệu mà giá thành sản xuất sản phẩm cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì nguyên vật liệu tồn kho được đánh giá giảm xuống bằng với giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Cách xác định dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Theo quy định hiện hành của chế độ kế toán tài chính thì dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối niên độ kế toán trước khi lập báo cáo tài chính.

$$\text{Giá trị thực hiện thuần túy của hàng tồn kho} = \text{Giá gốc của hàng tồn kho} - \text{Dự phòng giảm giá hàng tồn kho}$$

Dự phòng giảm giá được lập cho các loại nguyên vật liệu chính dùng cho sản xuất, các loại vật tư, hàng hóa, thành phẩm tồn kho để bán mà giá trên thị trường thấp hơn thực tế đang ghi sổ kế toán. Những loại vật tư hàng hóa này là mặt hàng kinh doanh thuộc sở hữu của doanh nghiệp, có chứng cứ hợp lý, chứng minh giá vốn vật tư, hàng tồn kho. Công thức xác định mức dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

$$\text{Mức dự phòng cần lập năm tới cho hàng tồn kho} = \text{Số lượng hàng tồn kho cuối niên độ} \times \text{Mức giảm giá của hàng tồn kho}$$

❖ Tài khoản sử dụng: Tài khoản 159 “Các khoản dự phòng”

Bên Nợ:

+ Hoàn nhập số dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn kỳ này phải lập nhỏ hơn số đã lập kỳ trước.

+ Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, xóa các khoản nợ phải thu khó đòi

+ giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hoàn nhập ghi giảm giá vốn hàng bán trong kỳ.

Bên Có:

+ Trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (Số cần trích lập lần đầu và số chênh lệch giữa số dự phòng kỳ này phải lập lớn hơn số đã lập cuối kỳ trước).

+ Số dự phòng phải thu khó đòi được lập tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

+ Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ

Số dư bên Có:

+ Số dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn hiện có đầu hoặc cuối kỳ.

+ Số dự phòng các khoản phải thu khó đòi hiện có đầu hoặc cuối kỳ

+ Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho hiện có đầu hoặc cuối kỳ.

Tài khoản 159 “ Các khoản dự phòng” có 3 tài khoản cấp 3 sau:

TK 1591 “Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn”

TK 1592 “Dự phòng các khoản phải thu khó đòi”

TK 1593 “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho”.

❖ **Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.**

i, Cuối kỳ kế toán năm (hoặc quý), khi lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lần đầu tiên ghi:

Nợ TK632 : Giá vốn hàng bán

Có TK1593 : Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

ii, Cuối kỳ kế toán năm (hoặc quý) tiếp theo:

- Nếu khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay lớn hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán năm trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch lớn hơn ghi:

Nợ TK632 : Giá vốn hàng bán (chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho)

Có TK1593: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

- Nếu khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay nhỏ hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch nhỏ hơn, ghi:

Nợ TK1593 : Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Có TK632: Giá vốn hàng bán (Chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho)

1.5. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ kế toán vào công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

1.5.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung.

1.5.1.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung.

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ sau đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

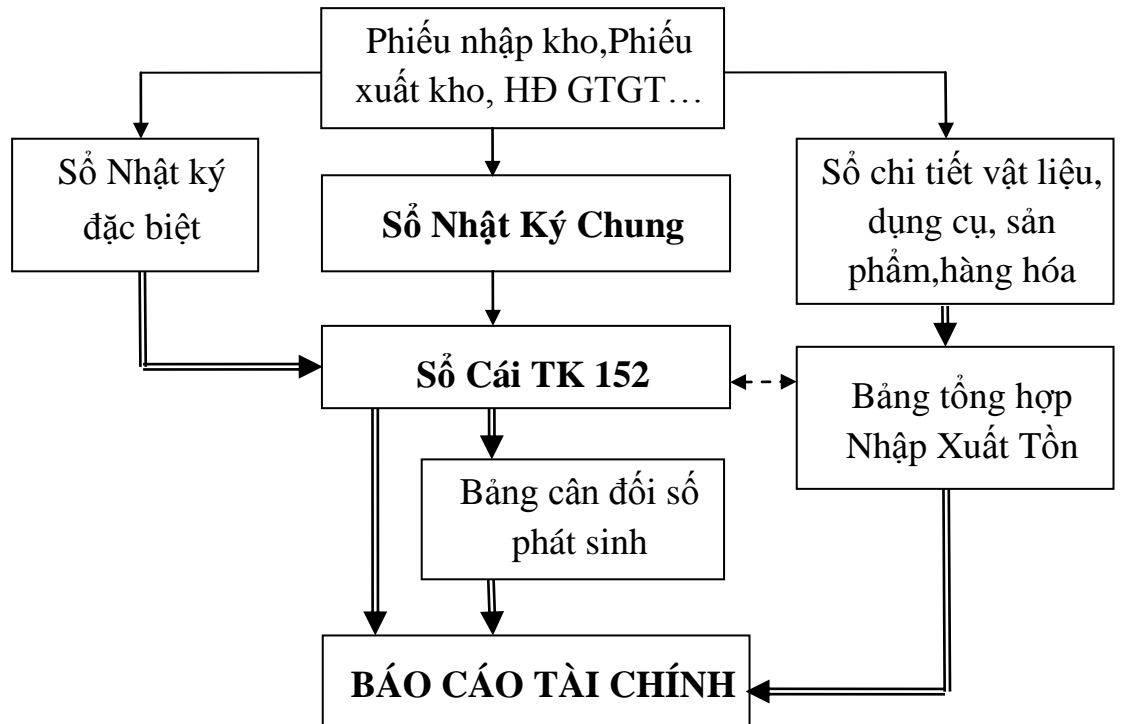
- Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt;
- Sổ cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

1.5.1.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung.

(i) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

(ii) Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

Sơ đồ 1.6: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung.



Ghi chú:

Ghi cuối ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ : \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

1.5.2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái.

1.5.2.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái.

Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký – Sổ Cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký – Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ Cái gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký – Sổ Cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

1.5.2.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái.

(i) Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để ghi vào sổ Nhật ký – Sổ Cái. Số liệu của mỗi chứng từ (hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại) được ghi trên một dòng ở cả 2 phần Nhật ký và phần Sổ Cái. Bảng tổng hợp

chứng từ kế toán được lập cho những chứng từ cùng loại (Phiếu thu, phiếu chi, phiếu xuất, phiếu nhập,...) phát sinh nhiều lần trong cùng một ngày hoặc định kỳ 1 đến 3 ngày. Chứng từ kế toán và Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại sau khi đã ghi sổ Nhật ký – Sổ Cái, được dùng để ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

(ii) Cuối tháng, sau khi đã phản ánh toàn bộ chứng từ kế toán phát sinh trong tháng vào sổ Nhật ký – Sổ Cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết, kế toán tiến hành cộng số liệu của cột phát sinh ở phần Nhật ký và các cột Nợ, cột Có của từng tài khoản ở phần Sổ Cái để ghi vào dòng cộng phát sinh cuối tháng. Căn cứ vào số phát sinh các tháng trước và số phát sinh tháng này tính ra số phát sinh lũy kế từ đầu quý đến cuối tháng này. Căn cứ vào số dư đầu tháng (đầu quý) và số phát sinh trong tháng kế toán tính ra số dư cuối tháng (cuối quý) của từng tài khoản trên Nhật ký – Sổ Cái.

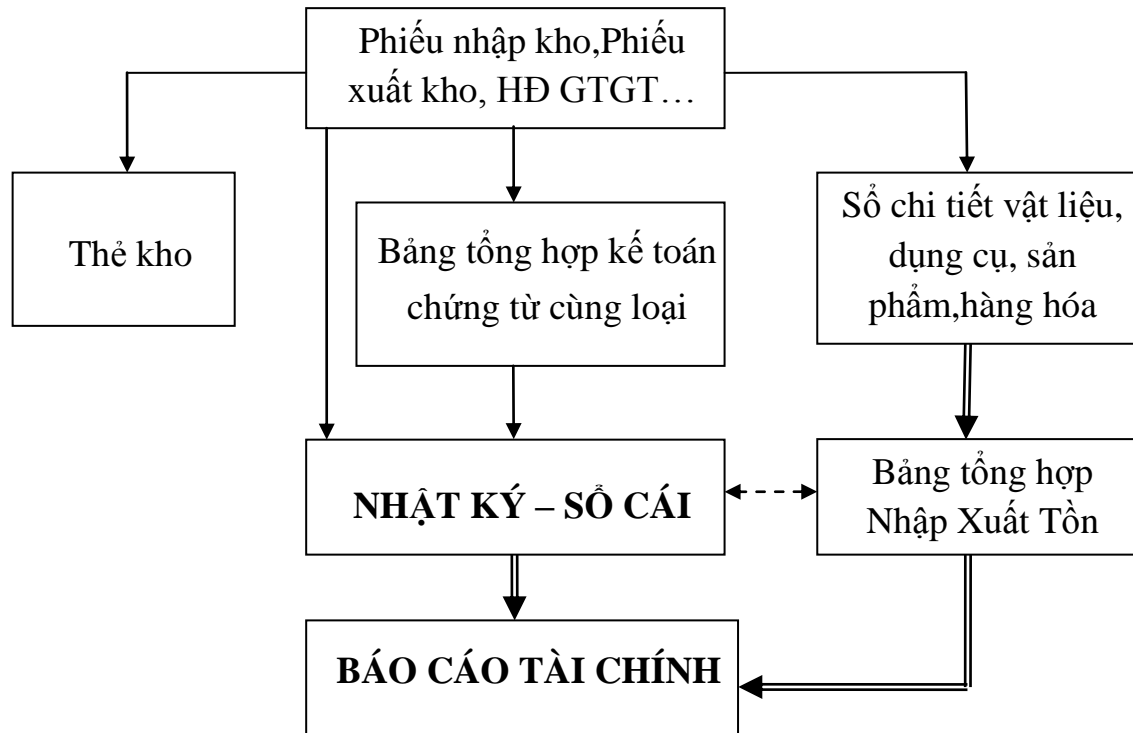
(iii) Khi kiểm tra, đối chiếu số cộng cuối tháng (cuối quý) trong sổ Nhật ký – Sổ Cái phải đảm bảo các yêu cầu sau:

$$\begin{array}{ccccc} \text{Tổng số tiền ở cột} & & \text{Tổng SPS Nợ của tất} & & \text{Tổng SPS Có của tất} \\ \text{“SPS” ở phần Nhật ký} & = & \text{cả các tài khoản} & = & \text{cả các tài khoản} \end{array}$$

$$\text{Tổng số dư Nợ các TK} = \text{Tổng số dư Có các TK}$$

(iiii) Các sổ, thẻ kế toán chi tiết cũng phải được khóa sổ cộng số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và tính ra số dư cuối tháng của từng đối tượng. Căn cứ vào số liệu khóa sổ của các đối tượng lập “Bảng tổng hợp chi tiết” cho từng tài khoản. Số liệu trên “Bảng tổng hợp chi tiết” được đối chiếu với số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và Số dư cuối tháng của từng tài khoản trên sổ Nhật ký – Sổ Cái. Số liệu trên Nhật Ký – Sổ Cái và trên “Bảng tổng hợp chi tiết” sau khi khóa sổ được kiểm tra, đối chiếu nếu khớp, đúng sẽ được sử dụng để lập báo cáo tài chính.

Sơ đồ 1.7: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ Cái



Ghi chú

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu kiểm tra: \longleftrightarrow

1.5.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

1.5.3.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- + Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng Ký Chứng từ ghi sổ.
- + Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng Hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ;
- Sổ cái;

- Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết

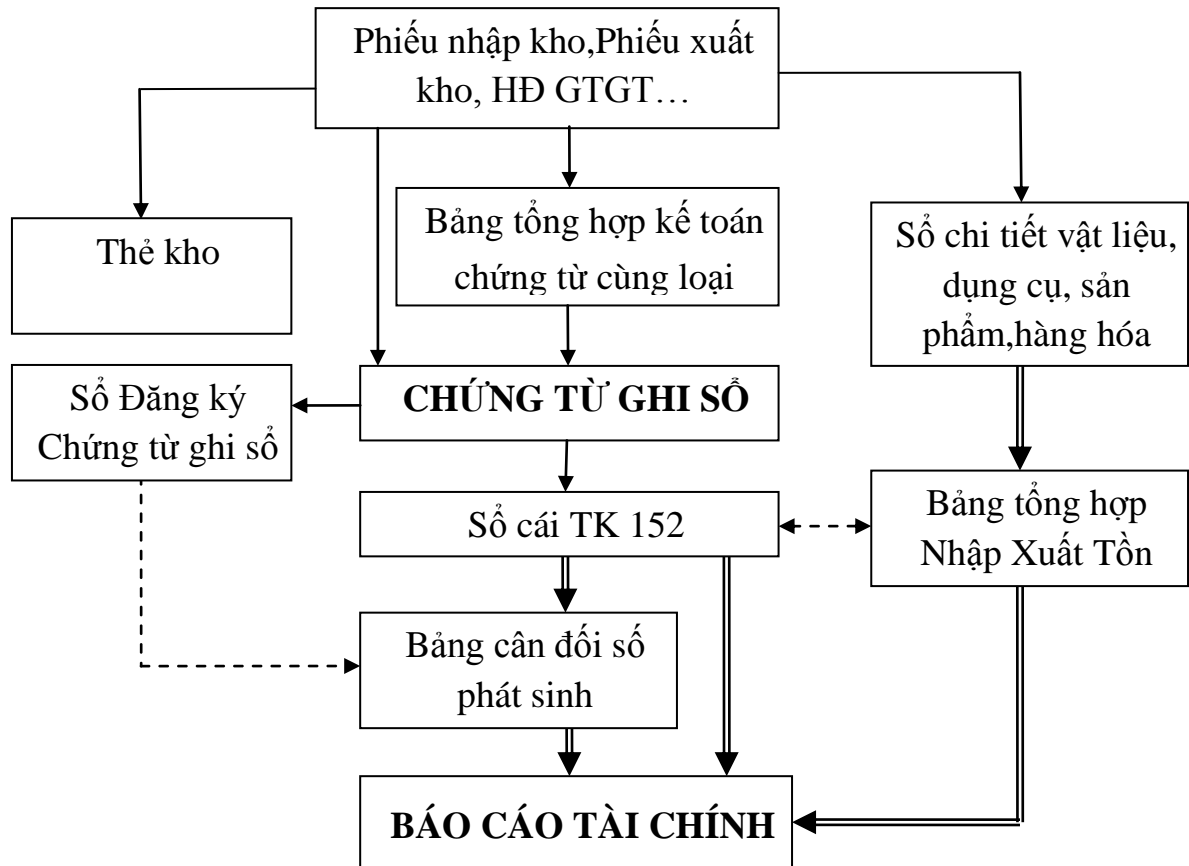
1.5.3.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

(i) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ Cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào Sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

(ii) Cuối tháng, phải khóa sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, tính ra Tổng số phát sinh Nợ, Tổng số phát sinh Có và số dư của từng tài khoản trên Sổ Cái. Căn cứ vào Sổ Cái lập Bảng cân đối phát sinh.

Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính. Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên Bảng Cân Đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng Tổng số tiền phát sinh trên sổ Đăng Ký Chứng từ ghi sổ. Tổng số dư Nợ và tổng số dư Có của các Tài khoản trên Bảng Cân Đối số phát sinh phải bằng nhau, và số dư của từng tài khoản trên Bảng Cân Đối số phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên Bảng tổng hợp chi tiết.

Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ



Ghi chú

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu kiểm tra: \longleftrightarrow

1.5.4. Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ.

1.5.4.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ.

Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ

Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ gồm các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký - Chứng từ;
- Bảng kê;
- Sổ cái;
- Sổ, thẻ kế toán chi tiết.

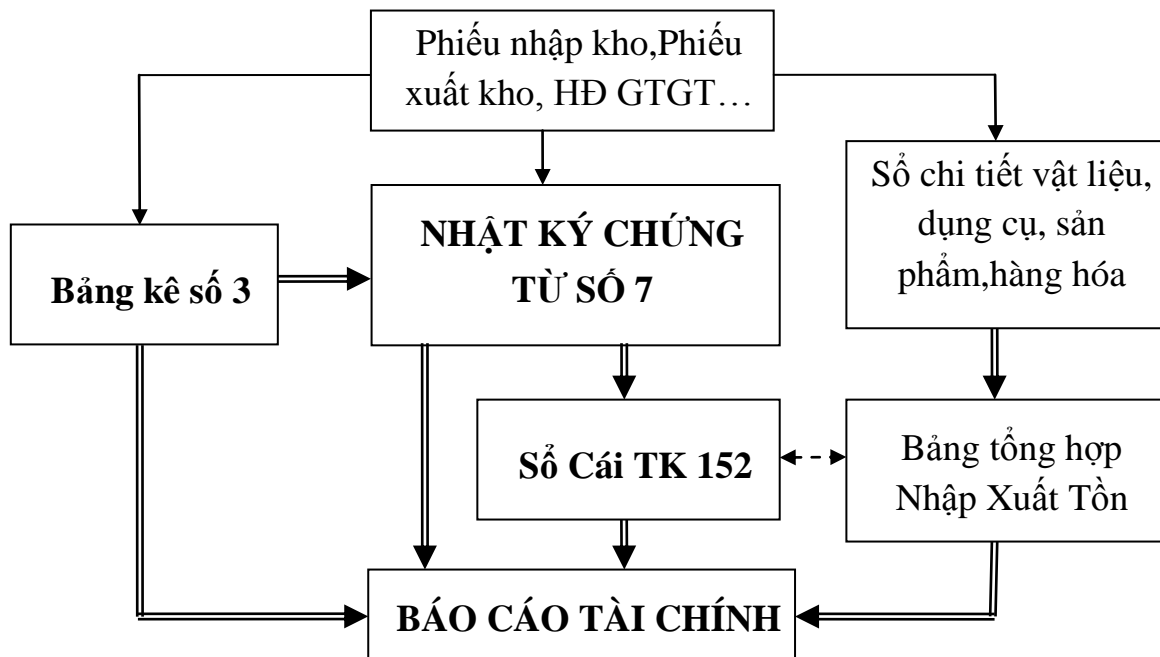
1.5.4.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ.

(i) Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra lấy số liệu ghi trực tiếp vào các Nhật ký – Chứng từ hoặc bảng kê, sổ chi tiết có liên quan.

Đối với các loại chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh nhiều lần hoặc mang tính chất phân bổ, các chứng từ gốc trước hết được tập hợp và phân loại trong các bảng phân bổ, sau đó lấy số liệu kết quả của bảng phân bổ ghi vào các Bảng kê và Nhật ký – Chứng từ có liên quan. Đối với các Nhật ký – Chứng từ được ghi căn cứ vào các Bảng kê, sổ chi tiết thì căn cứ vào số liệu tổng cộng của bảng kê, sổ chi tiết, cuối tháng chuyển số liệu vào Nhật ký – Chứng từ.

(ii) Cuối tháng khóa sổ, cộng số liệu trên các Nhật ký – Chứng từ, kiểm tra, đối chiếu số liệu trên các Nhật ký – Chứng từ với các sổ, thẻ kế toán chi tiết, Bảng tổng hợp chi tiết có liên quan và lấy số liệu tổng cộng của các Nhật ký – Chứng từ ghi trực tiếp vào Sổ Cái. Đối với các chứng từ có liên quan đến các sổ, thẻ kế toán chi tiết thì được ghi trực tiếp vào các sổ, thẻ có liên quan. Cuối tháng, cộng các sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết và căn cứ vào sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết để lập các bảng tổng hợp chi tiết theo từng tài khoản để đối chiếu với sổ Cái. Số liệu tổng cộng ở sổ cái và một số chỉ tiêu chi tiết trong Nhật ký – Chứng từ, Bảng kê và các Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ



Ghi chú:

Ghi cuối ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

1.5.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính.

1.5.5.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính.

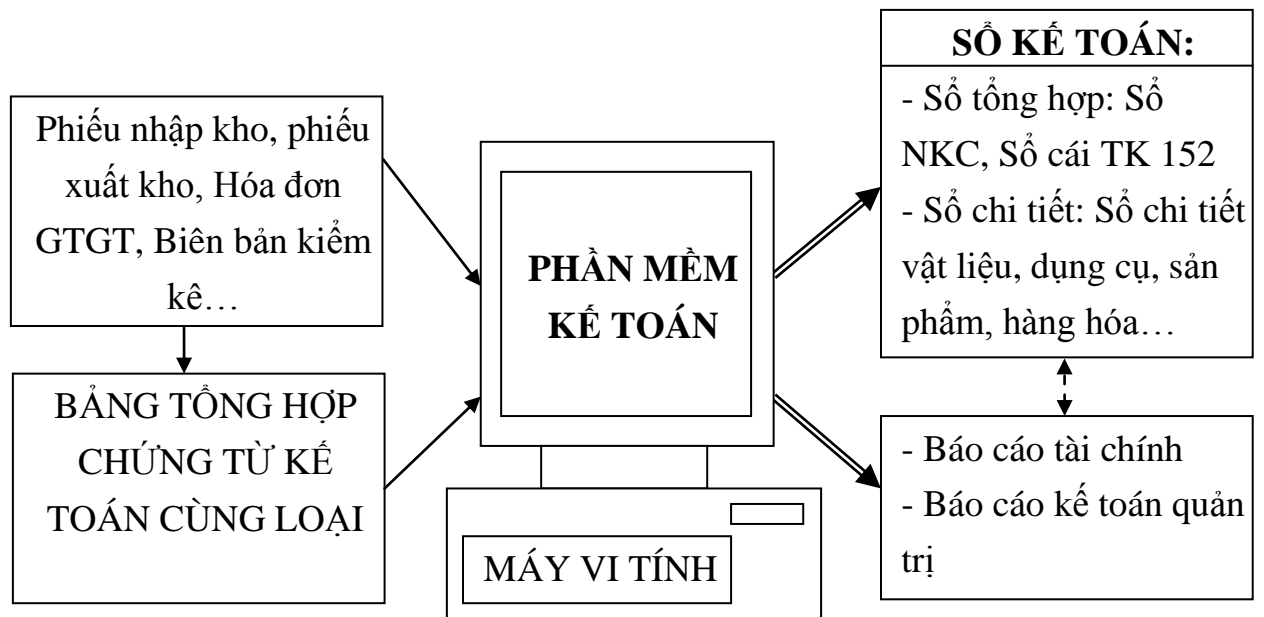
Công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

1.5.5.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính.

(i) Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán. Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ Nhật ký chung, hay Chứng từ ghi sổ..) và các sổ thẻ kế toán chi tiết liên quan.

(ii) Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ (Cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy. Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định. Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

Sơ đồ 1.10: *Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính.*

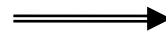


Ghi chú

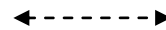
Nhập số liệu hàng ngày:



In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm:



Quan hệ đối chiếu kiểm tra:



CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TRUNG HẠNH

2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH Trung Hạnh.

2.1.1. Lịch sử hình thành, phát triển và đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH Trung Hạnh.

| | |
|--|--|
| Tên công ty viết bằng tiếng Việt | : CÔNG TY TNHH TRUNG HẠNH |
| Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài | :TRUNG HANH COMPANY LIMITED |
| Tên công ty viết tắt | : TRUNG HANH CO.,LTD |
| Địa chỉ chủ sở hữu | : Thôn Ngọc Khê, Xã Phù Ninh, Huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam |
| Điện thoại | : 031. 3764631 |
| Fax | : 031.3674631 |
| Hình thức sở hữu | : Công ty trách nhiệm hữu hạn |
| Mã số doanh nghiệp | : 0200453141 |
| Ngày thành lập | : ngày 28 tháng 2 năm 2002 |
| Vốn điều lệ | : 30.000.000.000 đồng |

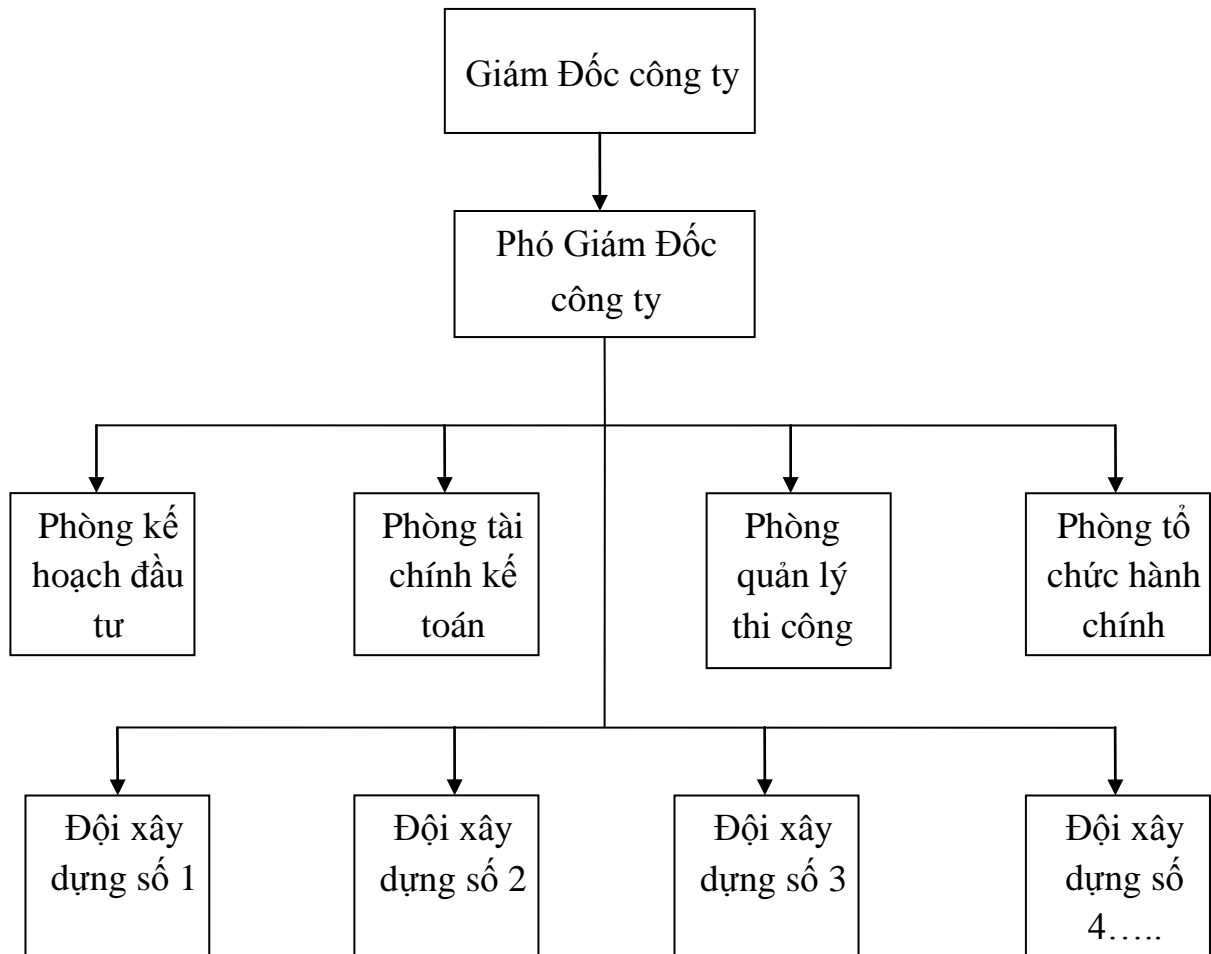
Ngày nay khi nền kinh tế phát triển mạnh, đời sống nhân dân ngày một tăng cao. Do vậy đòi hỏi cuộc sống thịnh vượng hơn, cơ sở hạ tầng phát triển, trường học nhà máy, đường xá giao thông, các công trình phúc lợi cũng là những lĩnh vực cần được phát triển.

Được sự cho phép của sở kế hoạch đầu tư và thành phố Hải Phòng ngày 28 tháng 12 năm 2002 công ty TNHH Trung Hạnh đã ra đời.

Công ty TNHH Trung Hạnh là một doanh nghiệp tư nhân hoạt động trong lĩnh vực xây dựng là chủ yếu. Sau một thời gian đi vào hoạt động công ty đã xây dựng được rất nhiều hạng mục công trình kiên cố như trường học, ủy ban nhân dân xã, trạm y tế, đường giao thông liên xã, liên huyện, liên tỉnh, đường phòng chống lụt bão. Quá trình hoạt động vừa qua, công ty đã tham gia đóng góp vào sự phát triển kinh tế của đất nước nói chung và của thành phố Hải Phòng thông qua hàng trăm công trình đã được xây dựng và hạng chục dự án đầu tư phát triển nhà ở đô thị. Trong đó có nhiều công trình được đánh giá cao. Ngày nay với đội ngũ nhân viên năng động và chuyên nghiệp, công ty TNHH Trung Hạnh luôn hướng tới nhu cầu thị trường với mục tiêu: Năng suất, chất lượng và hiệu quả.

2.1.2. Đặc điểm của bộ máy quản lý tại Công ty TNHH Trung Hạnh.

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ bộ máy tổ chức quản lý của Công ty TNHH Trung Hạnh.



Công ty được tổ chức dưới hình thức công ty TNHH nên bộ máy quản lý của Công ty sẽ hoạt động dưới sự chỉ đạo của Giám đốc. Bộ máy hoạt động của Công ty bao gồm 4 phòng ban chức năng và các đội xây dựng. Trong đó, nhiệm vụ và quyền hạn của từng bộ phận, phòng ban chức năng được quy định cụ thể như sau:

+ **Giám đốc công ty:** Đứng đầu công ty là Giám đốc công ty có vị trí và thẩm quyền cao nhất, chịu trách nhiệm lãnh đạo và điều hành mọi hoạt động của công ty. Ngoài ra Giám đốc còn có trách nhiệm quản lý tài chính của công ty đảm bảo sử dụng hiệu quả và phát triển nguồn vốn của công ty.

+ **Phó giám đốc công ty:** Do giám đốc bổ nhiệm và được giám đốc phân công quyết định những công việc của Công ty. Thay mặt Giám đốc điều hành hoạt động kinh doanh khi giám đốc đi vắng, trực tiếp phụ trách các mảng của

công việc cụ thể. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Giám đốc về nhiệm vụ được phân công ủy quyền.

Các phòng ban chức năng của công ty có chức năng nhiệm vụ chủ yếu sau:

+ **Phòng kế hoạch đầu tư:** Lập kế hoạch đầu tư của công ty, thẩm định dự án đầu tư. Lập dự toán công trình hạng mục công trình để chuẩn bị tham gia đấu thầu... Lập định mức vật tư theo dự án, duyệt dự toán và quyết toán các công trình, hạng mục công trình. Lập kế hoạch hàng tháng, quý, năm để báo cáo Giám đốc.

+ **Phòng tài chính kế toán:** Với chức năng phòng chuyên môn tham mưu, giúp việc cho giám đốc công ty quản lý và tổ chức thực hiện các công tác: Quản lý vốn và tài sản, hạch toán sản xuất kinh doanh. Tổng hợp phân tích đánh giá kết quả hoạt động hàng năm, đề xuất với lãnh đạo công ty những giải pháp nâng cao hiệu quả kinh tế của Doanh nghiệp.

+ **Phòng tổ chức hành chính:** Có nhiệm vụ tổ chức, tuyển chọn lao động, phân công lao động, sắp xếp điều phối lao động, phụ trách công tác hành chính, hình thành các chứng từ về lao động tiền lương, các chế độ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế và các quyền lợi khác của người lao động trong Công ty.

+ **Phòng quản lý thi công:** Quản lý kỹ thuật, mỹ thuật, tiến độ thi công, quản lý chất lượng công trình, tổng kết kinh nghiệm trong quá trình xây lắp, quản lý hướng dẫn các biện pháp về an toàn lao động.

+ **Các đội thi công xây dựng:** Bao gồm các đội trưởng, cán bộ kỹ thuật, nhân viên kinh tế và công nhân trực tiếp xây dựng. Các đội xây dựng thực hiện thi công công trình, hạng mục công trình theo hình thức nhận khoán từ công ty, không tổ chức bộ máy kế toán riêng.

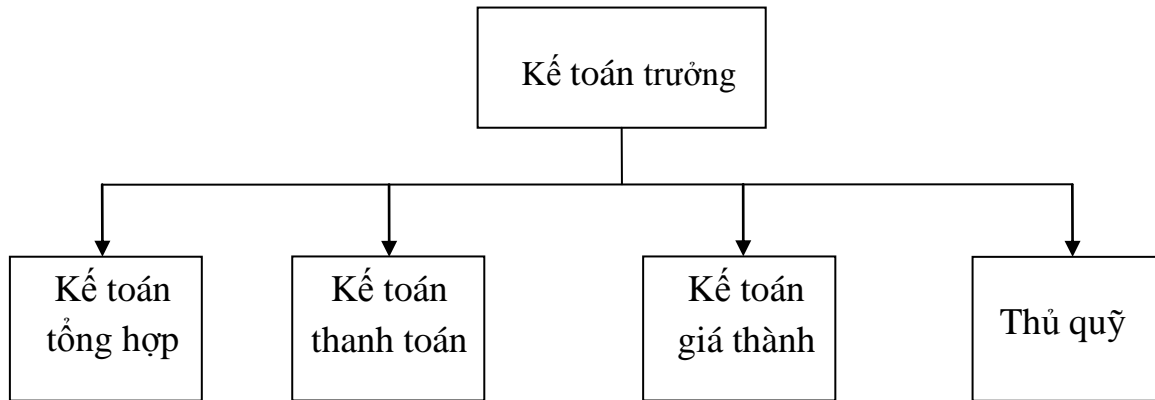
2.1.3. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH Trung Hạnh.

2.1.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán của công ty.

Trong những năm qua, từ khi chuyển đổi sang cơ chế thị trường mỗi bước phát triển của công ty đều có sự đóng góp đáng kể của phòng tài chính kế toán với tư cách là một hệ thống thông tin và kiểm tra, phòng tài chính kế toán là một trong những bộ phận cực kỳ quan trọng trong hệ thống quản lý của công ty. Toàn bộ công tác kế toán tài chính và thông tin kinh tế ở đơn vị hoạt động theo quy định của Luật kế toán.

Phòng kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung, có chức năng cung cấp đầy đủ thông tin về hoạt động kinh tế tài chính trong công ty nhằm giúp giám đốc điều hành và quản lý các hoạt động kinh tế đạt hiệu quả cao.

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH Trung Hạnh



Theo mô hình như trên chức năng và nhiệm vụ của từng bộ phận như sau:

+ **Kế toán trưởng**: Có trách nhiệm chỉ đạo trực tiếp phòng kế toán, chịu trách nhiệm trước ban giám đốc và cơ quan có thẩm quyền của nhà nước, về các vấn đề liên quan đến tài chính, lập báo cáo kế toán và phân tích kinh tế.

+ **Kế toán tổng hợp**: Tổng hợp các thông tin về tiền lương và tài sản, về nguyên vật liệu, về thu chi, lên bảng tổng hợp và chịu trách nhiệm trước phòng với các thông tin đó.

+ **Kế toán thanh toán**: Theo dõi công nợ với khách hàng đồng thời căn cứ vào giá trị phải thu theo kế hoạch, chủ động lập kế hoạch thu vốn định kỳ, báo cáo công tác thu hồi vốn thường xuyên và định kỳ. Đối chiếu công nợ với bên kia.

+ **Kế toán giá thành**: Theo dõi tổng hợp, quản lý thống kê, theo dõi số lượng vật tư cho các công trình, đối chiếu từng chủng loại vật tư, kiểm tra chặt chẽ việc thực hiện định mức tiêu hao vật liệu căn cứ vào dự toán mỗi công trình. Kết thúc công trình, hay hạng mục công trình kế toán tập hợp chi phí và tính chi phí phát sinh để tính giá thành sản phẩm.

+ **Thủ quỹ**: Chịu trách nhiệm bảo quản tiền mặt, thực hiện thu chi đối với các chứng từ thanh toán đó được phê duyệt. Hàng ngày thủ quỹ phải kiểm kê số quỹ tiền mặt thực tế đối chiếu với số liệu trên sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt ghi sổ kế toán chi tiết tiền mặt.

2.1.3.2. Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty.

- Niên độ kế toán của công ty là 1 năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

- Hình thức kế toán công ty áp dụng: Hình thức kế toán Nhật ký chung.

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: sử dụng Đồng Việt Nam để ghi chép và lập báo cáo tài chính của công ty.

- Đơn vị tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
- Ghi nhận và tính khấu hao tài sản cố định: Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng.
- Đối với hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Tính giá trị hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn.

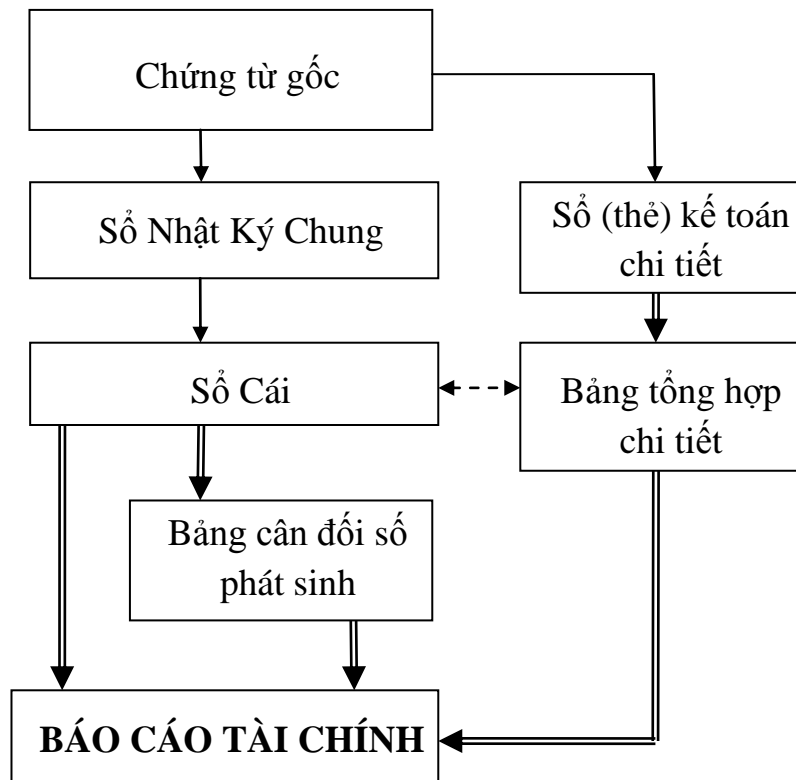
2.1.3.3. Tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán áp dụng tại công ty.

Công ty áp dụng hệ thống chứng từ và tài khoản theo Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành theo quyết định số 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

2.1.3.4. Tổ chức hệ thống sổ kế toán tại công ty.

Công ty áp dụng hệ thống sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung, rất thuận tiện phù hợp với quy mô của công ty, đảm bảo việc thông tin nhanh, chính xác, kịp thời. Hệ thống tài khoản và sổ sách kế toán được lập theo quy định, phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp gồm có: Nhật ký chung; Sổ cái; Các sổ thẻ kế toán chi tiết liên quan,....

Sơ đồ 2.3: Quy trình hạch toán kế toán theo hình thức Nhật ký chung tại Công ty TNHH Trung Hạnh.



Ghi chú

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu kiểm tra: \longleftrightarrow

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra dùng đó làm căn cứ ghi sổ: trước hết ghi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ Nhật ký chung; đồng thời từ chứng từ gốc kế toán ghi vào các sổ chi tiết tài khoản; sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp.

Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết tài khoản kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết. Kế toán đối chiếu số liệu trên bảng tổng hợp chi tiết với số liệu trên sổ cái để kiểm tra sự chính xác của số liệu, sau đó dựa vào sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh.

Sau khi kiểm tra, đối chiếu khớp đúng với số liệu đã ghi, kế toán căn cứ vào bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

2.1.3.5. Tổ chức hệ thống Báo cáo tài chính.

Hệ thống Báo cáo tài chính cả công ty áp dụng theo quyết định số 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng bộ tài chính

- Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B01 – DN)
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B02 – DN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B03 – DN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B09 – DN)

2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Trung Hạnh.

2.2.1. Đặc điểm, phân loại và tính giá nguyên vật liệu tại công ty.

2.2.1.1. Đặc điểm và phân loại nguyên vật liệu.

Để tiến hành thi công xây dựng nhiều công trình khác nhau đáp ứng nhu cầu thị trường công ty phải sử dụng một khối lượng nguyên vật liệu rất lớn bao gồm nhiều thứ, nhiều loại khác nhau, mỗi loại vật liệu có vai trò, tính năng lý hóa riêng. Muốn quản lý tốt và hạch toán chính xác vật liệu thì phải tiến hành phân loại vật liệu một cách khoa học, hợp lý. Tuy nhiên tại công ty TNHH Trung Hạnh các loại vật liệu mới chỉ được mã hóa theo tên gọi như xi măng, sắt, thép, gạch, ngói, vôi ve, đá, gỗ... Hiện nay công ty vẫn chưa xây dựng sổ danh điểm vật tư và việc đặt mã số để quản lý vật tư chưa theo một tiêu thức nào nên công tác hạch toán chi tiết vật tư chưa được khoa học.

2.2.1.2. Tính giá nguyên vật liệu tại công ty.

➤ *Giá nguyên vật liệu nhập kho.*

Công ty tính giá nguyên vật liệu nhập kho theo giá trị thực tế. Các loại nguyên vật liệu sử dụng sản xuất tại công ty hầu hết là các nguyên vật liệu mua ngoài.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thực} & & & & & & \\ \text{tế NVL} & & & & & & \\ \text{nhập kho} & = & \text{Giá mua} & + & \text{Chi phí} & - & \text{CKTM,} \\ & & \text{ghi trên} & & \text{thu mua} & & \text{Giảm giá} \\ & & \text{hóa đơn} & & \text{thực tế} & & \text{hàng mua} \end{array}$$

Trong đó:

- Giá ghi trên hóa đơn là của người bán: là giá chưa có thuế GTGT.
- Chi phí thu mua thực tế gồm: chi phí vận chuyển, bốc dỡ...được cộng vào giá trị thực tế của nguyên vật liệu nhập kho.

Thủ tục nhập kho nguyên vật liệu.

Việc quản lý chặt chẽ nguyên vật liệu nhập kho là vấn đề quan trọng, giúp công ty đảm bảo được tình hình cung cấp nguyên vật liệu, đánh giá được việc thường xuyên cung cấp nguyên vật liệu, đánh giá được chi phí đầu vào của công ty. Do đó các chứng từ hóa đơn phải được lưu giữ đầy đủ theo quy định hiện hành. Chứng từ sử dụng cho nghiệp vụ nhập kho nguyên vật liệu gồm:

- Hóa đơn GTGT.
- Phiếu nhập kho.
- Các chứng từ thanh toán khác

Khi nguyên vật liệu về đến công ty, cán bộ kỹ thuật sẽ kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của hóa đơn và tiến hành kiểm tra về mặt số lượng, chất lượng nguyên vật liệu nhập kho khi tổ chức bốc xếp vào kho. Phiếu nhập kho được lập khi có đủ chữ ký của các bên có liên quan. Phiếu nhập kho được lập thành 3 liên:

Liên 1: Lưu tại cuống

Liên 2: Thủ kho giữ để ghi vào thẻ kho

Liên 3: Chuyển cho phòng kế toán để ghi sổ.

➤ **Tính giá nguyên vật liệu xuất kho**

Hiện nay tại Công ty TNHH Trung Hạnh đang áp dụng phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn để tính giá nguyên vật liệu xuất kho. Nguyên vật liệu xuất kho được tính như sau:

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập } j = \frac{\text{Trị giá VT tồn trước lần nhập } j + \text{Trị giá VT nhập lần } j}{\text{Số lượng VT tồn trước lần nhập } j + \text{Số lượng VT nhập lần } j}$$

Trị giá vật liệu xuất dùng = Đơn giá bình quân * Số lượng vật liệu kho

✚ **Thủ tục xuất kho nguyên vật liệu:**

Nguyên vật liệu tại công ty được dùng chủ yếu cho thi công các công trình. Khi đội trưởng các công trình có nhu cầu về nguyên vật liệu sẽ lập Phiếu yêu cầu cấp vật tư, thông qua phòng quản lý thi công nếu hợp lý thì chuyển lên cho giám đốc duyệt. Sau đó chuyển xuống cho thủ kho phiếu yêu cầu xin cấp vật tư đã được ký duyệt, thủ kho căn cứ vào đó viết phiếu xuất kho và tiến hành xuất kho nguyên vật liệu. Phiếu xuất kho được lập thành 3 liên:

Liên 1: Lưu tại cuống

Liên 2: Thủ kho giữ để ghi vào thẻ kho

Liên 3: Chuyển cho phòng kế toán để ghi sổ.

Ví dụ: Tình hình nhập, xuất kho gạch 2 lỗ tháng 12/2014 như sau:

- Tồn đầu kỳ (1/12) : 1000 viên gạch 2 lỗ, đơn giá 1.050 đồng/viên

Trị giá tồn kho đầu kỳ = $1000 * 1.050 = 1.050.000$ đồng

- Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ:

+ ngày 06/12 : Nhập kho 50.000 viên gạch 2 lỗ, đơn giá 950 đồng/viên.

Trị giá nhập kho ngày 6/12 = $50.000 * 950 = 47.500.000$ đồng

+ ngày 08/12: Xuất kho 48.366 viên gạch 2 lỗ xây nhà văn hóa xã Hợp Thành

$$\begin{aligned} \text{Đơn giá bình quân} \\ \text{gạch 2 lỗ xuất ngày} \\ 8/12 \end{aligned} &= \frac{1.050.000 + 47.500.000}{1.000 + 50.000}$$

$$= 952 \text{ đồng/ viên}$$

Trị giá 48.366 viên gạch 2 lỗ xuất kho = $48.366 \text{ viên} * 952 = 46.044.432$ đồng

Trị giá tồn sau lần xuất ngày 8/2 = $1.050.000 + 47.500.000 - 46.044.432$
 $= 2.505.568$ đồng

+ ngày 19/12: Nhập kho 400.000 viên gạch 2 lỗ, đơn giá 1.000 đồng/ viên.

Trị giá nhập kho ngày 19/2 = $400.000 * 1.000 = 400.000.000$ đồng

+ ngày 20/12: Xuất 254.640 viên gạch 2 lỗ xây trạm y tế xã Lưu Kiếm.

$$\begin{aligned} \text{Đơn giá bình} \\ \text{quân gạch 2 lỗ} \\ \text{xuất ngày} \\ 20/12 \end{aligned} &= \frac{2.505.568 + 400.000.000}{(1.000 + 50.000 - 48.366) + 400.000}$$
$$= 1000 \text{ đồng/ viên}$$

Trị giá 254.640 viên gạch 2 lỗ xuất kho = $254.640 \text{ viên} * 1000$
 $= 254.640.000$ đồng

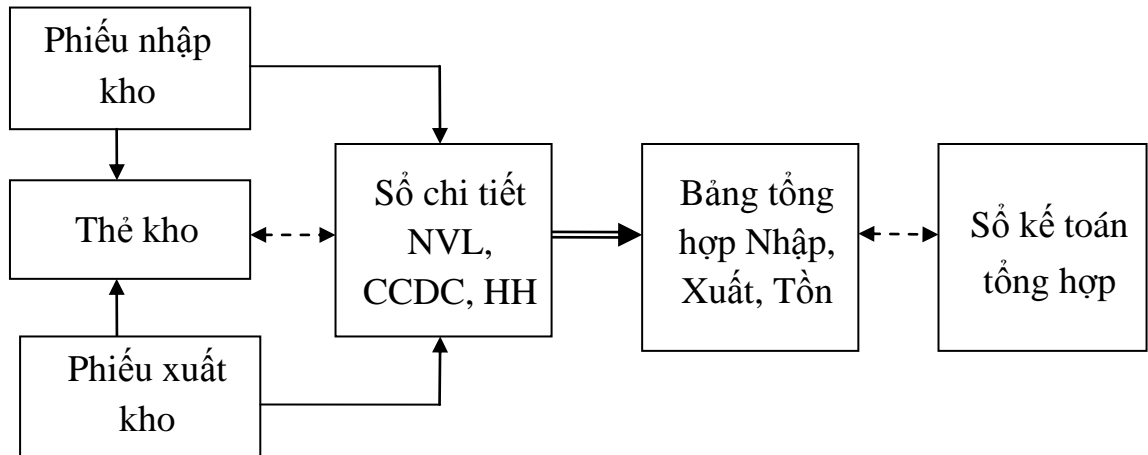
2.2.2. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại công ty.

Do nguyên vật liệu của công ty chiếm một tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm nên đòi hỏi phải phản ánh theo dõi chặt chẽ tình hình nhập – xuất – tồn của từng loại nguyên vật liệu cả về số lượng và giá trị. Vật liệu ở công ty rất đa dạng, các nghiệp vụ nhập, xuất diễn ra thường xuyên hàng ngày, do đó nhiệm vụ của kế toán chi tiết nguyên vật liệu là vô cùng quan trọng và không thể thiếu được.

Tổ chức kế toán chi tiết nguyên vật liệu có ý nghĩa quan trọng đối với công tác bảo quản nguyên vật liệu và công tác kiểm tra tình hình cung cấp, sử dụng vật

liệu, Công ty TNHH Trung Hạnh đã lựa chọn phương pháp thẻ song song để hạch toán chi tiết nguyên vật liệu.

Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song tại Công ty TNHH Trung Hạnh.



Ghi chú:

Ghi cuối ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ : \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

- **Tại kho:** Thủ kho dựa vào phiếu nhập, xuất và các chứng từ khác để mở thẻ kho và ghi theo số lượng. Mỗi loại nguyên vật liệu được theo dõi ở một thẻ kho riêng để tiện trong việc ghi chép, kiểm tra. Khi nhận các chứng từ nhập xuất vật liệu thủ kho phải kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của chứng từ rồi tiến hành ghi chép số thực nhập, thực xuất vào chứng từ thẻ kho, cuối ngày tính ra số tồn kho ghi vào thẻ kho. Định kỳ từ 3 – 5 ngày thủ kho gửi các chứng từ nhập, xuất được phân loại theo từng thứ vật liệu cho phòng kế toán kiểm tra, kế toán ký xác nhận vào thẻ kho.

- **Tại phòng kế toán:** Kế toán vật tư mở sổ kế toán chi tiết vật tư cho từng vật tư tương ứng với thẻ kho mở ở kho. Sổ này có nội dung tương tự thẻ kho, chỉ khác là theo dõi cả về mặt giá trị. Hàng ngày hoặc định kỳ, khi nhận được các chứng từ nhập xuất kho, nhân viên kế toán vật tư phải kiểm tra, đối chiếu và ghi đơn giá hạch toán vào sổ kế toán chi tiết và tính ra số tiền. Sau đó lần lượt ghi các nghiệp vụ nhập xuất vào các sổ kế toán chi tiết vật tư có liên quan. Cuối tháng tiến hành cộng sổ và đối chiếu với thẻ kho. Để thực hiện đối chiếu giữa kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết, kế toán phải căn cứ vào các sổ kế toán chi tiết để lập bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn vật liệu về mặt giá trị của từng loại vật tư. Số liệu của bảng này được đối chiếu với số liệu của kế toán tổng hợp.

Ví dụ 1:

- Ngày 19/12/2014 Công ty mua gạch 2 lỗ của Công ty TNHH Nam Hương. Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000467 (Biểu số 2.1) và phiếu nhập số 145 (Biểu số 2.2), thủ kho ghi vào thẻ kho (Biểu số 2.5), kế toán ghi vào sổ chi tiết vật liệu – gạch 2 lỗ (Biểu số 2.6)

- Ngày 20/12/2014, theo phiếu yêu cầu cấp vật tư (Biểu số 2.3) từ đội trưởng công trình xây trạm y tế xã Lưu Kiếm chuyển lên đã được phê duyệt, thủ kho viết phiếu xuất kho số 178 (Biểu số 2.4). Căn cứ vào phiếu xuất kho 178 (Biểu số 2.4) thủ kho vào thẻ kho (Biểu số 2.5), Kế toán ghi vào sổ chi tiết vật liệu – gạch 2 lỗ (Biểu số 2.6)

Cuối tháng, từ các sổ chi tiết kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết vật liệu dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa (Biểu số 2.11)

Biểu số 2.1: (Trích Hóa đơn GTGT mua gạch 2 lỗ)

| | | | | | |
|---|-----------------------|--|-----------------|---|-------------|
| HÓA ĐƠN | | Mẫu số: 01GTKT3/001 | | | |
| GIÁ TRỊ GIA TĂNG | | Ký hiệu: AA/14P | | | |
| Liên 2: Giao người mua | | Số: 0000467 | | | |
| Ngày 19 tháng 12 năm 2014 | | | | | |
| Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Nam Hương | | | | | |
| Mã số thuế: 5701341247 | | | | | |
| Địa chỉ: Khu Yên Hợp, xã Yên Thọ, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh | | | | | |
| Số tài khoản: 44210000101269 tại Ngân hàng ĐT&PT Tây Nam Quảng Ninh | | | | | |
| Điện thoại: 033.387 1950 | | | | | |
| Họ tên người mua hàng: Phạm Thị Phai | | | | | |
| Tên đơn vị: Công ty TNHH Trung Hạnh | | | | | |
| Địa chỉ: thôn Ngọc Khê - Phù Ninh – Thủy Nguyên – Hải Phòng | | | | | |
| Số tài khoản: : 2105211000 tại ngân hàng Á Châu – chi nhánh Thủy Nguyên, HP | | | | | |
| Hình thức thanh toán: CK | | MST: 02 00453141 | | | |
| STT | Tên hàng hóa, dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
| | B | C | 1 | 2 | 3=1x2 |
| 1, | Gạch 2 lỗ | viên | 400.000 | 1.000 | 400.000.000 |
| Cộng tiền hàng: | | | | | 400.000.000 |
| Thuế suất GTGT: 10% | | | Tiền thuế GTGT: | | 40.000.000 |
| Tổng cộng tiền thanh toán: | | | | | 440.000.000 |
| Số tiền viết bằng chữ: <i>Bốn trăm bốn mươi triệu đồng chẵn.</i> | | | | | |
| Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ, tên) | | Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ, tên) | | Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên) | |
| (Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) | | | | | |

Biểu số 2.2: (Trích phiếu nhập kho gạch 2 lỗ)

Đơn vị: Công ty TNHH Trung Hạnh

Mẫu số: 01 – VT

Địa chỉ: Thôn Ngọc Khê – xã Phù Ninh– huyện (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Thủy Nguyên – Hải Phòng

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 19 tháng 12 năm 2014

Nợ:152

Số: 145

Có:331

- Họ và tên người giao: Công ty TNHH Nam Hương
- Theo HDGTGT số 0000467 ngày 19 tháng 12 năm 2014
- Nhập tại kho: Vật liệu xây dựng

| STT | Tên nguyên vật liệu | Mã số | Đơn vị tính | Số lượng | | Đơn giá | Thành tiền |
|-----|---------------------|-------|-------------|----------|-----------|---------|-------------|
| | | | | Theo CT | Thực nhập | | |
| 01 | Gạch 2 lỗ | | viên | 400.000 | 400.000 | 1.000 | 400.000.000 |
| | | | | | | | |
| | Cộng | | | 400.000 | 400.000 | | 400.000.000 |

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Bốn trăm triệu đồng chẵn.
- Số chứng từ gốc kèm theo: 01

Ngày 19 tháng 12 năm 2014

| | | | | |
|------------------------|------------------------|----------------|-----------------------|-----------------|
| Người lập phiếu | Người giao hàng | Thủ kho | Kế toán trưởng | Giám đốc |
| (ký, họ tên) | (ký, họ tên) | (ký, họ tên) | (ký, họ tên) | (ký, họ tên) |

Biểu số 2.3: Phiếu yêu cầu cấp vật tư

Công ty TNHH Trung Hạnh

Địa chỉ: xã Phù Ninh – huyện Thủy Nguyên – Hải phòng

PHIẾU YÊU CẦU CẤP VẬT TƯ

Người nhận: Lê Văn Huỳnh

Địa chỉ: Đội thi công số 3

Lý do sử dụng: Thi công công trình trạm y tế xã Lưu Kiếm.

| STT | Tên vật tư | Mã vật tư | ĐVT | Số lượng | Ghi chú |
|-----|------------|-----------|------|----------|---------|
| 1 | Gạch 2 lỗ | | Viên | 254.640 | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |

Hải phòng, ngày 19 tháng 12 năm 2014

Phê duyệt

Người yêu cầu

Biểu số 2.4: (Trích Phiếu xuất kho gạch 2 lỗ tháng 12)

Đơn vị: Công ty TNHH Trung Hạnh

Mẫu số: 02 – VT

Địa chỉ: Thôn Ngọc Khê – xã Phù Ninh– huyện

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Thủy Nguyên – Hải Phòng

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 20 tháng 12 năm 2014

Số: 178

Nợ : 1541.6

Có : 152

-Họ và tên người nhận hàng : Lê Văn Huỳnh. Địa chỉ : đội trưởng công trình

-Lý do xuất kho: phục vụ xây dựng công trình trạm y tế xã Lưu Kiếm

-Xuất tại kho (ngăn lô): vật liệu xây dựng

| STT | Tên nguyên vật liệu | Mã số | Đơn vị tính | Số lượng | | Đơn giá | Thành tiền |
|-----|---------------------|-------|-------------|----------|-----------|---------|-------------|
| | | | | Yêu cầu | Thực xuất | | |
| 1 | Gạch 2 lỗ | | viên | 254.640 | 254.640 | 1000 | 254.640.000 |
| | | | | | | | |
| | Cộng | | | 254.640 | 254.640 | | 254.640.000 |

-Tổng số tiền (viết bằng chữ): Hai trăm năm mươi bốn triệu sáu trăm bốn mươi ngàn đồng chẵn.

-Số chứng từ gốc kèm theo: 01

Ngày 20 tháng 12 năm 2014

**Người lập
phiếu**
(ký, họ tên)

**Người nhận
hàng**
(ký, họ tên)

Thủ kho
(ký, họ tên)

**Kế toán
trưởng**
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

Khóa luận tốt nghiệp

Biểu số 2.5: (Trích thẻ kho gạch 2 lỗ tháng 12)

Đơn vị: Công ty TNHH Trung Hạnh

Địa chỉ: Thôn Ngọc Khê – xã Phù Ninh – huyện Thủy Nguyên – Hải Phòng

Mẫu số S09 – DNN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

THẺ KHO

Ngày lập thẻ: 01/01/2014

-Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư: Gạch 2 lỗ

-Đơn vị tính: viên

| Số TT | Ngày, tháng | SHCT | | Diễn giải | Ngày N,X | Số lượng | | | Ký xác nhận |
|-------|-------------|-------|-------|-----------------------------------|----------|----------|---------|---------------|-------------|
| | | Nhập | Xuất | | | Nhập | Xuất | Tồn | |
| A | B | C | D | E | F | 1 | 2 | 3 | G |
| | | | | <u>Tồn đầu tháng 12</u> | | | | <u>1000</u> | |
| 1 | 06/12 | 124 | | Nhập kho gạch 2 lỗ | 06/12 | 50.000 | | | |
| 2 | 08/12 | | 167 | Xuất cho CT NVH xã Hợp Thành | 08/12 | | 48.366 | | |
| 3 | 19/12 | 145 | | Nhập kho gạch 2 lỗ | 19/12 | 400.000 | | | |
| 4 | 20/12 | | 178 | Xuất cho CT trạm y tế xã lưu kiểm | 20/12 | | 254.640 | | |
| 5 | 28/12 | | 189 | Xuất cho CT UBND Phục Lễ | 28/12 | | 137.326 | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | <u>Cộng cuối tháng 12</u> | | 450.000 | 440.332 | | |
| | | | | <u>Dư cuối tháng 12</u> | | | | <u>10.668</u> | |

Ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Thủ kho
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Khóa luận tốt nghiệp

Biểu số 2.6: (Trích sổ chi tiết gạch 2 lỗ tháng 12)

Đơn vị: Công ty TNHH Trung Hạnh

Địa chỉ: Thôn Ngọc Khê – xã Phù Ninh - huyện Thủy Nguyên – Hải Phòng

Mẫu số S07 – DNN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)

Năm 2014

Tên tài khoản: nguyên vật liệu. Tên kho: vật liệu xây dựng

Tên, quy cách nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa): gạch 2 lỗ.

Đơn vị tính: Viên

| NTGS | Chứng từ | | Diễn giải | TKĐƯ | Đơn giá | Nhập | | Xuất | | Tồn | | Ghi chú |
|-------|----------|-------|--------------------------------------|--------|---------|---------|-------------|---------|-------------|---------|-------------|---------|
| | SH | NT | | | | SL | Thành tiền | SL | Thành tiền | SL | Thành tiền | |
| | | | Số dư đầu tháng 12 | | 1.050 | | | | | 1.000 | 1.050.000 | |
| 06/12 | PN124 | 06/12 | Nhập kho gạch 2 lỗ | 331 | 950 | 50.000 | 47.500.000 | | | 51.000 | 48.550.000 | |
| 08/12 | PX167 | 08/12 | Xuất cho CT nhà văn hóa xã Hợp Thành | 1541.3 | 952 | | | 48.366 | 46.044.432 | 2.634 | 2.505.568 | |
| 19/12 | PN145 | 19/12 | Nhập kho gạch 2 lỗ | 331 | 1.000 | 400.000 | 400.000.000 | | | 402.634 | 402.505.568 | |
| 20/12 | PX178 | 20/12 | Xuất cho CT trạm y tế xã Lưu Kiếm | 1541.6 | 1000 | | | 254.640 | 254.640.000 | 147.994 | 147.865.568 | |
| 28/12 | PX189 | 28/12 | Xuất cho CT UBND Phục Lễ | 1541.2 | 999 | | | 137.326 | 137.188.674 | 10.668 | 10.676.894 | |
| | | | Cộng phát sinh tháng 12 | | | 450.000 | 447.500.000 | 440.322 | 437.873.106 | | | |
| | | | Dư cuối tháng 12 | | | | | | | 10.668 | 10.676.894 | |

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Ví dụ 2:

- Ngày 08 tháng 12 năm 2014 Công ty mua xi măng PCB 30 của công ty cổ phần Hà Phương. Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0001126 (Biểu số 2.7) và phiếu nhập kho số 115 (Biểu số 2.8), thủ kho vào thẻ kho (Biểu số 2.11), kế toán vào sổ chi tiết vật liệu (Biểu số 2.12).

- Ngày 20 tháng 12, tại phòng kế toán theo yêu cầu cấp vật tư (Biểu số 2.9) từ đội trưởng công trình xây trạm y tế xã Lưu Kiếm đã được phê duyệt, thủ kho viết phiếu xuất kho 180 (Biểu số 2.10). Căn cứ vào phiếu xuất kho 180 (Biểu số 2.10) thủ kho vào thẻ kho (Biểu số 2.11), kế toán ghi vào sổ chi tiết vật liệu – xi măng PCB 30 (Biểu số 2.12).

Cuối tháng từ các sổ chi tiết kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa (Biểu số 2.13)

Biểu số 2.7: (Trích hóa đơn mua xi măng PCB 30)

| | | | | | |
|--|-----------------------|--|-----------------|---|------------|
| HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG | | | | Mẫu số: 01GTKT3/001 | |
| Liên 2: Giao người mua | | | | Ký hiệu: AA/13P | |
| Ngày 08 tháng 12 năm 2014 | | | | Số: 0001126 | |
| Đơn vị bán hàng: Công ty CỔ PHẦN HÀ PHƯƠNG | | | | | |
| Mã số thuế: 0200468317 | | | | | |
| Địa chỉ: Thôn Kinh Triều, xã Thủy Triều, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng | | | | | |
| Điện thoại: 0313.847105 | | | | | |
| Số tài khoản: | | | | | |
| Họ tên người mua hàng: | | | | | |
| Tên đơn vị: Công ty TNHH Trung Hạnh | | | | | |
| Mã số thuế: 0200453141 | | | | | |
| Địa chỉ: thôn Ngọc Khê - Phù Ninh – Thủy Nguyên – Hải Phòng | | | | | |
| Hình thức thanh toán: TM..... Số tài khoản: | | | | | |
| STT | Tên hàng hóa, dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
| | B | C | 1 | 2 | 3=1x2 |
| 1, | Xi măng PCB30 | Tấn | 15 | 1.209.090 | 18.136.350 |
| | | | | | |
| Cộng tiền hàng: | | | | | 18.136.350 |
| Thuế suất GTGT: 10% | | | Tiền thuế GTGT: | | 1.813.635 |
| Tổng cộng tiền thanh toán: | | | | | 19.949.985 |
| Số tiền viết bằng chữ: Mười chín triệu chín trăm bốn mươi chín ngàn chín trăm tám mươi lăm đồng. | | | | | |
| Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ, tên) | | Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ, tên) | | Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên) | |
| (Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) | | | | | |

Biểu số 2.8: (Trích phiếu nhập kho xi măng PCB)

Đơn vị: Công ty TNHH Trung Hạnh

Mẫu số: 01 – VT

Địa chỉ: Thôn Ngọc Khê – xã Phù Ninh– huyện (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Thủy Nguyên – Hải Phòng

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 08 tháng 12 năm 2014

Nợ:152

Số: 115

Có:111

- Họ và tên người giao: Công ty Cổ Phần Hà Phương
- Theo HĐGTGT số 00001126 ngày 08 tháng 12 năm 2014
- Nhập tại kho: Vật liệu xây dựng

| STT | Tên nguyên vật liệu | Mã số | Đơn vị tính | Số lượng | | Đơn giá | Thành tiền |
|-----|---------------------|-------|-------------|----------|-----------|-----------|------------|
| | | | | Theo CT | Thực nhập | | |
| 01 | Xi măng PCB30 | | Tấn | 15 | 15 | 1.209.090 | 18.136.350 |
| | | | | | | | |
| | Cộng | | | 15 | 15 | | 18.136.350 |

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Mười tám triệu một trăm ba mươi sáu ngàn ba trăm năm mươi đồng.

- Số chứng từ gốc kèm theo: 01

Ngày 08 tháng 12 năm 2014

Người lập phiếu **Người giao hàng** **Thủ kho** **Kế toán trưởng** **Giám đốc**
 (ký, họ tên) (ký, họ tên) (ký, họ tên) (ký, họ tên) (ký, họ tên)

Biểu số 2.9: Phiếu yêu cầu cấp vật tư

Công ty TNHH Trung Hạnh

Địa chỉ: xã Phù Ninh – huyện Thủy Nguyên – Hải phòng

PHIẾU YÊU CẦU CẤP VẬT TƯ

Người nhận: Lê Văn Huỳnh

Địa chỉ: Đội thi công số 3

Lý do sử dụng: Thi công công trình trạm y tế xã Lưu Kiếm.

| STT | Tên vật tư | Mã vật tư | ĐVT | Số lượng | Ghi chú |
|-----|---------------|-----------|-----|----------|---------|
| 1 | Xi măng PCB30 | | Tấn | 55 | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |

Hải phòng, ngày 20 tháng 12 năm 2014

Phê duyệt

Người yêu cầu

Biểu số 2.10: (Trích Phiếu xuất kho xi măng PCB)

Đơn vị: Công ty TNHH Trung Hạnh

Mẫu số: 02 – VT

Địa chỉ: Thôn Ngọc Khê – xã Phù Ninh

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

huyện Thủy Nguyên – Hải Phòng

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 20 tháng 12 năm 2014

Số: 180

Nợ : 1541.6

Có : 152

-Họ và tên người nhận hàng : Lê Văn Huỳnh. Địa chỉ : đội trưởng công trình

-Lý do xuất kho: phục vụ xây dựng công trình trạm y tế xã Lưu Kiếm

-Xuất tại kho (ngăn lô): vật liệu xây dựng

| STT | Tên nguyên vật liệu | Mã số | Đơn vị tính | Số lượng | | Đơn giá | Thành tiền |
|-----|---------------------|-------|-------------|----------|-----------|-----------|------------|
| | | | | Yêu cầu | Thực xuất | | |
| 1 | Xi măng PCB30 | | Tấn | 55 | 55 | 1.209.442 | 66.519.310 |
| | | | | | | | |
| | Cộng | | | 55 | 55 | | 66.519.310 |

-Tổng số tiền (viết bằng chữ): sáu mươi sáu triệu năm trăm mười chín ngàn ba trăm mười đồng.

-Số chứng từ gốc kèm theo: 01

Ngày 20 tháng 12 năm 2014

Người lập phiếu

Người nhận hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

Giám đốc

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

Khóa luận tốt nghiệp

Biểu số 2.11: (Trích thẻ kho PCB30 tháng 12)

Đơn vị: Công ty TNHH Trung Hạnh

Địa chỉ: Thôn Ngọc Khê – xã Phù Ninh – huyện Thủy Nguyên – Hải Phòng

Mẫu số S09 – DNN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

THẺ KHO

Ngày lập thẻ: 01/01/2014

-Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư: Xi măng PCB 30

-Đơn vị tính: tấn

| Số TT | Ngày, tháng | SHCT | | Diễn giải | Ngày N,X | Số lượng | | | Ký xác nhận |
|-------|-------------|-------|-------|-----------------------------------|----------|----------|-------|----------|-------------|
| | | Nhập | Xuất | | | Nhập | Xuất | Tồn | |
| A | B | C | D | E | F | 1 | 2 | 3 | G |
| | | | | <u>Tồn đầu tháng 12</u> | | | | <u>5</u> | |
| 1 | 01/12 | 98 | | Nhập kho xi măng PCB30 | 01/12 | 15 | | 20 | |
| 2 | 03/12 | 101 | | Nhập kho xi măng PCB30 | 03/12 | 5 | | 25 | |
| 3 | 05/12 | | 128 | Xuất cho CT UBND xã Lưu Kỳ | 05/12 | | 20 | 5 | |
| 4 | 08/12 | 115 | | Nhập kho xi măng PCB30 | 08/12 | 15 | | 20 | |
| 5 | 15/12 | 121 | | Nhập kho xi măng PCB30 | 15/12 | 40 | | 60 | |
| 6 | 20/12 | | 180 | Xuất cho CT trạm y tế xã Lưu Kiếm | 20/12 | | 55 | 5 | |
| . | | | | | | | | | |
| | | | | Cộng cuối tháng 12 | | 153 | 152 | | |
| | | | | Dư cuối tháng 12 | | | | <u>6</u> | |

Ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Thủ kho
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Khóa luận tốt nghiệp

Biểu số 2.12: (Trích sổ chi tiết xi măng PCB 30 tháng 12)

Đơn vị: Công ty TNHH Trung Hạnh

Địa chỉ: Thôn Ngọc Khê – xã Phù Ninh - huyện Thủy Nguyên – Hải Phòng

Mẫu số S07 – DNN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)

Năm 2014

Tên tài khoản: nguyên vật liệu. Tên kho: vật liệu xây dựng

Tên, quy cách nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa): xi măng PCB30

Đơn vị tính: tấn

| NTGS | Chứng từ | | Diễn giải | TKĐƯ | Đơn giá | Nhập | | Xuất | | Tồn | | Ghi chú |
|-------|----------|-------|-----------------------------------|--------|------------------|------|-------------|------|-------------|----------|------------------|---------|
| | SH | NT | | | | SL | Thành tiền | SL | Thành tiền | SL | Thành tiền | |
| | | | <u>Số dư đầu tháng 12</u> | | <u>1.200.345</u> | | | | | <u>5</u> | <u>6.001.725</u> | |
| 01/12 | PN98 | 01/12 | Nhập kho chưa thanh toán | 331 | 1.209.300 | 15 | 18.139.500 | | | 20 | 24.141.225 | |
| 03/12 | PN101 | 03/12 | Nhập kho thanh toán tiền mặt | 111 | 1.198.385 | 5 | 5.991.925 | | | 25 | 30.133.150 | |
| 05/12 | PX128 | 05/12 | Xuất cho CT UBND Xã Lưu Kỳ | 1541.7 | 1.205.326 | | | 20 | 24.106.520 | 5 | 6.026.630 | |
| 08/12 | PN115 | 08/12 | Nhập thanh toán tiền mặt | 111 | 1.209.090 | 15 | 18.136.350 | | | 20 | 24.162.980 | |
| 15/12 | PN121 | 15/12 | Nhập chưa thanh toán | 331 | 1.210.089 | 40 | 48.403.560 | | | 60 | 72.566.540 | |
| 20/12 | PX180 | 20/12 | Xuất cho CT trạm y tế xã Lưu Kiếm | 1541.6 | 1.209.442 | | | 55 | 66.519.310 | 5 | 6.047.230 | |
| | ... | ... | ... | ... | ... | | ... | | ... | | ... | |
| | | | Cộng phát sinh tháng 12 | | | 153 | 180.185.325 | 152 | 179.012.242 | | | |
| | | | <u>Dư cuối tháng 12</u> | | | | | | | <u>6</u> | <u>7.174.808</u> | |

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.13: (Trích bảng tổng hợp nhập xuất tồn)

Đơn vị: Công ty TNHH Trung Hạnh

Địa chỉ: Thôn Ngọc Khê – xã Phù Ninh – huyện Thủy Nguyên – Hải Phòng

Mẫu số S08 – DNN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT
VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA**

Tài khoản: 152

Tháng 12 năm 2014

| STT | Tên vật liệu | Số tiền | | | |
|-------|-----------------|----------------------|-----------------------|-----------------------|----------------------|
| | | Tồn đầu kỳ | Nhập trong kỳ | Xuất trong kỳ | Tồn cuối kỳ |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 |
| 1 | Gạch 2 lỗ | 1.050.000 | 447.500.000 | 437.873.106 | 10.676.894 |
| 2 | Gạch 6 lỗ | 1.065.890 | 887.980.367 | 876.256.390 | 21.789.867 |
| | | | | | |
| 13 | Xi măng PCB30 | 6.001.725 | 180.185.325 | 179.012.242 | 7.174.808 |
| | | | | | |
| 16 | Thép cuộn D6-D8 | 262.800 | 4.633.500 | 4.520.410 | 375.890 |
| | | | | | |
| | Cộng | 3.258.586.210 | 11.602.181.050 | 12.415.531.594 | 2.445.235.666 |

Ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Người lập
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

2.2.3. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại công ty TNHH Trung Hạnh

Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu là việc ghi chép, phản ánh một cách tổng quát tình hình biến động của nguyên vật liệu trên các tài khoản, sổ kế toán và các báo cáo tài chính theo chỉ tiêu giá trị. Hiện nay, công ty TNHH Trung Hạnh sử dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho nói chung và vật liệu nói riêng.

2.2.3.1. Chứng từ kế toán sử dụng.

- Phiếu nhập kho
- Phiếu xuất kho
- Hóa đơn GTGT
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu chi, Giấy báo Nợ, giấy báo Có....

2.2.3.2. Tài khoản kế toán sử dụng.

- TK 152 – “Nguyên vật liệu”
- TK 154 – “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”

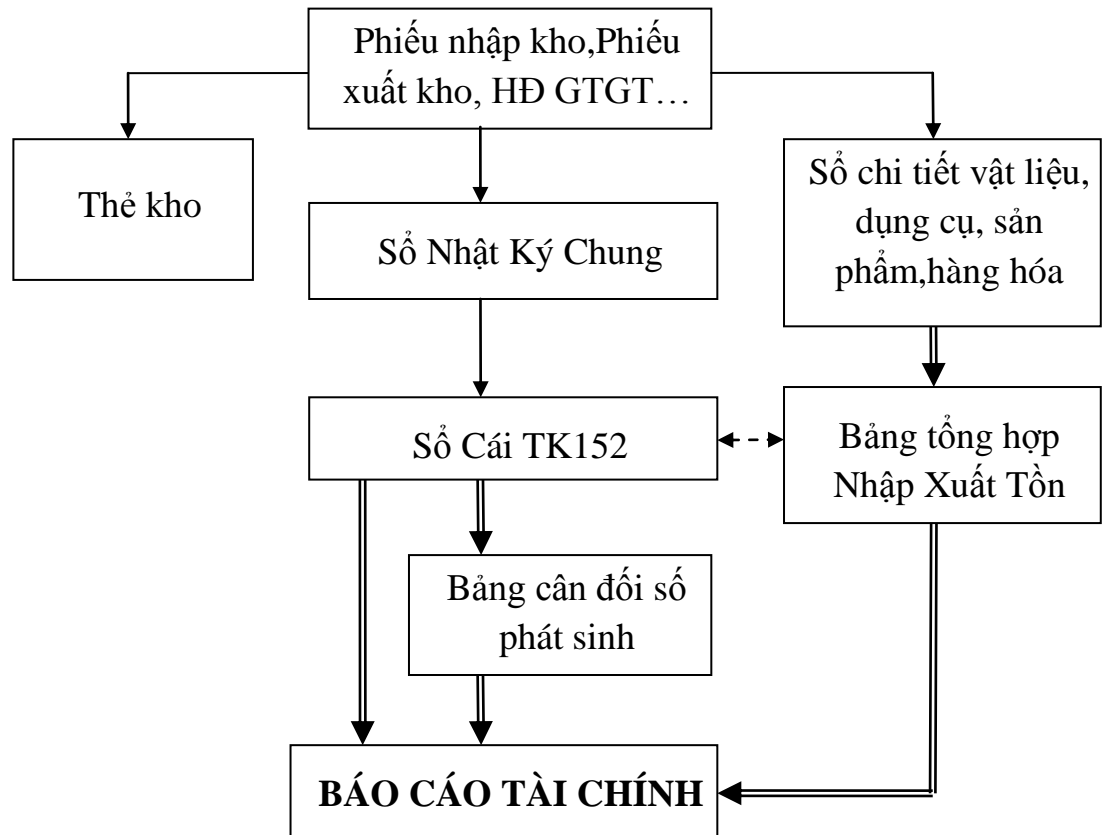
Hiện nay công ty đang áp dụng chế độ kế toán theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14 tháng 9 năm 2006 của bộ trưởng bộ tài chính với niên độ kế toán là năm dương lịch (bắt đầu từ 01/01/N đến 31/12/N hàng năm). Vì vậy, kế toán sẽ sử dụng TK 154 để hạch toán các khoản mục chi phí sản xuất và TK 154 được mở chi tiết theo khoản mục chi phí và cho từng công trình, hạng mục công trình. Ví dụ:

- + TK 1541 chi tiết chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, trong đó:
 - TK 1541.1 chi tiết chi phí nguyên vật liệu trực tiếp CT Nâng cấp cải tạo đường PCLB xã Lập Lễ.
 - TK 1541.2 chi tiết chi phí nguyên vật liệu trực tiếp CT sửa trường mầm non Kim Đồng 1
 -
- + TK 1542 chi tiết chi phí nhân công trực tiếp, trong đó:
 - TK 1542.1 chi tiết chi phí nhân công trực tiếp CT Nâng cấp cải tạo đường PCLB xã Lập Lễ
 - TK 1542.2 chi tiết chi phí nhân công trực tiếp CT sửa trường mầm non Kim Đồng 1
 -
- +
- Các TK khác liên quan 133, 111, 112, 331...

2.2.3.3. Quy trình hạch toán.

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán kế toán theo hình thức Nhật ký chung tại Công ty TNHH Trung Hạnh.



Ghi chú

Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: ==>

Quan hệ đối chiếu kiểm tra: <--->

2.2.3.4. Ví dụ minh họa.

Lấy lại các nghiệp vụ ở phần kế toán chi tiết để minh họa phần kế toán tổng hợp.

Ví dụ 3:

- Ngày 19 tháng 12 năm 2014 Công ty mua gạch 2 lỗ của công ty Nam Hương. Căn cứ vào HĐ GTGT số 0000467 (Biểu số 2.14) và phiếu nhập kho số 145 (Biểu số 2.15), kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.23). Từ sổ Nhật ký chung vào sổ cái TK 152 (Biểu số 2.24), sổ cái các tài khoản khác liên quan.

- Ngày 20 tháng 12 năm 2014 xuất 254.640 viên gạch 2 lỗ cho công trình xây trạm y tế xã Lưu Kiếm theo phiếu yêu cầu cấp vật tư (Biểu số 2.16). Căn cứ

vào phiếu xuất kho số 178 (Biểu 2.17), kế toán vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.23) và vào sổ cái TK 152 (Biểu số 2.24).

Ví dụ 4:

- Ngày 08 tháng 12 năm 2014 Công ty mua xi măng PCB 30 của Công ty cổ phần Hà Phương. Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0001126 (Biểu số 2.18) , phiếu chi (Biểu số 2.19) và phiếu nhập 115 (Biểu số 2.20), kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.23). Từ sổ Nhật ký chung vào sổ cái TK 152 (Biểu số 2.24), và sổ cái các tài khoản có liên quan.

- Ngày 20 tháng 12 xuất 55 tấn xi măng PCB 30 cho công trình xây trạm y tế xã Lưu Kiếm theo phiếu yêu cầu cấp vật tư (Biểu số 2.21). Căn cứ vào phiếu xuất kho số 180 (Biểu số 2.22), kế toán vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.23), và vào Sổ cái TK 152 (Biểu số 2.24)

Cuối kỳ, đối chiếu số liệu trên Sổ cái TK 152 với Bảng tổng hợp nhập xuất tồn nguyên vật liệu (Biểu số 2.25)

Biểu số 2.14: (Trích HĐ GTGT mua gạch 2 lỗ)

| HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 2: Giao người mua | | | Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu: AA/13P Số: 0000467 | | |
|---|-----------------------|--|--|---|-------------|
| <i>Ngày 19 tháng 12 năm 2014</i> | | | | | |
| Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Nam Hương Mã số thuế: 5701341247 Địa chỉ: Khu Yên Hợp, xã Yên Thọ, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh Số tài khoản: 44210000101269 tại Ngân hàng ĐT&PT Tây Nam Quảng Ninh Điện thoại: 033.387 1950 | | | | | |
| Họ tên người mua hàng: Phạm Thị Phai Tên đơn vị: Công ty TNHH Trung Hạnh Địa chỉ: thôn Ngọc Khê - Phù Ninh – Thủy Nguyên – Hải Phòng Số tài khoản: 2105211000 tại ngân hàng Á Châu – chi nhánh Thủy Nguyên, HP Hình thức thanh toán: CK MST: 02 00453141 | | | | | |
| STT | Tên hàng hóa, dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
| | B | C | 1 | 2 | 3=1x2 |
| 1, | Gạch 2 lỗ | viên | 400.000 | 1.000 | 400.000.000 |
| Cộng tiền hàng: | | | | | 400.000.000 |
| Thuế suất GTGT: 10% | | | Tiền thuế GTGT: | | 40.000.000 |
| Tổng cộng tiền thanh toán: | | | | | 440.000.000 |
| Số tiền viết bằng chữ: <i>Bốn trăm bốn mươi triệu đồng chẵn.</i> | | | | | |
| Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ, tên) | | Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ, tên) | | Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên) | |
| <i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i> | | | | | |

Biểu số 2.15: (Trích phiếu nhập kho gạch 2 lỗ)

Đơn vị: Công ty TNHH Trung Hạnh

Mẫu số: 01 – VT

Địa chỉ: Thôn Ngọc Khê – xã Phù Ninh– huyện

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Thủy Nguyên – Hải Phòng

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 19 tháng 12 năm 2014

Nợ:152

Số: 145

Có:331

- Họ và tên người giao: Công ty TNHH Nam Hương
- Theo HĐGTGT số 0000467 ngày 19 tháng 12 năm 2014
- Nhập tại kho: Vật liệu xây dựng

| STT | Tên nguyên vật liệu | Mã số | Đơn vị tính | Số lượng | | Đơn giá | Thành tiền |
|-----|---------------------|-------|-------------|----------|-----------|---------|-------------|
| | | | | Theo CT | Thực nhập | | |
| 01 | Gạch 2 lỗ | | viên | 400.000 | 400.000 | 1.000 | 400.000.000 |
| | | | | | | | |
| | Cộng | | | 400.000 | 400.000 | | 400.000.000 |

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Bốn trăm triệu đồng chẵn.
- Số chứng từ gốc kèm theo: 01

Ngày 19 tháng 12 năm 2014

| | | | | |
|------------------------|------------------------|----------------|-----------------------|-----------------|
| Người lập phiếu | Người giao hàng | Thủ kho | Kế toán trưởng | Giám đốc |
| (ký, họ tên) | (ký, họ tên) | (ký, họ tên) | (ký, họ tên) | (ký, họ tên) |

Biểu số 2.16: Phiếu yêu cầu cấp vật tư

Công ty TNHH Trung Hạnh

Địa chỉ: xã Phù Ninh – huyện Thủy Nguyên – Hải phòng

PHIẾU YÊU CẦU CẤP VẬT TƯ

Người nhận: Lê Văn Huỳnh

Địa chỉ: Đội thi công số 3

Lý do sử dụng: Thi công công trình trạm y tế xã Lưu Kiếm.

| STT | Tên vật tư | Mã vật tư | ĐVT | Số lượng | Ghi chú |
|-----|------------|-----------|------|----------|---------|
| 1 | Gạch 2 lỗ | | Viên | 254.640 | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |

Hải phòng, ngày 20 tháng 12 năm 2014

Phê duyệt

Người yêu cầu

Biểu số 2.17: (Trích Phiếu xuất kho gạch 2 lỗ tháng 12)

Đơn vị: Công ty TNHH Trung Hạnh

Mẫu số: 02 – VT

Địa chỉ: Thôn Ngọc Khê – xã Phù Ninh– huyện

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Thủy Nguyên – Hải Phòng

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 20 tháng 12 năm 2014

Số: 178

Nợ : 1541.6

Có : 152

-Họ và tên người nhận hàng : Lê Văn Huỳnh. Địa chỉ : đội trưởng công trình

-Lý do xuất kho: phục vụ xây dựng công trình trạm y tế xã Lưu Kiếm

-Xuất tại kho (ngăn lô): vật liệu xây dựng

| STT | Tên nguyên vật liệu | Mã số | Đơn vị tính | Số lượng | | Đơn giá | Thành tiền |
|-----|---------------------|-------|-------------|----------|-----------|---------|-------------|
| | | | | Yêu cầu | Thực xuất | | |
| 1 | Gạch 2 lỗ | | viên | 254.640 | 254.640 | 1000 | 254.640.000 |
| | | | | | | | |
| | Cộng | | | 254.640 | 254.640 | | 254.640.000 |

-Tổng số tiền (viết bằng chữ): Hai trăm năm mươi bốn triệu sáu trăm bốn mươi ngàn đồng chẵn.

-Số chứng từ gốc kèm theo: 01

Ngày 20 tháng 12 năm 2014

**Người lập
phiếu**
(ký, họ tên)

**Người nhận
hàng**
(ký, họ tên)

Thủ kho
(ký, họ tên)

**Kế toán
trưởng**
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

Biểu số 2.18: (Trích HĐ GTGT mua xi măng PCB 30)

| HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG | | | | Mẫu số: 01GTKT3/001 | |
|--|-----------------------|--|-----------------|---|------------|
| Liên 2: Giao người mua | | | | Ký hiệu: AA/13P | |
| Ngày 08 tháng 12 năm 2014 | | | | Số: 0001126 | |
| Đơn vị bán hàng: Công ty CỔ PHẦN HÀ PHƯƠNG | | | | | |
| Mã số thuế: 0200468317 | | | | | |
| Địa chỉ: Thôn Kinh Triều, xã Thủy Triều, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng | | | | | |
| Điện thoại: 0313.847105 | | | | | |
| Số tài khoản: | | | | | |
| Họ tên người mua hàng: | | | | | |
| Tên đơn vị: Công ty TNHH Trung Hạnh | | | | | |
| Mã số thuế: 0200453141 | | | | | |
| Địa chỉ: thôn Ngọc Khê - Phù Ninh – Thủy Nguyên – Hải Phòng | | | | | |
| Hình thức thanh toán: TM..... Số tài khoản: | | | | | |
| STT | Tên hàng hóa, dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
| | B | C | 1 | 2 | 3=1x2 |
| 1, | Xi măng PCB30 | Tấn | 15 | 1.209.090 | 18.136.350 |
| | | | | | |
| Cộng tiền hàng: | | | | | 18.136.350 |
| Thuế suất GTGT: 10% | | | Tiền thuế GTGT: | | 1.813.635 |
| Tổng cộng tiền thanh toán: | | | | | 19.949.985 |
| Số tiền viết bằng chữ: Mười chín triệu chín trăm bốn mươi chín ngàn chín trăm tám mươi lăm đồng. | | | | | |
| Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ, tên) | | Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ, tên) | | Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên) | |
| (Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) | | | | | |

Biểu số 2.19: (Trích phiếu chi mua xi măng PCB30)

Đơn vị: Công ty TNHH Trung Hạnh

Mẫu số 02 -TT

Địa chỉ: Thôn Ngọc Khê – xã Phù Ninh –
Huyện Thủy Nguyên – Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

Mã đơn vị SDNS:.....

PHIẾU CHI

Ngày 08 tháng 12 năm 2014 Số : 137

Nợ : 152, 133

Có : 111

Họ tên người nhận tiền: Nguyễn Hữu Hôm

Địa chỉ: Công ty Cổ phần Hà Phương

Lý do chi: Mua xi măng PCB 30

Số tiền: 19.949.985 (Viết bằng chữ): Mười chín triệu chín trăm bốn mươi chín ngàn chín trăm tám mươi lăm đồng.

Kèm theo hóa đơn GTGT số 0000467

| Giám đốc | Kế toán trưởng | Người lập | Người nhận tiền | Thủ quỹ |
|------------------------|-----------------------|------------------|------------------------|----------------|
| (Ký, họ tên, đóng dấu) | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) |

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ Mười chín triệu chín trăm bốn mươi chín ngàn chín trăm tám mươi lăm đồng.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....VNĐ.....

Biểu số 2.20: (Trích phiếu nhập kho xi măng PCB 30 tháng 12)

Đơn vị: Công ty TNHH Trung Hạnh

Mẫu số: 01 – VT

Địa chỉ: Thôn Ngọc Khê – xã Phù Ninh– huyện

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Thủy Nguyên – Hải Phòng

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 08 tháng 12 năm 2014

Nợ:152

Số: 115

Có:111

- Họ và tên người giao: Công ty Cổ Phần Hà Phương
- Theo HĐGTGT số 00001126 ngày 08 tháng 12 năm 2014
- Nhập tại kho: Vật liệu xây dựng

| STT | Tên nguyên vật liệu | Mã số | Đơn vị tính | Số lượng | | Đơn giá | Thành tiền |
|-----|---------------------|-------|-------------|----------|-----------|-----------|------------|
| | | | | Theo CT | Thực nhập | | |
| 01 | Xi măng PCB30 | | Tấn | 15 | 15 | 1.209.090 | 18.136.350 |
| | | | | | | | |
| | Cộng | | | 15 | 15 | | 18.136.350 |

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): mười tám triệu một trăm ba mươi sáu ngàn ba trăm năm mươi đồng.

- Số chứng từ gốc kèm theo: 01

Ngày 08 tháng 12 năm 2014

| | | | | |
|------------------------|------------------------|----------------|-----------------------|-----------------|
| Người lập phiếu | Người giao hàng | Thủ kho | Kế toán trưởng | Giám đốc |
| (ký, họ tên) | (ký, họ tên) | (ký, họ tên) | (ký, họ tên) | (ký, họ tên) |

Biểu số 2.21: Phiếu yêu cầu cấp vật tư

Công ty TNHH Trung Hạnh

Địa chỉ: xã Phù Ninh – huyện Thủy Nguyên – Hải phòng

PHIẾU YÊU CẦU CẤP VẬT TƯ

Người nhận: Lê Văn Huỳnh

Địa chỉ: Đội thi công số 3

Lý do sử dụng: Thi công công trình trạm y tế xã Lưu Kiếm.

| STT | Tên vật tư | Mã vật tư | ĐVT | Số lượng | Ghi chú |
|-----|---------------|-----------|-----|----------|---------|
| 1 | Xi măng PCB30 | | Tấn | 55 | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |

Hải phòng, ngày 20 tháng 12 năm 2014

Phê duyệt

Người yêu cầu

Biểu số 2.22: (Trích Phiếu xuất kho xi măng PCB 30 tháng 12)

Đơn vị: Công ty TNHH Trung Hạnh

Mẫu số: 02 – VT

Địa chỉ: Thôn Ngọc Khê – xã Phù Ninh
huyện Thủy Nguyên – Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 20 tháng 12 năm 2014

Số: 180

Nợ : 1541.6

Có : 152

-Họ và tên người nhận hàng : Lê Văn Huỳnh. Địa chỉ : đội trưởng công trình

-Lý do xuất kho: phục vụ xây dựng công trình trạm y tế xã Lưu Kiếm

-Xuất tại kho (ngăn lô): vật liệu xây dựng

| STT | Tên nguyên vật liệu | Mã số | Đơn vị tính | Số lượng | | Đơn giá | Thành tiền |
|-----|---------------------|-------|-------------|----------|-----------|-----------|------------|
| | | | | Yêu cầu | Thực xuất | | |
| 1 | Xi măng PCB30 | | Tấn | 55 | 55 | 1.209.442 | 66.519.310 |
| | | | | | | | |
| | Cộng | | | 55 | 55 | | 66.519.310 |

-Tổng số tiền (viết bằng chữ): sáu mươi sáu triệu năm mươi chín ngàn ba trăm mười đồng.

-Số chứng từ gốc kèm theo: 01

Ngày 20 tháng 12 năm 2014

**Người lập
phiếu**
(ký, họ tên)

**Người nhận
hàng**
(ký, họ tên)

Thủ kho
(ký, họ tên)

**Kế toán
trưởng**
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

Khóa luận tốt nghiệp

Biểu số 2.23 : (Trích sổ nhật ký chung tháng 12 năm 2014)

Đơn vị: Công ty TNHH Trung Hạnh

Địa chỉ: Thôn Ngọc Khê – xã Phù Ninh –Huyện Thủy Nguyên – Hải Phòng

Mẫu số S03a - DNN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2014

Đơn vị tính : đồng

| NT GS | Chứng từ | | Diễn giải | ĐG SC | Số hiệu TKĐƯ | Số phát sinh | |
|----------|----------------|-------|--|----------|-------------------|---------------------------|-----------------|
| | SH | NT | | | | Nợ | Có |
| 08/12 | PC137 | 08/12 | Mua xi măng PCB 30 thanh toán bằng Tiền mặt | | 152 133 111 | 18.136.350 1.813.635 | 19.949.985 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 19/12 | HĐ- 0000476 | 19/12 | Mua gạch 2 lỗ chưa thanh toán | | 152 133 331 | 400.000.000 40.000.000 | 440.000.000 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 20/12 | PX178 | 20/12 | Xuất gạch 2 lỗ cho CT trạm y tế xã Lưu Kiếm | | 1541.6 152 | 254.640.000 | 254.640.000 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 20/12 | PX180 | 20/12 | Xuất xi măng PCB30 cho CT trạm y tế xã Lưu Kiếm | | 1541.6 152 | 66.519.310 | 66.519.310 |
| 22/12 | PC157 | 22/12 | Trả tiền mua sơn cho công ty Sinh phát | | 152 133 111 | 17.475.835 1.747.583 | 19.223.418 |
| 23/12 | PT116 | 23/12 | Thu tiền khách hàng còn nợ | | 111 131 | 28.650.000 | 28.650.000 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| | | | Cộng số phát sinh | | | 683.640.120.148 | 683.640.120.148 |

Khóa luận tốt nghiệp

Biểu số 2.24: (Trích sổ cái TK 152 tháng 12 năm 2014)

Đơn vị: Công ty TNHH Trung Hạnh

Địa chỉ: Thôn Ngọc Khê – Xã Phù Ninh – Huyện Thủy Nguyên – Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên Tài khoản: Nguyên vật liệu

Số hiệu tài khoản: 152

Năm 2014

Đơn vị tính: đồng

| NTGS | Chứng từ | | Diễn giải | Số hiệu TKĐƯ | Số tiền | |
|-------|------------|-------|---------------------------------------|-----------------|----------------------|----------------|
| | SH | NT | | | Nợ | Có |
| | | | Số dư đầu tháng 12 | | <u>3.258.586.210</u> | |
| | | | | | | |
| 08/12 | PC137 | 08/12 | Mua xi măng thanh toán bằng tiền mặt | 111 | 18.136.350 | |
| | | | | | | |
| 19/12 | HĐ-0000476 | 19/12 | Nhập kho gạch 2 lỗ chưa thanh toán | 331 | 400.000.000 | |
| | | | | | | |
| 20/12 | PX178 | 20/12 | Xuất cho CT trạm y tế xã Lưu Kiếm | 1541.6 | | 254.640.000 |
| | | | | | | |
| 20/12 | PX180 | 20/12 | Xuất cho CT trạm y tế xã Lưu Kiếm | 1541.6 | | 66.519.310 |
| 27/12 | HĐ-0000684 | 27/12 | Mua thép ống hộp mạ kẽm CL chưa TT | 331 | 16.547.247 | |
| 28/12 | PC156 | 28/12 | Mua thép cây 10-22 thanh toán bằng TM | 111 | 2.952.727 | |
| 28/12 | PX192 | 28/12 | Xuất thép 10-22 cho CT UBND xã MT | 1541.4 | | 56.356.289 |
| | | | | | | |
| | | | Cộng phát sinh tháng 12 | | 11.602.181.050 | 12.415.531.594 |
| | | | Dư cuối năm | | <u>2.445.235.666</u> | |

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Biểu số 2.25: (Trích bảng tổng hợp nhập xuất tồn)

Đơn vị: Công ty TNHH Trung Hạnh

Địa chỉ: Thôn Ngọc Khê – xã Phù Ninh – huyện Thủy Nguyên – Hải Phòng

Mẫu số S11 – DN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT
VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA**

Tài khoản: 152

Tháng 12 năm 2014

| STT | Tên vật liệu | Số tiền | | | |
|-------|-----------------|----------------------|-----------------------|-----------------------|----------------------|
| | | Tồn đầu kỳ | Nhập trong kỳ | Xuất trong kỳ | Tồn cuối kỳ |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 |
| 1 | Gạch 2 lỗ | 1.050.000 | 447.500.000 | 437.873.106 | 10.676.894 |
| 2 | Gạch 6 lỗ | 1.065.890 | 887.980.367 | 876.256.390 | 21.789.867 |
| | | | | | |
| 13 | Xi măng PCB30 | 6.001.725 | 180.185.325 | 179.012.242 | 7.174.808 |
| | | | | | |
| 16 | Thép cuộn D6-D8 | 262.800 | 4.633.500 | 4.520.410 | 375.890 |
| | | | | | |
| | Cộng | 3.258.586.210 | 11.602.181.050 | 12.415.531.594 | 2.445.235.666 |

Ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Người lập
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH TRUNG HẠNH

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Trung Hạnh.

Công ty TNHH Trung Hạnh là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng với sản phẩm chủ yếu là các công trình sản xuất dân dụng có quy mô lớn, kết cấu phức tạp, thời gian sử dụng lâu dài và mang tính cố định. Do đó, công tác quản lý giám sát thi công là điều hết sức quan trọng, đặc biệt là công tác kế toán nguyên vật liệu vì nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong chi phí sản xuất, có ảnh hưởng lớn đến chất lượng công trình cũng như mỹ quan của sản phẩm. Công tác kế toán nói chung và công tác kế toán nguyên vật liệu nói riêng của doanh nghiệp đang ngày càng được củng cố và hoàn thiện hơn, đáp ứng yêu cầu về lĩnh vực xây dựng trong nền kinh tế hiện nay.

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức phù hợp với trình độ và khả năng chuyên môn của từng người. Nói chung, công tác kế toán nguyên vật liệu cơ bản đã đảm bảo tuân thủ chế độ kế toán mới ban hành với hệ thống sổ sách kế toán tương đối đầy đủ, chi tiết và rõ ràng.

Sau thời gian thực tập tại Công ty TNHH Trung Hạnh, được tìm hiểu công tác hạch toán kế toán ở công ty và đi sâu vào nghiên cứu công tác hạch toán kế toán nguyên vật liệu em thấy công ty đã phát triển được nhiều mặt lợi thế và thể hiện được những ưu điểm và hạn chế sau:

3.1.1. Ưu điểm.

❖ Về tổ chức bộ máy kế toán:

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung: Toàn bộ công tác kế toán tập trung tại phòng kế toán. Chứng từ sau khi được các phòng thu thập, kiểm tra và gửi về phòng kế toán kiểm tra lại tính chính xác hợp lý, hợp lệ của chứng từ rồi tổng hợp ghi vào sổ kế toán. Mô hình này phù hợp với quy mô của Công ty TNHH Trung Hạnh, nó đảm bảo quản lý tập trung và thống nhất công tác kế toán, dễ phân công, kiểm tra, đối chiếu, cung cấp thông tin kịp thời, chính xác.

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức tương đối gọn nhẹ, hoạt động có hiệu quả. Các cán bộ kế toán được phân công, phân nhiệm vụ rõ ràng nên sự

chuyên môn hóa rất cao, đảm bảo các phần hành tiến hành nhanh nhẹn, độ chính xác cao và đảm bảo khả năng cung cấp thông tin trung thực, hợp lý, kịp thời.

❖ *Về công tác thu mua, bảo quản và sử dụng nguyên vật liệu:*

Vấn đề quản lý chặt chẽ các yếu tố đầu vào là yếu tố sống còn đối với mỗi doanh nghiệp, đặc biệt là sự tồn tại của công ty trong việc cạnh tranh gay gắt với các doanh nghiệp khác trong nền kinh tế thị trường hiện nay. Do vậy việc quản trị doanh nghiệp nói chung và công tác kế toán trong doanh nghiệp nói riêng, đặc biệt là công tác kế toán nguyên vật liệu luôn được các nhà quản lý quan tâm. Nguyên vật liệu được quản lý chặt chẽ từ khâu thu mua, vận chuyển và xuất nguyên vật liệu cho các đội xây dựng.

+ Đối với công tác thu mua: Công ty có bộ phận kiểm định chất lượng, am hiểu về chất lượng và thị trường nên việc thu mua nguyên vật liệu tương đối ổn định. Đồng thời, công ty thường xuyên ký hợp đồng với các nhà cung cấp có mặt hàng tốt, chất lượng cao, giá cả phù hợp, luôn đảm bảo đúng, đủ về mặt số lượng cũng như quy cách chất lượng của nguyên vật liệu, giao hàng đúng hẹn, kịp thời để công ty kịp tiến độ thi công các công trình.

+ Đối với công tác dự trữ và bảo quản: Hệ thống kho được tổ chức một cách hợp lý, phù hợp với tính chất lý, hóa học của từng loại vật liệu. Với đội ngũ cán bộ quản lý kho có tính thần trách nhiệm cũng như trình độ chuyên môn cao nên việc thực hiện quản lý nguyên vật liệu ở công ty được thực hiện khá nề nếp, đảm bảo vật tư được quản lý chặt chẽ, tránh được tình trạng thất thoát vật tư, gây thiệt hại cho công ty.

+ Đối với công tác sử dụng: Mọi nhu cầu sử dụng vật liệu đều đưa qua phòng kế hoạch xem xét tính hợp lệ của các nhu cầu đó nhằm tiết kiệm và quản lý tốt vật liệu.

❖ *Về tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán:*

Hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán tại công ty đang áp dụng đúng theo chế độ kế toán hiện hành. Hệ thống chứng từ được lập, kiểm tra, luân chuyển phù hợp với các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Đồng thời phản ánh đầy đủ kịp thời, chính xác tình hình biến động tài sản và nguồn vốn của công ty. Hình thức kế toán công ty áp dụng là hình thức Nhật ký chung. Đây là hình thức đơn giản phù hợp với quy mô của doanh nghiệp giúp hệ thống hóa thông tin chính xác, khoa học. Hệ thống sổ sách báo cáo của công ty cũng khá linh hoạt và đầy đủ phù hợp với chế độ quy định của nhà nước.

❖ *Về công tác hạch toán nguyên vật liệu:*

Kế toán vật tư phản ánh đầy đủ, kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến nguyên vật liệu, phù hợp với đặc trưng của ngành xây dựng và đúng theo chế độ kế toán hiện hành. Việc hạch toán nguyên vật liệu từ hạch toán chi tiết đến hạch toán tổng hợp đều được tiến hành rất đều đặn, đúng kỳ. Mặt khác do công ty tổng hợp vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên nên phản ánh tình hình nhập, xuất, tồn nguyên vật liệu liên tục. Phương pháp này phù hợp với tình hình biến động vật tư tại công ty và đảm bảo cung cấp thông tin chính xác về nguyên vật liệu tại bất kỳ thời điểm nào. Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu công ty đã áp dụng phương pháp thẻ song song. Phương pháp này đơn giản, dễ làm, dễ kiểm tra số liệu và cung cấp số liệu kịp thời cho kế toán tổng hợp ngay cả khi có sự biến động của công ty diễn ra thường xuyên liên tục. Đây là phương pháp phù hợp với điều kiện thực tế của công ty.

3.1.2. Hạn chế.

Bên cạnh những ưu điểm ở trên công tác kế toán nói chung và công tác kế toán nguyên vật liệu nói riêng của công ty còn bộc lộ những mặt hạn chế cần khắc phục như sau:

❖ *Về việc chưa lập sổ danh điểm vật tư:*

Công ty chưa có hệ thống mã hóa khoa học cho từng loại nguyên vật liệu do vậy sẽ gây khó khăn cho công tác quản lý nguyên vật liệu. Các loại nguyên vật liệu mới chỉ được mã hóa bằng chữ cái theo ký hiệu viết tắt của chúng vì vậy thiếu thống nhất rất khó để mọi người nhận biết đâu là nguyên vật liệu chính và đâu là nguyên vật liệu phụ, phụ từng thay thế.... Do vậy, công tác quản lý nguyên vật liệu chưa đạt được hiệu quả tối ưu, khối lượng công việc nhiều. Các nguyên vật liệu chưa được phân định rõ ràng. Đây là vấn đề ban lãnh đạo công ty cần quan tâm, xem xét để có một hệ thống nguyên vật liệu được mã hóa khoa học hợp lý hơn tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý, bảo quản, sử dụng và thuận tiện trong việc ứng dụng phần mềm kế toán.

❖ *Về việc ứng dụng phần mềm kế toán:*

Khối lượng công việc kế toán tại công ty khá lớn nhưng công tác kế toán vẫn được thực hiện thủ công. Mặc dù phòng kế toán đã được trang bị máy tính nhưng mới chỉ áp dụng Microsoft Office (Word, Excel...) nên việc tính toán tương đối nhiều, dễ dẫn đến sai sót. Vậy nên, công ty nên xem xét tới việc mua phần mềm kế toán phù hợp với tình hình công ty.

❖ *Về việc kiểm nghiệm chất lượng nguyên vật liệu nhập kho*

Để phục vụ nhu cầu sản xuất thì số lượng nguyên vật liệu nhập kho tại công ty là rất lớn, tuy nhiên công ty mới chỉ kiểm tra về mặt số lượng, còn về chất lượng nguyên vật liệu nhập kho chưa được đặc biệt chú trọng.

❖ *Về việc luân chuyển chứng từ:*

Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ từ khi luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban, bộ phận. Mỗi khi luân chuyển chứng từ thì các bên giao nhận chứng từ đều phải ký vào phiếu giao nhận. Nếu xảy ra mất mát chứng từ cũng dễ quy trách nhiệm cho đúng người, đúng bộ phận để có biện pháp xử lý.

Việc làm này giúp quản lý chứng từ chặt chẽ hơn và theo dõi được số lượng chứng từ trong một khoảng thời gian nhất định. Hơn nữa, cũng nâng cao tinh thần trách nhiệm cho cán bộ nhân viên đối với việc quản lý chứng từ nói riêng và công việc nói chung.

❖ *Về việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:*

Công ty chưa tiến hành trích dự phòng giảm giá hàng tồn kho nên khi có những biến động về giá cả nguyên vật liệu thì công ty không có nguồn tài chính để bù đắp những tổn thất có thể xảy ra trong năm kế hoạch. Điều này có thể dẫn đến tình trạng không bảo tồn vốn kinh doanh của công ty, gây bất ổn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh.

3.2. Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Trung Hạnh.

Trải qua quá trình phát triển và đổi mới sâu sắc theo cơ chế thị trường hơn thập kỷ qua, kế toán Việt Nam đã không ngừng được hoàn thiện và phát triển, góp phần tích cực vào việc tăng cường và nâng cao hiệu quả quản lý kinh tế tài chính. Trong đó hạch toán kế toán góp phần tích cực vào việc nâng cao chất lượng quản lý tài chính quốc gia và quản trị doanh nghiệp.

Việc hoàn thiện tổ chức hạch toán kế toán nguyên vật liệu sẽ giúp cho doanh nghiệp tiết kiệm được chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao lợi nhuận. Cũng như nhiều doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng với đặc điểm chi phí nguyên vật liệu chiếm một tỉ trọng lớn trong tổng chi phí để xây dựng công trình cũng như giá thành sản phẩm. Vì vậy mà việc nghiên cứu, đưa ra các biện pháp để hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu là vô cùng cần thiết và việc hoàn thiện này phải tuân theo những yêu cầu sau:

✓ Hoàn thiện công tác kế toán trước hết phải phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hệ thống kế toán ban hành bắt buộc các doanh

ng nghiệp phải áp dụng, nhưng được quyền vận dụng trong một phạm vi nhất định phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp để mang lại hiệu quả cao nhất.

✓ Các biện pháp hoàn thiện phải được xây dựng trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, tôn trọng chế độ kế toán hiện hành. Tổ chức công tác kế toán ở các đơn vị kinh tế được phép vận dụng và cải tiến cho phù hợp với tình hình quản lý tại đơn vị mình, không bắt buộc phải dập khuôn theo chế độ, nhưng trong khuôn khổ nhất định vẫn phải tôn trọng chế độ hiện hành về quản lý tài chính của nhà nước.

✓ Kế toán là khoa học thu nhận, xử lý thông tin phục vụ cho yêu cầu quản lý của các nhà quản trị doanh nghiệp. Do vậy các thông tin kế toán đưa ra phải chính xác kịp thời phù hợp với yêu cầu, giúp cho các nhà quản trị đưa ra các quyết định đúng đắn, đạt kết quả tối ưu, đây là yêu cầu không thể thiếu trong công tác kế toán.

✓ Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán phải đảm bảo hài hòa mối quan hệ giữa chi phí và lợi nhuận đạt được mục tiêu tối thiểu hóa chi phí, tối đa hóa lợi nhuận.

3.2.1. Hoàn thiện về việc lập sổ danh điểm vật tư.

Công ty TNHH Trung Hạnh là một công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng nên khối lượng nguyên vật liệu sử dụng là rất lớn và đa dạng về chủng loại, kích cỡ. Hiện nay nguyên vật liệu của công ty được phân loại theo chức năng, vai trò chúng đảm nhiệm trong quá trình sản xuất. Việc phân loại như vậy thì đơn giản nhưng chưa khoa học, chưa thể hiện được rõ đặc điểm công dụng của từng loại nguyên vật liệu. Với đặc điểm sản xuất và nguyên vật liệu như hiện tại, theo em công ty nên xây dựng một hệ thống danh điểm vật tư thống nhất toàn công ty và sử dụng “Sổ danh điểm vật tư”

Sổ danh điểm vật tư là sổ danh mục tập hợp toàn bộ các loại nguyên vật liệu đã và đang sử dụng, được theo dõi từng nhóm, từng loại, quy cách vật liệu một cách chặt chẽ, logic, hợp lý. Hệ thống các danh điểm vật tư có thể được xác định theo nhiều cách thức khác nhau nhưng phải đảm bảo đơn giản, dễ nhớ, không trùng lặp. Mỗi loại, mỗi nhóm vật liệu được quy định một mã riêng sắp xếp một cách trật tự, thuận tiện cho việc tìm kiếm khi cần thiết.

Xây dựng sổ danh điểm vật tư giúp cho việc quản lý từng loại vật tư sẽ tránh được nhầm lẫn, thiếu sót và cũng giúp cho việc thống nhất giữa thủ kho và kế toán trong việc lập bảng kê, báo cáo nhập xuất tồn. Khi có sổ danh điểm việc ghi chép của kế toán sẽ thuận tiện hơn và tránh được nhầm lẫn. Việc quản lý

nguyên vật liệu trong công ty nói chung sẽ được chặt chẽ, thống nhất và khoa học hơn.

Để đảm bảo phản ánh đúng chức năng cũng như công dụng của từng loại nguyên vật liệu công ty nên và sử dụng các tiểu khoản như sau trong quá trình hạch toán nguyên vật liệu:

- TK 1521: “Nguyên vật liệu chính”
- TK 1522: “Nguyên vật liệu phụ”
- TK 1523: “Nhiên liệu”
- TK 1524: “Phụ tùng thay thế”
- TK 1525: “Phế liệu thu hồi”

Việc mở thêm các tiểu khoản sẽ giúp cho việc quản lý theo dõi các loại nguyên vật liệu một cách khoa học và thuận tiện hơn, tránh gây tình trạng nhầm lẫn, sai sót, đồng thời phản ánh đúng theo quy định của nhà nước.

Ngoài ra sau khi đã hạch toán nguyên vật liệu theo tiểu khoản giá trị nguyên vật liệu xuất kho theo sản xuất cũng như chi phí nguyên vật liệu trực tiếp sẽ được chi tiết theo từng nhóm nguyên vật liệu. Như vậy quá trình xác định và hạch toán chi phí nguyên vật liệu khi tính giá thành sản phẩm sẽ được cụ thể hóa theo từng nguyên vật liệu với chức năng, vai trò riêng, từ đó tạo điều kiện thuận lợi trong kiểm soát chi phí nguyên vật liệu, giảm chi phí nguyên vật liệu hay có thể so sánh chi tiết từng loại nguyên vật liệu trong giá thành sản phẩm giữa các kỳ.

Để lập sổ danh điểm vật tư điều quan trọng nhất là phải xây dựng được bộ mã vật liệu chính xác, đầy đủ, không trùng lặp, có dự trữ để bổ sung những mã vật liệu chưa có. Công ty có thể xây dựng bộ mã dựa vào các đặc điểm sau:

- + Dựa vào nhóm vật liệu;
- + Dựa vào loại vật liệu trong mỗi nhóm;
- + Dựa vào số thứ vật liệu có trong mỗi nhóm, loại;
- + Dựa vào quy cách vật liệu trong mỗi thứ.

Trong mỗi nhóm nguyên vật liệu sẽ sử dụng chữ cái để chi tiết cho từng loại nguyên vật liệu giúp cho việc theo dõi dễ dàng hơn. Trên cơ sở đó, việc quản lý nguyên vật liệu sẽ được tiến hành một cách khoa học và chặt chẽ.

Ví dụ:

TK 1521: Nhóm nguyên vật liệu chính

TK 1521-A: Cát

TK 1521-A1: Cát đen

TK 1521-A2: Cát vàng

TK 1521-A3: Cát Hà Bắc

.....

TK 1522: Nhóm nguyên vật liệu phụ

TK 1522-A: Cọc tre cây trống

TK 1522-A1: Cọc tre 5m

TK 1522-A2: Cọc tre 4m

.....

TK 1523: Nhóm nhiên liệu

TK 1523-A: Dầu

TK 1523-B: Xăng

.....

TK 1524: Nhóm phụ tùng thay thế

TK 1525: Nhóm phế liệu thu hồi

Theo em, để tiện theo dõi và quản lý nguyên vật liệu công ty nên lập sổ danh điểm vật tư như sau :

Biểu số 3.1: Sổ danh điểm vật tư

| Ký hiệu | | Danh điểm vật tư | Tên, nhãn hiệu quy cách vật tư | Đơn vị tính | Ghi chú |
|-------------|---------------|------------------------|-----------------------------------|----------------|---------|
| Nhóm | Loại | | | | |
| 1521 | | | Nguyên vật liệu chính | | |
| | 1521-A | | Cát | m ³ | |
| | | 1521-A1 | Cát đen | m ³ | |
| | | 1521-A2 | Cát vàng | m ³ | |
| | | 1521-A3 | Cát Hà Bắc | m ³ | |
| | 1521-B | | Xi măng | | |
| | | 1521-B1 | Xi măng Chifont | tấn | |
| | | 1521-B2 | Xi măng PCB30 | tấn | |
| | | 1521-B3 | Xi măng trắng | kg | |
| | | | | | |
| | 1521-C | | Thép | kg | |
| | | 1521-C1 | Thép Φ6 | kg | |
| | | 1521-C2 | Thép Φ10 | kg | |
| | | 1521-C3 | Thép Φ12 | kg | |
| | | 1521-C3 | Thép Φ14 | kg | |
| | | 1521-C4 | Thép Φ16 | kg | |
| | | | | | |
| 1522 | | | Nguyên vật liệu phụ | | |
| | 1522-A | | Cọc tre cây trồng | cọc | |
| | | 1522-A1 | Cọc tre 5m | cọc | |
| | | | | | |
| 1523 | | | Nhiên liệu | | |
| ... | ... | | | | |
| 1524 | | | Phụ tùng thay thế | | |
| ... | | | | | |
| 1525 | | | Phế liệu thu hồi | | |

3.2.2. Hoàn thiện việc hiện đại hóa công tác kế toán.

Việc áp dụng công nghệ thông tin vào hạch toán kế toán là hoàn toàn cần thiết. Hiện nay, công nghệ tin học phát triển không ngừng tạo ra những ưu việt trong công tác quản lý kế toán. Nhiều doanh nghiệp hiện nay cũng đã mạnh dạn đầu tư nhằm tin học hóa công tác quản lý, kế toán, cho phép nâng cao hiệu quả quản lý đồng thời tiết kiệm được chi phí sản xuất kinh doanh, qua đó tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp.

Áp dụng phần mềm kế toán sẽ giảm thiểu khối lượng công việc, tránh tình trạng thất thoát mang tính khách quan, tiết kiệm chi phí, đảm bảo tổ chức công tác kế toán gọn nhẹ và hiệu quả cao trong công tác kế toán. Hơn nữa, việc áp dụng phần mềm kế toán để tạo ra sự đồng bộ về hệ thống sổ sách, tài khoản sử dụng, giảm thiểu được những sai sót tính toán, tiết kiệm thời gian ghi chép và các tính năng của phần mềm được phát huy hết tác dụng.

Một số phần mềm kế toán thông dụng hiện nay:

❖ PHẦN MỀM KẾ TOÁN MISA



- Giá: 8.950.000 VND
- Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2015 gồm 13 phân hệ, được thiết kế dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, với mục đích giúp doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán mà vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán, quản lý mọi

ng nghiệp vụ kinh tế phát sinh của mình. Với MISA SME.NET 2015 doanh nghiệp có thể kiểm soát được số liệu trực tuyến tại bất cứ đâu, bất cứ khi nào thông qua Internet. Đặc biệt, MISA SME.NET 2015 hỗ trợ doanh nghiệp tạo mẫu, phát hành, in, quản lý, và sử dụng hóa đơn theo Nghị định 51/2010/NĐ-CP.

➤ *Ưu điểm:*

- Giao diện thân thiện dễ sử dụng, cho phép cập nhật dữ liệu linh hoạt (nhiều hóa đơn cùng 01 Phiếu chi). Bám sát chế độ kế toán, các mẫu biểu chứng từ, sổ sách kế toán luôn tuân thủ chế độ kế toán. Hệ thống báo cáo đa dạng đáp ứng nhiều nhu cầu quản lý của đơn vị.
- Đặc biệt, phần mềm cho phép tạo nhiều cơ sở dữ liệu, nghĩa là mỗi đơn vị được thao tác trên một cơ sở dữ liệu độc lập.
- Điểm đặc biệt nữa ở Misa mà chưa có phần mềm nào có được là thao tác lưu và ghi sổ dữ liệu.
- Tính chính xác: số liệu tính toán trong Misa rất chính xác, ít xảy ra các sai sót bất thường. Điều này giúp kế toán yên tâm hơn.
- Tính bảo mật: vì Misa chạy trên công nghệ SQL nên khả năng bảo mật rất cao. Cho đến hiện nay thì các phần mềm chạy trên CSDL SQL; .NET;... hầu như giữ nguyên bản quyền (trong khi một số phần mềm viết trên CSDL Viisual fox bị đánh cắp bản quyền rất dễ).
- Cập nhật các chính sách mới ban hành của nhà nước
- Tăng tốc độ xử lý dữ liệu nhanh gấp 3 lần so với các phiên bản trước

➤ *Nhược điểm:*

- Vì có SQL nên Misa đòi hỏi cấu hình máy tính tương đối cao, nếu máy yếu thì chương trình chạy rất chậm chạp.
- Phân hệ tính giá thành chưa được nhà sản xuất chú ý phát triển.
- Các báo cáo khi kết xuất ra Excell sắp xếp không theo thứ tự, điều này rất tốn công cho người dùng khi chỉnh sửa lại báo cáo.

❖ **PHẦN MỀM KẾ TOÁN METADATA ACCOUNTING**



- Giá: 8.000.000 VNĐ
- Phần mềm kế toán MetaData Accounting được phát triển trên công nghệ tiên tiến, xử lý dữ liệu liên hoàn và khép kín, vì vậy số liệu nhập vào phần mềm luôn trong trạng thái nhất quán, mà vẫn đảm bảo tốc độ cập nhật chứng từ và đưa ra báo cáo nhanh nhất. Với nhiều tiện ích độc đáo, phần mềm MetaData đem lại hiệu quả cao nhất trong quá trình quản lý kế toán và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Ứng dụng được thiết kế một cách khoa học, giúp người dùng làm việc thuận tiện nhất. Sản phẩm phù hợp cho hầu hết các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực Thương mại, Dịch vụ, Sản xuất, Xây dựng,....
- MetaData Accounting không những đáp ứng được yêu cầu cơ bản về quản lý tài chính kế toán của doanh nghiệp mà nó còn cung cấp cho nhà quản trị các giải pháp quản lý toàn diện. Nghiệp vụ kinh tế phát sinh được cập nhật một lần tại các bộ phận kế toán khác nhau như bộ phận quản lý kho, bộ phận bán hàng, bộ phận kế toán,... và được MetaData Accounting xử lý một cách xuyên suốt, tổng hợp số liệu thành các báo cáo đầu ra.
- Chương trình được phát triển trên công nghệ tiên tiến mang tính chuyên nghiệp cao, sử dụng hệ cơ sở dữ liệu Client/Server InterBase/FireBird có thể chạy trên một máy tính độc lập hay trên mạng nội bộ Lan và Internet, cùng với khả năng lưu trữ và xử lý dữ liệu lớn (hàng triệu phát sinh...) đáp ứng nhiều người sử dụng một lúc. Phù hợp với hầu hết các doanh nghiệp có quy mô lớn nhỏ khác nhau, xa cách về mặt địa lý.
- + Thỏa mãn tiêu chuẩn phần mềm kế toán theo thông tư số 103/2005/TT-BTC của Bộ tài chính hướng dẫn tiêu chuẩn và điều lệ của phần mềm kế toán.
- + Sử dụng font Unicode, tuân thủ quy định của Chính phủ theo tiêu chuẩn TCVN 6909:2001.

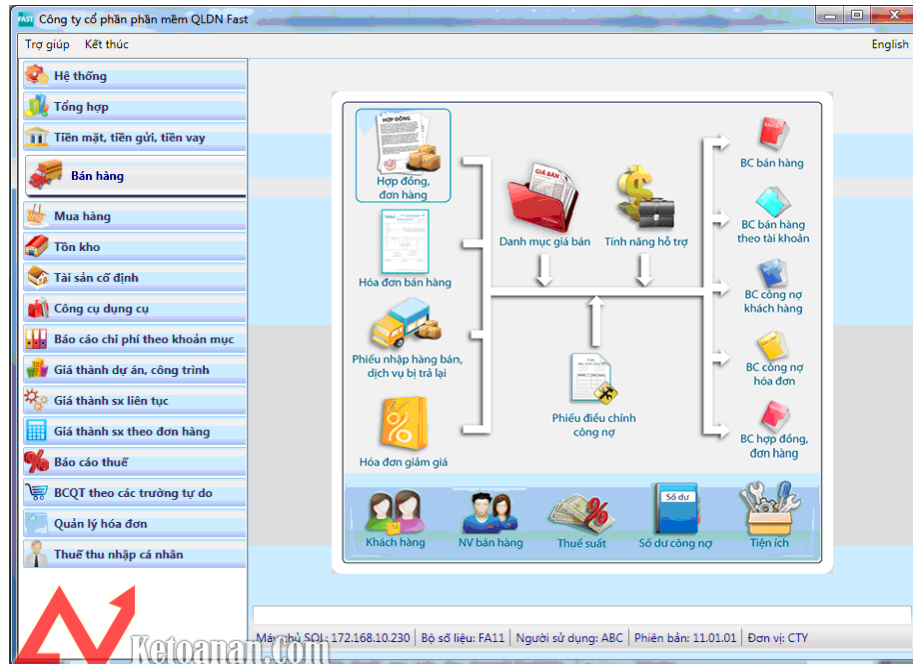
+ Luôn cập nhật kịp thời các thay đổi mới nhất về chế độ kế toán và báo cáo thuế:

- ✓ Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng bộ tài chính.
- ✓ Quyết định 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng bộ tài chính.

+ Hỗ trợ hình thức kế toán: Nhật ký chung, Nhật ký sổ cái, Nhật ký – chứng từ, Chứng từ ghi sổ.

+ Chạy trên các hệ điều hành windows XP, windows 7, windows 8,...

❖ PHẦN MỀM KẾ TOÁN FAST ACCOUNTING



- Giá: 12.000.000 VNĐ
- Fast Accounting là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ
- Fast Accounting được phát triển và liên tục hoàn thiện từ năm 1997, hiện có hơn 8.500 khách hàng và đạt nhiều giải thưởng khác nhau như BIT CUP, sản phẩm được nhiều đơn vị sử dụng, CUP CNTT.

➤ Phần mềm kế toán Fast Accounting ó 16 phân hệ:

- Hệ thống;
- Kế toán tổng hợp;
- Kế toán tiền mặt, tiền gửi, tiền vay;
- Kế toán bán hàng và công nợ phải thu;
- Kế toán mua hàng và công nợ phải trả;
- Kế toán hàng tồn kho;
- Kế toán TSCĐ;

- *Kế toán CCLĐ;*
- *Báo cáo chi phí theo khoản mục;*
- *Kế toán giá thành theo dự án, công trình xây lắp;*
- *Kế toán giá thành sản phẩm sản xuất liên tục;*
- *Kế toán giá thành sản phẩm sản xuất theo đơn hàng;*
- *Báo cáo thuế;*
- *Báo cáo quản trị các trường do người dùng tự định nghĩa;*
- *Quản lý theo hóa đơn;*
- *Thuế thu nhập cá nhân.*

▪ Fast Accounting 11 được phát triển trên công nghệ của Microsoft, ngôn ngữ lập trình là C#.Net, cơ sở dữ liệu là SQL Server, có thể chạy trên máy đơn lẻ, mạng nội bộ hoặc làm việc từ xa qua Internet. Đặc biệt Fast Accounting 11 có thể chạy đồng thời dưới dạng ứng dụng Windows hoặc ứng dụng Chrome...

❖ **Các phần mềm: BRAVO, COMAC, SUNLIGHT,...**

➤ **Ưu điểm:**

- Các phần mềm này giống nhau về quy trình xử lý số liệu, CSDL (Visual fox), chỉ khác nhau về giao diện.
- Giao diện đẹp, dễ sử dụng, dễ cài đặt vận hành.
- Các phần mềm này có phân hệ tính giá thành tuyệt vời so với Misa

➤ **Nhược điểm:**

- Mẫu biểu chứng từ, sổ sách kế toán chưa cập nhật sát chế độ kế toán (Sổ cái các hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ chưa đúng).
- Tính bảo mật không cao, thường xảy ra lỗi (giống như phần mềm Fast Accounting).

Theo em, công ty nên cân nhắc sử dụng phần mềm kế toán Misa. Bởi vì, Misa không chỉ là phần mềm kế toán phổ biến nhất hiện nay mà nó còn có khá nhiều phiên bản. Đối với doanh nghiệp thì MISA SME.NET 2015 là sản phẩm khá phù hợp. Sản phẩm này được phát triển trên nền tảng .NET hiện đại nhất Microsoft, tích hợp hàng loạt những tính năng ưu việt nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu quản lý tài chính, kế toán cả các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Phần mềm kế toán MISA không những cập nhật kịp các chế độ, quy định mới của Bộ tài chính mà còn giải quyết được các yêu cầu thực tế phát sinh của doanh nghiệp như: đáp ứng hệ thống báo cáo quản trị, thường xuyên cập nhật các

tính năng mới.. Điểm đặc biệt, MISA biết lắng nghe những phản ánh thực tế của các đơn vị sử dụng phần mềm, ghi nhận và điều chỉnh kịp thời trong phần mềm.

Misa là doanh nghiệp công nghệ thông tin uy tín và cũng là một trong 4 đơn vị đầu tiên được Tổng cục thuế tin cậy, thẩm định phần mềm kế toán MISA SME.NET 2015, đủ điều kiện đáp ứng Nghị định 51/2010/NĐ-CP.

Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2015 thiết kế cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, với mục tiêu giúp doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán mà vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán, quản lý mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh với mình. Với MISA SME.NET 2015, doanh nghiệp có thể kiểm soát được số liệu trực tuyến tại bất cứ đâu, bất cứ khi nào thông qua Internet.

3.2.3. Hoàn thiện công tác luân chuyển chứng từ.

Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ giữa các phòng ban, bộ phận. Mỗi khi luân chuyển chứng từ thì bên giao và nhận chứng từ đều phải ký vào sổ. Nếu xảy ra mất mát chứng từ cũng dễ quy trách nhiệm cho đúng người đúng bộ phận. Việc này giúp quản lý chặt chẽ các chứng từ của công ty hơn nữa cũng nâng cao tinh thần trách nhiệm cho cán bộ đối với việc quản lý chứng từ nói riêng và công việc nói chung.

Biểu số 3.2: Sổ giao nhận chứng từ

SỔ GIAO NHẬN CHỨNG TỪ

Năm.....

| STT | Chứng từ | | Nội dung trên chứng từ | Số tiền trên chứng từ | Ký tên | |
|-----|----------|-------------|------------------------|-----------------------|------------|------------|
| | Số hiệu | Ngày, tháng | | | Người giao | Người nhận |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |

3.2.3 Hoàn thiện việc kiểm nghiệm chất lượng nguyên vật liệu nhập kho

Trong môi trường phát triển kinh tế hội nhập hiện nay, cạnh tranh trở thành một yếu tố mang tính chất quốc tế đóng vai trò quyết định đến sự tồn tại và phát triển của mỗi doanh nghiệp. Đối với một doanh nghiệp xây lắp thì chất lượng nguyên vật liệu trở thành một trong những chiến lược quan trọng nhất làm tăng năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Quan tâm tới chất lượng, quản lý chất

lượng nguyên vật liệu chính là một trong những phương thức tiếp cận và tìm cách đạt được những thắng lợi trong sự cạnh tranh gay gắt trên thương trường nhằm duy trì sự tồn tại và phát triển của công ty. Để phục vụ nhu cầu sản xuất thì số lượng nguyên vật liệu nhập kho tại công ty là rất lớn, tuy nhiên công ty mới chỉ kiểm tra về mặt số lượng, còn về chất lượng nguyên vật liệu nhập kho chưa được đặc biệt chú trọng.

Vì vậy công ty nên lập một hội đồng kiểm nghiệm và sử dụng biên bản kiểm nghiệm vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa để kiểm tra số lượng, quy cách chất lượng nguyên vật liệu nhập kho cũng như quản lý chất lượng trong quá trình bảo quản và sử dụng, từ đó làm căn cứ để quy trách nhiệm trong thanh toán và bảo quản.

Biểu số 3.3:

Đơn vị: Công ty TNHH Trung Hạnh

Địa chỉ: Thôn Ngọc Khê – Xã Phù Ninh

– Huyện Thủy Nguyên – Hải Phòng

Mẫu số: 03-VT

(Ban hành theo QĐ số 48/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM

Vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa

Số:

-Căn cứ:số:ngày.....tháng.....năm.....của.....

-Ban kiểm nghiệm gồm:

+ Ông/Bà chức vụ: Đại diện:..... Trưởng ban

+ Ông/Bà chức vụ: Đại diện:Ủy viên

+ Ông/Bà chức vụ: Đại diện:Ủy viên

Đã kiểm nghiệm các loại:

| S T T | Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư(sản phẩm, hàng hóa) | Mã số | Phương thức kiểm nghiệm | Đơn vị tính | Số lượng theo chứng từ | Kết quả kiểm nghiệm | | Ghi chú |
|-------------|--|----------|-------------------------------|-------------------|------------------------------|--|--|------------|
| | | | | | | Số lượng đúng quy cách, phẩm chất | Số lượng không đúng quy cách, phẩm chất | |
| A | B | C | D | E | 1 | 2 | 3 | F |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |

Ý kiến của ban kiểm nghiệm:

.....

.....

Đại diện kĩ thuật

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Trưởng ban

(Ký, họ tên)

3.2.5. Hoàn thiện về việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Để tránh được những tổn thất có thể xảy ra trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời phản ánh đúng giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho của công ty khi lập báo cáo tài chính vào cuối kỳ kế toán thì công ty nên tiến hành trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là dự phòng phần giá trị dự kiến bị tổn thất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh do giảm giá hàng tồn kho có thể xảy ra trong năm kế hoạch. Đây sẽ là nguồn tài

chính bù đắp cho những tổn thất có thể xảy ra khi sự thay đổi giá của nguyên vật liệu có sự biến động theo chiều hướng không có lợi cho công ty và đảm bảo việc cung cấp nguyên vật liệu kịp thời cho hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra thường xuyên liên tục.

Các khoản dự phòng có vai trò quan trọng đối với doanh nghiệp và nó được thể hiện ở một số mặt khác nhau như: nhờ có khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho để kế toán của doanh nghiệp phản ánh chính xác hơn giá trị thực của tài sản. Dự phòng giảm giá được ghi nhận như một khoản chi phí làm giảm lợi nhuận phát sinh để tính toán chính xác hơn ra số lợi nhuận thực tế.

Doanh nghiệp có thể lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho nếu tại thời điểm lập báo cáo tài chính những hàng hóa đó có giá trị bán trên thị trường thấp hơn giá trị trên sổ kế toán, hàng hóa thuộc quyền sở hữu của Doanh nghiệp.

Trên cơ sở tình hình giảm giá, số lượng tồn kho thực tế của từng mặt hàng, kế toán xác định mức dự phòng theo công thức:

$$\text{Mức dự phòng giảm giá hàng tồn kho} = \frac{\text{Số lượng hàng tồn kho bị giảm giá tại thời điểm lập BCTC}}{\text{Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho}} \times \text{Chênh lệch giảm giá hàng tồn kho}$$

$$\text{Chênh lệch giảm giá hàng tồn kho} = \text{Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho} - \text{Giá thị trường của hàng tồn kho tại thời điểm lập BCTC}$$

Thời điểm lập dự phòng giảm giá được tiến hành vào cuối niên độ kế toán, trước khi lập báo cáo tài chính và phải thực hiện theo đúng các quy định của cơ chế quản lý tài chính hiện hành.

Phải lập dự phòng cho những vật tư, hàng hóa tồn kho nếu xét thấy có những bằng chứng đáng tin cậy có thể xảy ra trong tương lai.

Kế toán xác định số dự phòng giảm giá cần lập cho niên độ kế toán với điều kiện không được lớn hơn số lợi nhuận thực tế của công ty.

Việc lập dự phòng giảm giá tiến hành riêng cho từng chủng loại vật tư, hàng hóa bị giảm giá và tổng hợp vào bảng kê chi tiết khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho của doanh nghiệp.

Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho sử dụng tài khoản 159 “Các khoản dự phòng” để phản ánh việc lập dự phòng và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự giảm giá của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho

❖ Nội dung và kết cấu tài khoản 159

Bên Nợ:

+ Hoàn nhập số dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn kỳ này phải lập nhỏ hơn số đã lập kỳ trước.

+ Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, xóa các khoản nợ phải thu khó đòi

+ giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hoàn nhập ghi giảm giá vốn hàng bán trong kỳ.

Bên Có:

+ Trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (Số cần trích lập lần đầu và số chênh lệch giữa số dự phòng kỳ này phải lập lớn hơn số đã lập cuối kỳ trước).

+ Số dự phòng phải thu khó đòi được lập tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

+ Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ

Số dư bên Có:

+ Số dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn hiện có đầu hoặc cuối kỳ.

+ Số dự phòng các khoản phải thu khó đòi hiện có đầu hoặc cuối kỳ

+ Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho hiện có đầu hoặc cuối kỳ.

Tài khoản 159 “ Các khoản dự phòng” có 3 tài khoản cấp 3 sau:

TK 1591 “Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn”

TK 1592 “Dự phòng các khoản phải thu khó đòi”

TK 1593 “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho”.

❖ Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu:

➤ Cuối kỳ kế toán năm (hoặc quý), khi lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lần đầu tiên ghi:

Nợ TK632: Giá vốn hàng bán

Có TK 1593: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

➤ Cuối kỳ kế toán năm (hoặc quý) tiếp theo:

- Nếu khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay lớn hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch lớn hơn ghi:

Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán

Có TK 1593: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

- Nếu khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay nhỏ hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán trước đã sử dụng hết thì số chênh lệch nhỏ hơn ghi:

Nợ TK 1593: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Có TK 632: Giá vốn hàng bán

Ví dụ:

Cuối năm 2014 giá Xi măng CF trên thị trường chỉ còn 1.209.000 đồng/tấn. Trong khi đó giá ghi sổ của công ty là 1.400.000 đồng/tấn, trong kho còn dự trữ 17 tấn, khi đó công ty cần lập dự phòng giảm giá cho vật liệu này:

Mức giảm giá xi măng CF: $1.400.000 - 1.209.000 = 191.000$ đồng/tấn.

Mức trích lập dự phòng: $191.000 (\text{đồng/tấn}) \times 17(\text{tấn}) = 3.247.000$ đồng

Việc lập dự phòng giảm giá được tiến hành riêng cho từng loại nguyên vật liệu và được tổng hợp vào bảng kê dự phòng giảm giá nguyên vật liệu:

Biểu số 3.4: Bảng kê chi tiết giảm giá hàng tồn kho.

BẢNG KÊ CHI TIẾT GIẢM GIÁ HÀNG TỒN KHO

Năm 2014

| Tên hàng | ĐVT | Số lượng | Giá hạch toán | Giá thị trường | Mức chênh lệch | Mức dự phòng |
|-------------|-----|----------|---------------|----------------|----------------|--------------|
| Xi măng CF | tấn | 17 | 1.400.000 | 1.209.000 | 191.000 | 3.247.000 |
| Xi măng PCB | tấn | 19 | 1.360.000 | 1.193.000 | 167.000 | 3.173.000 |
| Xi măng HT | tấn | 28 | 1.389.000 | 1.178.000 | 221.000 | 6.188.000 |
| Cộng | | | | | | 12.608.000 |

Người lập
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

Kế toán định khoản:

Nợ TK 632: 12.608.000

Có TK 1593: 12.608.000

Kế toán lập phiếu kế toán cho nghiệp vụ trên rồi từ đó vào sổ Nhật ký chung và sổ cái tài khoản liên quan.

3.2.6. Một số giải pháp khác.

3.2.6.1. Quản lý và sử dụng vật tư.

Để có thể giảm thiểu được chi phí thì công ty phải chú trọng đến công tác quản lý, sử dụng vật tư ở tất cả các khâu, cụ thể như sau:

- Giảm các chi phí trong công tác thu mua, sử dụng đúng định mức, tiết kiệm, hạn chế sản phẩm hỏng, bảo quản nguyên vật liệu trong kho, che đậy...
- Công ty vẫn thường mua của các cửa hàng quen thuộc nên cần tìm kiếm thêm các nhà cung cấp mới để có thể có nhiều lựa chọn hơn, sẽ có được mức giá hợp lý hơn nhằm giảm các chi phí thông qua các khoản giảm giá, chiết khấu thương mại và có được vật tư với chất lượng tốt nhất như vậy cũng tránh được tình trạng phải phụ thuộc vào nhà cung cấp.
- Nên có chế độ khen thưởng đối với các cá nhân tập thể sử dụng tiết kiệm nguyên vật liệu, có những sáng kiến trong việc sử dụng tiết kiệm vật tư. Đồng thời cũng kỷ luật các cá nhân, tập thể gây lãng phí vật tư. Bên cạnh đó nên tổ chức các cuộc thi để tạo sự thi đua giữa các cá nhân, tập thể trong việc tiết kiệm vật tư, giảm chi phí.
- Thường xuyên đôn đốc nhắc nhở công tác thu hồi vật tư, thiết bị để tái chế phục hồi đưa vào sản xuất nhằm giảm chi phí.

3.2.6.2. Bộ máy kế toán.

Để nâng cao hiệu quả trong quá trình sản xuất kinh doanh ngoài việc tìm kiếm và mở rộng thị trường thì xí nghiệp cũng phải quan tâm đến các vấn đề nhân sự: thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ kiến thức cho cán bộ công nhân viên đặc biệt là trình độ tin học và các chuẩn mực kế toán mới. Thường xuyên kiểm tra sổ sách, đối chiếu số liệu nhằm phát hiện sai sót để chấn chỉnh kịp thời. Phát huy, tận dụng hết khả năng sử dụng máy vi tính mà công ty trang bị nhằm tổng hợp số liệu khoa học, rõ ràng. Tăng cường theo dõi, kiểm tra cán bộ công nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình thông qua việc thường xuyên theo dõi bảng chấm công của từng phòng ban. Tổ chức giờ làm việc một cách khoa học, ổn định công tác phân công nhiệm vụ cụ thể nhằm chuyên môn hóa công tác kế toán, tăng hiệu quả công việc. Có chính sách khen thưởng với các cá nhân có thành tích xuất sắc trong công việc. Có chế độ thưởng phạt rõ ràng để khuyến khích tinh thần làm việc.

Bộ máy kế toán của một doanh nghiệp là tập hợp những người làm kế toán tại doanh nghiệp cùng với các phương tiện trang thiết bị dùng để ghi chép, tính toán xử lý toàn bộ thông tin liên quan đến công tác kế toán tại doanh nghiệp từ khâu thu nhận, kiểm tra, xử lý đến khâu tổng hợp, cung cấp những thông tin kinh tế về các hoạt động của đơn vị. Vấn đề nhân sự để thực hiện công tác kế toán có ý nghĩa quan trọng hàng đầu trong tổ chức kế toán của doanh nghiệp. Tổ chức nhân sự như thế nào để từng người phát huy được cao nhất điểm mạnh của mình,

đồng thời tác động tích cực đến những bộ phận hoặc người khác có liên quan là mục tiêu của tổ chức bộ máy kế toán. Việc phân công nhiệm vụ, chức năng của các cán bộ kế toán của công ty hiện nay chưa hợp lý nên gây ra việc kém hiệu quả trong công tác tổ chức và quản lý. Việc phân chia lại nhiệm vụ của từng người là rất cần thiết vì qua đó có thể tăng được hiệu quả quản lý và nâng cao được sự cạnh tranh của công ty với các đối thủ cạnh tranh.

KẾT LUẬN

Để kế toán phát huy được vai trò của mình trong quản lý kinh tế thông qua việc phản ánh và giám sát một cách chặt chẽ, toàn diện tài sản và nguồn vốn của công ty ở mọi khâu trong quá trình sản xuất nhằm cung cấp các thông tin chính xác và hợp lý phục vụ cho việc lãnh đạo và chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh, thì việc hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu của công ty là một tất yếu. Nhất là trong việc chuyển đổi môi trường kinh tế, việc tổ chức kế toán vật liệu đòi hỏi còn phải nhanh chóng kiện toàn để cung cấp kịp thời đồng bộ những vật liệu cần thiết cho sản xuất, kiểm tra, giám sát việc chấp hành các định mức dự trữ ngăn ngừa hiện tượng hư hụt, mất mát lãng phí vật liệu.

Về mặt lý luận, em đã trình bày một cách khái quát, có hệ thống các vấn đề cơ bản về hạch toán nguyên vật liệu. Qua thời gian thực tập tại công ty em thấy công ty đã áp dụng một cách tốt nhất chế độ kế toán mới và luôn muốn hoàn thiện bộ máy kế toán của mình. Tuy nhiên vẫn còn tồn tại một số vấn đề và em tin rằng với khả năng và những cố gắng của công ty trong thời gian tới thì những vấn đề tồn tại sẽ được giải quyết, công tác quản lý và hạch toán nguyên vật liệu sẽ hoàn thiện hơn, phục vụ đắc lực cho quản lý kinh tế tài chính của công ty.

Do thời gian thực tập và tìm hiểu thực tế không dài, trình độ lý luận và thực tiễn còn hạn chế nên bài khóa luận này không tránh khỏi những sai sót. Em rất mong được sự đóng góp ý kiến, giúp đỡ của thầy cô giáo khoa Kế toán kiểm toán trường Đại học Dân Lập Hải Phòng.

Qua đây, em xin gửi lời cảm ơn cô giáo Nguyễn Thị Mai Linh và các cán bộ kế toán Công ty TNHH Trung Hạnh đã giúp đỡ em nhiệt tình trong việc hoàn thiện bài khóa luận này. Xin chúc công ty TNHH Trung Hạnh thành công rực rỡ trên con đường phát triển của mình.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải phòng, ngày 30 tháng 6 năm 2015

Sinh viên

Hoàng Thị Hương

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính (2009), *Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ quyển 1 Hệ thống tài khoản kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
2. Bộ tài chính (2009), *Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ quyển 2 Báo cáo tài chính, chứng từ, sổ sách kế toán và sơ đồ kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
3. Bộ tài chính (2009), *Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 về hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp*
4. Bộ tài chính (2001), *Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam*
5. Công ty TNHH Trung Hạnh (2014), *Sổ sách kế toán Công ty*.
6. Tài liệu tham khảo khác tại thư viện.